

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

PHẠM TUẤN LONG

**QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN
KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI
VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

Hà Nội, năm 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

PHẠM TUẤN LONG

**QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN
KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI
VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG**

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ CÔNG TRÌNH

MÃ SỐ: 62.58.01.06

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

- 1. GS.TS.KTS NGUYỄN QUỐC THÔNG**
- 2. TS. KTS TRẦN QUỐC THÁI**

Hà Nội, năm 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

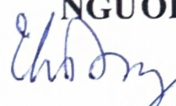
PHẠM TUẤN LONG

QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN
KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI
VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ CÔNG TRÌNH

MÃ SỐ: 62.58.01.06

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC



1. GS.TS.KTS NGUYỄN QUỐC THÔNG



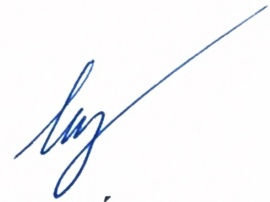
2. TS. KTS TRẦN QUỐC THÁI

Hà Nội, tháng 11 năm 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án



Phạm Tuấn Long

LỜI CẢM ƠN

Trân trọng cảm ơn GS.TS.KTS Nguyễn Quốc Thông và TS. KTS Trần Quốc Thái – những người Thầy đã tận tâm hướng dẫn tôi trên con đường nghiên cứu khoa học.

Xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu, Khoa Đào tạo sau đại học Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, UBND Thành phố Hà Nội, UBND quận Hoàn Kiếm, Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội, Ban quản lý phố cổ Hà Nội và các Chuyên gia, Nhà khoa học đã khích lệ, tạo điều kiện và giúp đỡ tôi hoàn thành luận án này.

Sau cùng, xin cảm tạ Gia đình, Người thân và Đồng nghiệp luôn đồng hành, ủng hộ và chia sẻ cùng tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận án này!

MỤC LỤC

	Trang
<i>LỜI CAM ĐOAN</i>	<i>I</i>
<i>LỜI CẢM ƠN</i>	<i>II</i>
<i>MỤC LỤC</i>	<i>III</i>
<i>DANH MỤC HÌNH VẼ</i>	<i>VIII</i>
<i>DANH MỤC SƠ ĐỒ</i>	<i>VIII</i>
<i>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</i>	<i>XII</i>
<i>MỞ ĐẦU</i>	<i>1</i>
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Nội dung nghiên cứu	5
5. Phương pháp nghiên cứu	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	6
7. Kết quả nghiên cứu và những đóng góp mới của đề tài	7
8. Các khái niệm và thuật ngữ	7
9. Cấu trúc luận án	12
<i>NỘI DUNG</i>	<i>13</i>
<i>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG</i>	<i>13</i>
1.1. Khái quát về khu trung tâm lịch sử trong cấu trúc không gian đô thị	13
<i>1.1.1. Khu trung tâm lịch sử ở một số nước trên thế giới</i>	<i>13</i>
<i>1.1.2. Khu phố cổ trong cấu trúc không gian đô thị Hà Nội</i>	<i>17</i>
1.2 Tổng quan về quản lý kiến trúc cảnh quan khu trung tâm lịch sử với sự tham gia của cộng đồng ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam ..	18

1.2.1. Tình hình quản lý kiến trúc cảnh quan khu trung tâm lịch sử ở một số thành phố trên thế giới.....	18
1.2.2. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu trung tâm lịch sử ở một số thành phố trên thế giới.....	20
1.2.3. Tình hình quản lý kiến trúc cảnh quan khu trung tâm lịch sử tại một số thành phố ở Việt Nam.....	22
1.3. Thực trạng quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng	25
1.3.1 Đặc điểm kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội	25
1.3.2. Quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội qua các giai đoạn.....	28
1.3.3 Thực trạng quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.....	35
1.4. Công trình nghiên cứu liên quan đến luận án.....	40
1.4.1. Đề tài khoa học.....	40
1.4.2. Luận án tiến sĩ	44
1.5. Các vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu.....	44
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG	46
2.1. Cơ sở lý thuyết	46
2.1.1. Lý thuyết chung về quản lý kiến trúc cảnh quan.....	46
2.1.2. Xu hướng quản lý kiến trúc cảnh quan.....	48
2.1.3. Nội dung quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.....	51
2.2 Lý thuyết về sự tham gia của cộng đồng trong quản lý đô thị.....	52
2.2.1 Nhận thức chung về tham gia cộng đồng trong quản lý đô thị.....	52
2.2.2 Lý thuyết của Sherry A. Arnstein.....	53
2.2.3 Lý thuyết của Samuel Paul	55
2.2.4 Lý thuyết Jurgen Habermas	57
2.2.5. Phương pháp tham gia cộng đồng trong quy hoạch và quản lý đô thị.....	57
2.2.6. Sự tham gia cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội	58

2.2.7 Nhận xét.....	61
2.3. Cơ sở pháp lý	62
2.3.1 Văn bản quy phạm pháp luật Nhà nước.....	62
2.3.2. Văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố Hà Nội.....	65
2.4. Cơ sở thực tiễn.....	66
2.4.1. Lịch sử tham gia cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.....	66
2.4.2. Các dự án đã thực hiện tại Khu phố cổ Hà Nội	70
2.5. Yếu tố tác động đến công tác quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.....	73
2.5.1. Nhu cầu sinh hoạt cộng đồng.....	73
2.5.2. Yếu tố xã hội.....	76
2.5.3. Yếu tố kinh tế.....	78
2.6. Kinh nghiệm quản lý kiến trúc cảnh quan khu trung tâm lịch sử với sự tham gia cộng đồng	82
2.6.1. Kinh nghiệm thực tiễn trong nước:.....	82
2.6.2. Kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài	85
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ BÀN LUẬN.....	90
3.1. Quan điểm quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng	90
3.1.1 Phù hợp với các chính sách pháp luật của Nhà nước, và sự chỉ đạo của Chính phủ và Thành phố.....	90
3.1.2 Thích ứng với chính sách mở cửa, hội nhập của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.....	90
3.1.3 Thích ứng với sự đa dạng về thành phần cộng đồng dân cư khu phố cổ Hà Nội	91
3.1.4 Đảm bảo sự phát triển của kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội theo hướng bền vững và có bản sắc.....	92

3.1.5 Thích ứng với chiến lược, tầm nhìn phát triển đô thị Hà Nội.....	92
3.2. Nguyên tắc quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.	93
3.2.1. Nguyên tắc 1: Lấy phát triển con người là trọng tâm.....	93
3.2.2. Nguyên tắc 2: Tham vấn cộng đồng toàn diện.	94
3.2.3. Nguyên tắc 3: Vai trò của chính quyền địa phương.....	95
3.2.4. Nguyên tắc 4: Huy động các nguồn lực.....	96
3.3. Đổi mới mô hình quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng	96
3.3.1. Chuyển đổi phương thức quản lý.....	96
3.3.2. Mô hình phân quyền trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.....	98
3.3.3. Đổi mới mô hình quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.....	99
3.3.4. Ứng dụng công nghệ số - công cụ quản lý mới	102
3.4. Đề xuất 5 mức độ tham gia của cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.....	103
3.5. Xây dựng mô hình cộng đồng tự quản trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội	105
3.5.1. Yêu cầu xây dựng cộng đồng tự quản.....	106
3.5.2. Mô hình cộng đồng tự quản trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.....	107
3.6. Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.	109
3.6.1. Căn cứ đổi mới Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.....	110
3.6.2. Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.....	111
3.6.3. Xây dựng chương trình hành động để thực hiện 5 mục tiêu trọng tâm.....	116

3.7. Giới thiệu các dự án thể nghiệm về kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.....	118
<i>3.7.1. Xác định không gian kiến trúc cảnh quan trọng điểm của khu phố cổ Hà Nội:</i>	<i>118</i>
<i>3.7.2. Một số dự án nghiên cứu thể nghiệm tiêu biểu.....</i>	<i>120</i>
3.8. Bàn luận:	128
<i>3.8.1 Quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia cộng đồng....</i>	<i>128</i>
<i>3.8.2 Sự hiệu quả của tham gia cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.....</i>	<i>129</i>
<i>3.8.3 Sự cần thiết đổi mới mô hình quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.....</i>	<i>134</i>
<i>3.8.4 Phát huy hiệu quả công tác quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng tự quản.</i>	<i>135</i>
<i>3.8.5 Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.....</i>	<i>136</i>
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	138
1. Kết luận	138
2. Kiến nghị.....	139
DANH MỤC CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ.....	142
TÀI LIỆU THAM KHẢO	TLTK1
PHỤ LỤC	PL1

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1: Vị trí KPC Hà Nội [4].....	4
Hình 1.2: Mặt bằng KPC trong quan hệ với khu vực sông Hồng và khu phố trung tâm thành phố Hà Nội [10].	4
Hình 1.1: Bản đồ vị trí khu vực trung tâm đô thị cổ đại [20].....	13
Hình 1.2: Cấu trúc không gian Paris thế kỷ XIX: Ngoại ô và trung tâm [20].....	15
Hình 1.3: Mô hình CBD ví dụ Makati (Philippines) khu vực quận 1 Tp HCM (Việt Nam) [20].....	15
Hình 1.4: Đường phố cổ Singapore được xây dựng mới lại[20].....	16
Hình 1.5: Bản đồ vị trí quận Hoàn Kiếm và phân 4 vùng đặc thù[62].....	18
Hình 1.6: Biệt thự cổ 110-112 Võ Văn Tần, quận 3 (sắp được trùng tu)	24
Hình 1.7: Cổng phố Hàng Thùng (thế kỷ XIX); Bản đồ Hà Nội 1874 [20].....	27
Hình 1.8: Mặt bằng Khu phố cổ Hà Nội [86].....	28
Hình 1.9: Quy hoạch nội khu Đền Thủy với Thành Hà Nội (1897).[2].....	29
Hình 1.10: Khu phố cổ 1885 & 1902: Nhà gạch thay dần nhà lá[2].....	29
Hình 1.11: Nghiên cứu quy hoạch KPC Hà Nội của Luis Pineau (1931-1942); Bản đồ quy hoạch Hà Nội do KTS Phạm Gia Hiến lập 1951[31].....	30
Hình 1.12: Hà Nội năm 1956; Quy hoạch HN do Liên Xô lập 1961[31].....	31
Hình 1.13: Phố Hàng Đào 1955 và Phố Hàng Đường 1983:[2].....	31
Hình 1.14: Dự án chỉnh trang KTCQ đường phố Lãn Ông -2014.....	33
Hình 1.15: Tổ chức phố đi bộ cuối tuần quanh Hồ Gươm và phụ cận được triển khai từ 1/9/2016	34
Hình 1.16: Quang cảnh phố đi bộ quanh Hồ Hoàn Kiếm và phố Hàng Buồm.....	34
Hình 1.17: Thiết kế vị trí biển quảng cáo, mái hiên, mái vẩy trong phố cổ[24].....	38
Hình 1.18: Ví dụ minh họa thiết kế đô thị tuyến phố Lãn Ông.....	39
Hình 1.19: Phố Lãn Ông: Mặt đứng hiện trạng và phương án thiết kế cải tạo, hoàn thành tháng 12/2014.....	39

Hình 2.1: Bức tranh Hà Nội thế kỷ XIX (trước khi người Pháp đến), họa sĩ Nguyễn Thế Khang cho thấy Kẻ Chợ còn mang nhiều hình ảnh của làng quê.[20].....	66
Hình 2.2: Phố Tạ Hiện trước và sau tôn tạo nâng cấp 2014[20].....	70
Hình 2.3: Mặt bằng phố Lãn Ông và các công trình tôn tạo theo tuyến[62].....	71
Hình 2.4: Mặt đứng(số chẵn) hiện trạng và chỉnh trang phố Lãn Ông[62].	72
Hình 2.5: Mặt đứnghiện trạng (số lẻ) phố Lãn Ông.....	72
Hình 2.6: Mặt đứng chỉnh trang (số lẻ) phố Lãn Ông.....	73
Hình 2.7: Bảo tồn Đình Hàng Bạc, Đình Quan Đố (Hàng Buồm).....	73
Hình 2.8: Trẻ em chơi trên hè phố 1993 và phố đêm Tạ Hiện 2016.....	74
Hình 2.9: Lễ hội ánh sáng ở Lyon Lễ hội Hanami Nhật Bản.....	75
Hình 2.10: Chợ đêm phố cổ Hà Nội và chợ đêm thành phố Đà Lạt.....	76
Hình 2.11: Paris, phố Réaumur trước và sau cải tạo thời Haussmann.....	86
Hình 2.12: Kế hoạch mở rộng phố cổ dihua thuộc Dadaocheng từ 7,8m lên 20m. Ngôi nhà cổ ở số 84 phố Bau-An, trước và sau tôn tạo.....	87
Hình 2.13: Cảnh quan KPC Hà Nội có nhiều tương đồng với các tuyến phố.....	88
Hình 3.1: Những giải pháp kỹ thuật số hỗ trợ quản lý KTCQ hiện đại.....	102
Hình 3.2: Bản vẽ các công trình kiến trúc cần bảo tồn trong KPC, Ban quản lý Phố cổ Hà Nội lập năm 2012.....	113
Hình 3.3: Bản vẽ các công trình kiến trúc cần bảo tồn, sở KTQH lập 1998.....	114
Hình 3.4: Bản đồ xác định các hướng nhìn từ ngoài vào Tp Kuala Lumpur và Hà Nội.....	119
Hình 3.5: Hiện trạng KTCQ Đường Phùng Hưng, Hà Nội.....	120
Hình 3.6: Khảo sát hiện trạng Phố Phùng Hưng, các nghệ sĩ tình nguyện sáng tác với sự hỗ trợ của cộng đồng cư dân địa phương.....	121
Hình 3.7: Hoạt động của cộng đồng cư dân trên phố Phùng Hưng[62].....	121
Hình 3.8: Bản đồ Phố Phùng Hưng đầu thế kỷ XX và bản đồ mạng lưới dự kiến phố đi bộ KPC Hà Nội.[62].....	122

Hình 3.9: Dự án “Phố đi bộ nghệ thuật kết hợp lễ hội đường phố” trên phố Phùng Hưng [59].....	123
Hình 3.10: Giải pháp đỗ xe trên cao và dưới ngầm đa lợi ích[16].....	124
Hình 3.11: Dự án “Nghệ thuật công cộng Phúc Tân”	125
Hình 3.12: Dự án Công viên Hải hòa bên bờ sông Hồng Hà Nội.....	126
Hình 3.13: Hình ảnh hiện trạng khu vực bờ Vở và bãi giữa sông Hồng, khu vực dự án Công viên Hải hòa.....	127
Hình 3.14: Hình ảnh hiện trạng (tiếp theo), khu vực bờ Vở và bãi giữa sông Hồng, khu vực dự án Công viên Hải hòa.....	127
Hình 3.15: “Thiết kế thành phố của chúng ta –Singapore 2030”	131
Hình 1. PL1: Sơ đồ quy hoạch tổng thể Hà Nội do KTS E Hébrard lập 1925. Và chân dung KTS Hébrard [19].....	PL2
Hình 2.PL1: Khu phố cổ Hà Nội với các hình thái tuyến, diện, điểm.[86].....	PL3
Hình 3 PL1: Hiện trạng bề rộng hè phố 4 quận nội thành. Tỷ lệ vỉa hè trong khu phố cổ vẫn cao hơn các khu vực khác trong thành phố[25].[38].....	PL4
Hình 4.PL1: Mặt bằng sinh hoạt đoạn phố Hàng Khoai (từ đầu ngã tư Hàng Giấy – Hàng Khoai đến chùa Huyền Thiên).[32].[86].....	PL4
Hình 5.PL1: Mặt bằng sinh hoạt các khu phố quanh Chợ Đồng Xuân [32].[86]	PL5
Hình 6 .PL1:Ngã tư Đào Duy Từ - Mã Mây và buổi tối phố đi bộ bên hồ Hoàn Kiếm, khu quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục – năm 2015.....	PL6
Hình 7 PL1:Ngã tư Hàng Giấy- Hàng Khoai đầu TK XX và đoạn phố từ ngã tư đến Chùa Huyền Thiên nhìn từ cửa sổ Chợ Đồng Xuân năm 2015.[20].....	PL6
Hình 8.PL1: Tranh vẽ của họa sĩ Nguyễn Thế Khang: khu vực quanh chợ Đồng Xuân TK XIX; Chùa Quán Huyền Thiên 1993 và Dự án tôn tạo 2015.[20] ..	PL7
Hình 1.PL3: Mô hình phát triển cộng đồng dựa trên tài sản ABCD [80]	PL14
Hình 2 PL3: Hồ sơ BIM mô tả dự án tổ tại wanchai (Hongkong) [36].....	PL15
Hình 3.PL3: Tổ hợp ga Metro Bến Thành (TP.HCM). Hà Nội bao gồm Ga ngầm, trung tâm thương mại, bãi đỗ xe ngầm, và hệ thống xử lý, thoát nước [36].....	PL15

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quá trình hình thành và phát triển KTCQ trong đô thị [33]	19
Sơ đồ 1.2: Bộ máy quản lý đô thị từ trung ương tới địa phương [22]	22
Sơ đồ 1.3: Yêu cầu quản lý không gian KTCQ [22].....	35
Sơ đồ 1.4: Hệ thống văn bản quản lý liên quan quản lý đô thị[22]	36
Sơ đồ 1.5: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý KTCQ chung của TP Hà Nội[22] ..	36
Sơ đồ 1.6: Hệ thống các công cụ quản lý không gian KTCQ.[22]	37
Sơ đồ 2.1: Mối quan hệ các lĩnh vực liên quan đến quản lý KTCQ.....	46
Sơ đồ 2.2: Vai trò của các nhóm cộng đồng đối với di sản. [34].....	76
Sơ đồ 2.3: Vai trò các nhóm cộng đồng đối với nhiệm vụ bảo tồn di sản.....	77
Sơ đồ 2.4: Cộng đồng và Vốn xã hội	82
Sơ đồ 2.5: Sự tham gia cộng đồng trong Tân kinh tế học thể chế [30]	81
Sơ đồ 3.1 Phát triển Con người là mục tiêu của quản lý đô thị	93
Sơ đồ 3.3: So sánh mô hình quản trị Phân quyền và Tập trung.....	97
Sơ đồ 3.4: Mô hình quản trị đô thị chuyển đổi và những giá trị mới.	99
Sơ đồ 3.5: So sánh Mô hình Quản lý tập trung và mô hình Quản lý phân tán	100
Sơ đồ 3.7. Hiện trạng hệ thống tổ chức thể chế ở nước ta hiện nay	107
Sơ đồ 3.9 Mô hình Cộng đồng tự quản.....	109
Sơ đồ 3.10: Không gian KTCQ khu phố cổ trong chuỗi giá trị liên kết [100]	116

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

KTCQ	Kiến trúc Cảnh quan
KPC	Khu phố cổ
TGCD	Sự tham gia của cộng đồng
UBND	Ủy ban Nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
VH GD	Văn hóa Giáo dục
NXB	Nhà xuất bản
KH CN	Khoa học công nghệ
UNDP	United Nations Development Programme Chương trình phát triển Liên hiệp quốc
UNESCO	United Nations Educational Scientific and Cultural Organization
HAIDEP	Hanoi Integrated Development and Environmental Program. Chương trình nghiên cứu tích hợp phát triển đô thị và môi trường thành phố Hà Nội
NCS	Nghiên cứu sinh
VGBC	Vietnam Green Building Council Hội đồng công trình xanh Việt Nam
LOTUS	Chứng nhận công trình xanh Việt Nam Lotus của Hội đồng công trình xanh Việt Nam

ĐHXD	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội
OECD	Organization for Economic Cooperation and Development Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
SENA	Công ty tư vấn thiết kế SENA
SIDA	Styrelsen för Internationellt Utvecklingssamarbete Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Thụy Điển
LEED	US. Green Building Council Hội đồng công trình xanh Hoa Kỳ
GREENMARK	Hội đồng công trình xanh Singapore
BREEAM	Building Research Establishment... Tiêu chuẩn công trình xanh Anh quốc

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

KPC Hà Nội ra đời và phát triển cùng với lịch sử hình thành và phát triển của Thăng Long - Hà Nội có đặc trưng về hình thái đô thị, góp phần làm nên bản sắc riêng của cấu trúc không gian đô thị Hà Nội lịch sử.

Trong cấu trúc đô thị Thăng Long - Hà Nội lịch sử, KPC là khu phố thị có hình thái không gian KTCQ không theo quy tắc đối xứng nghiêm ngặt như khu vực Hoàng thành. Về tự nhiên của KPC Hà Nội thể hiện ở sự không lặp lại về hình thái KTCQ, bên cạnh sự đa dạng của các hoạt động của các cư dân. Từ năm 2004 KPC Hà Nội được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận là di sản Quốc gia [3]

Những năm gần đây, trước tốc độ đô thị hóa quá nhanh, có thể nói chưa từng có trong lịch sử đã và đang diễn ra ở nước ta, lại trong điều kiện hệ thống các văn bản pháp quy về quy hoạch, kiến trúc và bảo tồn di sản chưa đồng bộ và hoàn chỉnh. Di sản đô thị, trong đó có không gian KTCQ KPC Hà Nội đang bị biến dạng nghiêm trọng, làm mất đi những giá trị văn hóa kiến trúc truyền thống. Đó chính là mâu thuẫn thường trực giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại đối với bất kỳ đất nước nào trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển.

Bảo tồn và phát huy giá trị di sản đô thị, từ lâu đã được nhiều nước trên thế giới quan tâm nghiên cứu và áp dụng vào thực tiễn. Quan điểm nghiên cứu về di sản kiến trúc đô thị đã trải qua nhiều giai đoạn. Nửa đầu thế kỷ XX, quan điểm phát triển lấn át bảo tồn trong quy hoạch và kiến trúc. Điều đó được thể hiện trong các Hiến chương của Đại hội quốc tế kiến trúc hiện đại (CIAM) khi đề cao Chủ nghĩa công năng. [68] Phải đến năm 1964, Hiến

chương Venice xác định nền tảng của công tác bảo tồn di sản đô thị hiện đại trên thế giới. [101]

Ở Việt Nam, trong hơn 30 năm tiến hành công cuộc Mở cửa, Đổi mới nền kinh tế, cách tiếp cận mới về di sản đô thị theo tinh thần của Hiến chương Venice và các Hiến chương quốc tế khác đã từng bước được vận dụng. Trên cơ sở đó công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di sản đô thị, trong đó có quản lý không gian KTCQ KPC Hà Nội đang có những thay đổi căn bản. Trong nghiên cứu, thiết kế và quản lý KTCQ KPC Hà Nội, đó là sự chuyển hướng từ tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật và sử dụng viện trợ quốc tế sang phát huy nội lực trong nước, trong đó có sự hưởng ứng và tham gia trực tiếp của cộng đồng cư dân. Bởi vì, cộng đồng chính là chủ nhân đích thực của các không gian KTCQ.

Trên thực tế, công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội những năm gần đây đã có những thành công bước đầu quan trọng. Tuy nhiên, trước tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh chóng, theo đó là các chức năng mới theo hướng hội nhập kinh tế và văn hóa quốc tế, cùng với sự thay đổi các thành phần của cộng đồng dân cư,... tất cả ảnh hưởng trực tiếp đến không gian KTCQ KPC Hà Nội. Công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội, vì thế đang đối diện với những thách thức mới và cần thiết có sự đổi mới để đáp ứng mục tiêu vừa bảo tồn vừa phát huy hiệu quả nhất giá trị của di sản kiến trúc đô thị trong đời sống hiện đại. Trong bối cảnh ấy, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài luận án để nghiên cứu là **“Quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng”** với mong muốn góp phần nhỏ trong sự nghiệp lớn là phát triển KPC Hà Nội hiện đại và bản sắc.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất các giải pháp quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự tham gia trực tiếp và hiệu quả của cộng đồng dân cư.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

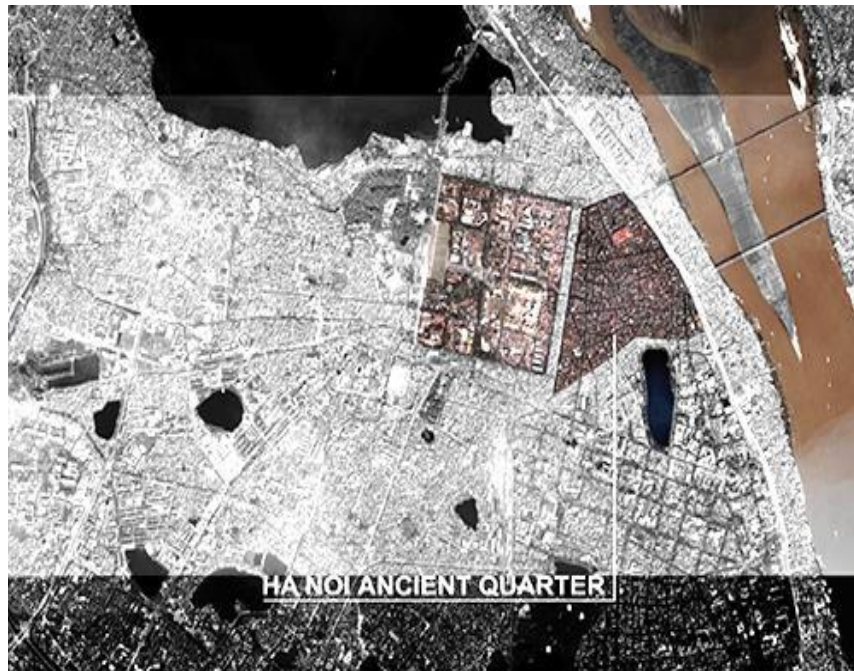
Quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD. Đối tượng nghiên cứu là sự tham gia của cộng đồng. Đối tượng quản lý là kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

- ***Về không gian:*** Là toàn bộ KPC Hà Nội với diện tích gần 100 Ha thuộc địa bàn quận Hoàn Kiếm, theo Quyết định số 70 BXD/KT-QH ngày 30/3/1995 của Bộ Xây dựng: Phía Bắc là phố Hàng Đậu, phía Tây là phố Phùng Hưng, phía Nam là các phố Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ và Hàng Thùng, phía Đông đường Trần Quang Khải và đường Trần Nhật Duật.

Ngoài phạm vi trực tiếp đã được xác định như ở trên, các yếu tố tự nhiên liên quan tới vùng cận biên KPC Hà Nội, có tính liên thuộc không thể tách rời với KPC như, cảnh quan khu vực sông Hồng cũng được xem xét. (Hình 1.1, 1.2)

- ***Về thời gian:*** Nội dung luận án tập trung vào giai đoạn từ 1954 đến 2045 theo Kế hoạch 63/KH-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2020 về lập “Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045” của UBND Thành phố Hà Nội. Đây cũng là mốc kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập nước.



Hình 1.1: Vị trí KPC Hà Nội [4].



Hình 1.2: Mặt bằng KPC trong quan hệ với khu vực sông Hồng và khu phố trung tâm thành phố Hà Nội [10].

4. Nội dung nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án gồm các nội dung:

1. Nhận diện đặc điểm và giá trị KTCQ và thực trạng quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD.
2. Tham khảo các lý luận và kinh nghiệm thế giới về sự TGCD trong quản lý để vận dụng phù hợp với thực tế quản lý KTCQ KPC Hà Nội.
3. Xác định nội dung quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự tham gia hiệu quả của cộng đồng.
4. Đề xuất những giải pháp về sự tham gia trực tiếp và hiệu quả của cộng đồng trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội.
5. Kiến nghị quy chế quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp khảo sát hiện trạng:

Đây là tập hợp các phương pháp nhằm thu thập thông tin, dữ liệu và tài liệu liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Đó là: Khảo sát thực địa; Vẽ ghi; Chụp ảnh hiện trạng KPC Hà Nội; Nghiên cứu tài liệu, tư liệu liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án.

5.2. Phương pháp phân tích hình thái đô thị:

Vận dụng phương pháp phân tích hình thái học đô thị trong trường hợp KPC Hà Nội là để hiểu được quá trình chuyển hóa hình thái KTCQ KPC Hà Nội qua các giai đoạn phát triển. Nghĩa là để nhận diện được các quy luật chuyển hóa và giá trị của cấu trúc KTCQ KPC Hà Nội. Đó là những yếu tố quan trọng nhất để đề xuất can thiệp hiệu quả trong công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội.

5.3. Phương pháp phân tích và tổng hợp:

Đây là các phương pháp quan trọng dùng để phân tích các thông tin, số liệu, tư liệu và tài liệu liên quan đến đề tài đã thu thập được. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD.

5.4. Phương pháp so sánh:

Phương pháp so sánh là để đối chiếu các giải pháp quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD được đề xuất với các tiêu chí đánh giá, hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn xây dựng quốc gia.

5.5 Phương pháp tham vấn chuyên gia:

Là phương pháp nhằm kiểm chứng các kết quả nghiên cứu thông qua đánh giá của các chuyên gia. Tham vấn chuyên gia được tiến hành trực tiếp và gián tiếp.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

6.1 Ý nghĩa khoa học:

Nhận diện giá trị đặc trưng của KTCQ cùng những đặc điểm và khả năng tham gia của cộng đồng trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội. Trên cơ sở đó đề xuất các mức độ TGCD phù hợp với đặc điểm của cộng đồng cư dân để nâng cao hiệu quả tham gia trực tiếp của cộng đồng trong công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội. Đây là các kết quả có ý nghĩa khoa học, bổ sung vào lý luận về sự TGCD trong quản lý KTCQ - một lĩnh vực còn mới ở nước ta.

6.2 Ý nghĩa thực tiễn:

Các giải pháp quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD, nhất là về đổi mới bộ máy và mô hình quản lý KTCQ, trong đó có mô hình cộng đồng tự quản là những kết quả có tính khả thi đối với trường hợp KPC Hà Nội. Kết

quả này có giá trị tham khảo tốt trong công tác tư vấn, thiết kế và quản lý KTCQ và có thể áp dụng cho các trường hợp khác tại các đô thị ở nước ta. Đó là ý nghĩa thực tiễn của luận án.

7. Kết quả nghiên cứu và những đóng góp mới của đề tài

Trên cơ sở phân tích, đánh giá quá trình quản lý phát triển KTCQ KPC Hà Nội qua các giai đoạn, trong đó chú trọng đến sự TGCD, luận án đã đạt được một số kết quả chính:

- Nhận diện giá trị KTCQ và thực trạng TGCD trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội.
- Xây dựng cơ sở khoa học về quản lý KTCQ và về mức độ TGCD trong quản lý KTCQ phù hợp với đặc điểm phát triển của KPC Hà Nội.
- Đổi mới mô hình quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD, trong đó có mô hình tổ chức cộng đồng tự quản.
- Xây dựng quy chế quản lý KTCQ phù hợp với đặc điểm phát triển của KPC Hà Nội.

8. Các khái niệm và thuật ngữ

Các khái niệm và thuật ngữ được sử dụng trong luận án là:

Đô thị: Đô thị, theo Luật Quy hoạch đô thị 2015, Điều 3: “Đô thị là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn. “[42]

Di tích và di sản: Di tích trong đó có di tích tích kiến trúc là những đối tượng có giá trị kiệt xuất về các phương diện lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc

hoặc các giá trị khác cần được bảo tồn nguyên vẹn và lâu dài Di tích là đối tượng được bảo tồn theo Luật di sản. Trong đó Điều 4 Phân loại di tích gồm: Di tích lịch sử văn hóa; Di tích kiến trúc nghệ thuật; Di tích khảo cổ; Danh lam thắng cảnh. [43]

Di sản là một khái niệm mở rộng hơn, mềm mỏng hơn, bao hàm cả di tích và những đối tượng không hẳn đã là di tích, song có giá trị về nhiều mặt đa phần đang được sử dụng tiếp tục trong cuộc sống đương đại, cần phải thích ứng với các nhu cầu cuộc sống mới.

Bảo tồn, phát huy giá trị di sản: Bảo tồn bao gồm các hoạt động trên cơ sở pháp Luật Di sản văn hóa (được sửa đổi bổ sung 2009), nhằm duy trì nguyên vẹn và phát huy giá trị các di tích lịch sử và văn hóa, bằng các biện pháp quản lý, bảo vệ, bảo quản, trùng tu, khôi phục, tôn tạo và phát huy tác dụng trong đời sống đương đại.

Di sản, theo Luật Di sản văn hóa(Điều 4):, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: (1).Di sản văn hoá phi vật thể..... (2). Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; (3). Di tích lịch sử - văn hoá là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học; (4) Danh lam thắng cảnh là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học.[43]

Đô thị Di sản: Đô thị di sản là đô thị có quỹ di sản đô thị cả về vật thể và phi vật thể đã được định dạng rõ ràng (đến hiện tại) qua quá trình hình thành và phát triển của đô thị. Mức độ giá trị của quỹ di sản đô thị được đánh giá bởi các cơ quan, tổ chức chuyên môn theo quy định của luật pháp Nhà nước là cơ sở quan trọng để Nhà nước (và quốc tế) xếp hạng (với các cấp độ khác

nhau) đô thị di sản (cả thành phố) hay di sản đô thị (một bộ phận của thành phố).

Nói cụ thể hơn, từ phương diện kiến trúc, đô thị di sản là một đô thị đạt được sự hài hòa giữa các thành phần đô thị khác nhau trong một cấu trúc không gian đô thị thống nhất cho phép nhận biết được giá trị cũng như lịch sử phát triển của đô thị. Các thành phần đô thị hình thành và định hình ở các thời kỳ khác nhau mà không đối kháng nhau, nhất thể hóa trong sự hòa nhập với môi trường thiên nhiên, cảnh quan, gắn kết không ngưng trệ trong dòng chảy văn hóa sinh sống và văn hóa tinh thần của cộng đồng dân cư đô thị đó.

Ví dụ Khu vực trung tâm thành phố Hà Nội (hay gọi khác là khu vực nội đô lịch sử) có thể được đánh giá là đô thị di sản bởi các thành phần của đô thị như: Hoàng thành, Khu phố cổ 36 Phố phường và Khu phố cũ (được xây dựng thời Pháp thuộc) kết hợp hài hòa với nhau và với cảnh quan tự nhiên, tạo nên một cấu trúc không gian đô thị thống nhất và có bản sắc.

Kiến trúc: Theo Luật Kiến trúc: “Kiến trúc là nghệ thuật và khoa học, kỹ thuật về tổ chức không gian, tạo lập môi trường sống bền vững đáp ứng nhu cầu của con người và xã hội”. Nói gọn lại, kiến trúc là nghệ thuật tổ chức không gian sống cho con người, từ công trình, tổ hợp công trình đến đô thị và nông thôn.

Cảnh quan: Cảnh quan nói chung đã được định nghĩa là tất cả những gì có thể nhìn thấy và cảm nhận về một khu vực cụ thể, thường bao gồm: Các yếu tố vật lý của điều kiện tự nhiên như núi, đồi, nguồn nước, biển, sông hồ, ao, các thảm thực vật và các yếu tố do con người tạo nên như công trình kiến trúc, không gian mở với các trạng thiết bị tiện ích và thành phần cảnh quan được tổ chức như sân, vườn, vườn hoa và công viên, ...

Kiến trúc cảnh quan: Kiến trúc cảnh quan là thuật ngữ chưa được đề cập đến trong các văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta.[Luật QH ĐT, NĐ 85] Tuy nhiên, về học thuật, khái niệm Kiến trúc cảnh quan là lĩnh vực nghệ thuật và khoa học đa ngành, có sự tham gia của nghệ thuật kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng, thực vật học, địa học, tâm lý học và môi trường sinh thái. nhằm tổ chức môi trường sống, đáp ứng nhu cầu của con người trong không gian đô thị và nông thôn. Kiến trúc cảnh quan, nói ngắn gọn, chính là diện mạo của khu vực.[105]

Trên cơ sở định nghĩa về cảnh quan và kiến trúc cảnh quan, khái niệm kiến trúc cảnh quan KPC Hà Nội trong luận án được hiểu là tổ hợp của các thành phần: Không gian đường phố, không gian công cộng với các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, các trang thiết bị tiện ích đô thị, công trình nghệ thuật công cộng và cây xanh.

Cộng đồng: Cộng đồng là một tập hợp gồm nhiều cá nhân có xu hướng liên kết, gắn bó với nhau và có sự quan tâm hướng tới những mục tiêu, giá trị chung. Cộng đồng xã hội có những đặc điểm chung về thành phần giai cấp, nghề nghiệp, địa điểm cư trú,... [65]

Cộng đồng là một tập hợp những thành viên gắn với nhau bằng những giá trị chung. Cộng đồng có một sự cố kết nội tại không phải do những quy tắc rõ ràng, những luật pháp thành văn, mà do những liên hệ sâu hơn: huyết thống, truyền thống. Cộng đồng vừa mang những giá trị chung mà mỗi thành viên thừa nhận và tuân theo, vừa tôn trọng sự phát triển độc lập của mỗi thành viên trong các quan hệ hợp tác với nhau. [33]

Tính cộng đồng là một yếu tố gần như bẩm sinh của con người. Tính cộng đồng và tính cá nhân thay đổi theo sự phát triển của xã hội. Mối quan hệ giữa tính cộng đồng và tính cá nhân là chặt chẽ, nhưng luôn hàm chứa những mâu thuẫn, thậm chí xung đột. Không thể có tính cá nhân thực sự mà không có tính cộng đồng thực sự, và ngược lại. Mặc dù vậy, ngày nay trong nhiều xã hội, tiếng nói cá nhân thông qua người đại diện của cộng đồng vẫn tồn tại.

Sự tham gia của cộng đồng: Ở Việt Nam, sự tham gia cộng đồng quy định tại “Hiến pháp năm 2013”, điều 28, mục 2 và được hiểu là “người dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước” [44]. Trong luận án, nội hàm sự tham gia cộng đồng là quá trình trong đó các nhóm dân cư của cộng đồng tác động vào quá trình quy hoạch, thực hiện, quản lý sử dụng hoặc duy trì một dịch vụ, trang thiết bị hay phạm vi hoạt động đô thị. Trong quá trình đó, Chính phủ và cộng đồng dân cư cùng nhận một số trách nhiệm cụ thể và tiến hành các hoạt động để cung cấp các dịch vụ đô thị cho tất cả cộng đồng.

Như vậy, sự tham gia của cộng đồng là sự đóng góp các nguồn lực (cung cấp lao động, sử dụng đất đai, nguyên vật liệu, vốn, chất xám và các kỹ năng bao gồm kỹ năng tổ chức và quản lý...) của cộng đồng vào công tác quản lý Nhà nước nhằm nâng cao chất lượng đời sống của chính mình, không chỉ trong việc hiện thực hóa các kế hoạch chính sách mà còn đóng vai trò trực tiếp tham vấn xây dựng các chiến lược phát triển.

Trong thời đại ngày nay, sự tham gia của cộng đồng ngày càng có cơ hội được phát huy nhờ sức mạnh của công nghệ thông tin. Đặc biệt trong vai trò tham vấn. Công tác khảo sát lấy ý kiến người dân trở nên dễ dàng hơn với sự phát triển của mạng xã hội. Ngoài phương thức khảo sát truyền thống, ta có thể sử dụng nhiều công cụ để lấy thông tin từ các cộng đồng lớn mạnh trên mạng một cách vô cùng nhanh chóng và tiện lợi. Tuy nhiên, cái gì cũng có hai mặt. Ngoài việc rút ra những lợi ích từ tham vấn khảo sát trực tuyến, phía cơ quan quản lý cần có những phương pháp kiểm soát và xác thực thông tin để tránh những kết quả không chính xác, kết quả giả tạo để sự tham gia của cộng đồng đạt được hiệu quả thật sự.

Quản lý đô thị và Quản lý đô thị với sự tham gia của cộng đồng: Quản lý đô thị bao gồm hệ thống chính sách, cơ chế, biện pháp và phương tiện được

chính quyền các cấp sử dụng để tạo điều kiện quản lý và kiểm soát quá trình tăng trưởng đô thị.

Quản lý đô thị với sự tham gia cộng đồng đảm bảo cho những người chịu ảnh hưởng của dự án được tham gia vào việc quyết định dự án, dung hòa quyền lợi giữa các bên liên quan và làm tăng mức độ cam kết của cộng đồng với dự án và nhờ đó tăng tính bền vững của dự án. Thêm vào đó, sự tham gia của cộng đồng làm tăng sức mạnh của cả cộng đồng, đặc biệt trong việc tự phát hiện, hiểu và giải quyết những vấn đề khó khăn của chính họ.

Quản lý đô thị với sự tham gia cộng đồng là một quá trình mà Chính quyền và cộng đồng cùng nhận một số trách nhiệm cụ thể và tiến hành các hoạt động để quản lý và điều tiết khu vực đô thị.

Quản lý đô thị với sự tham gia của cộng đồng trong khu phố cổ Hà Nội: Là sự tham gia của chính quyền quản lý cùng với cộng đồng người dân cùng nhận một số trách nhiệm, tìm kiếm các hoạt động tương hỗ nhau trong việc gìn giữ và phát triển di sản đô thị trong khu phố cổ.

9. Cấu trúc luận án

Luận án gồm ba phần : Mở đầu, Nội dung, Kết luận và kiến nghị. Trong đó nội dung luận án gồm ba chương:

- Chương 1. Tổng quan về quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng
- Chương 2. Cơ sở khoa học về quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng
- Chương 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng và bàn luận

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1:

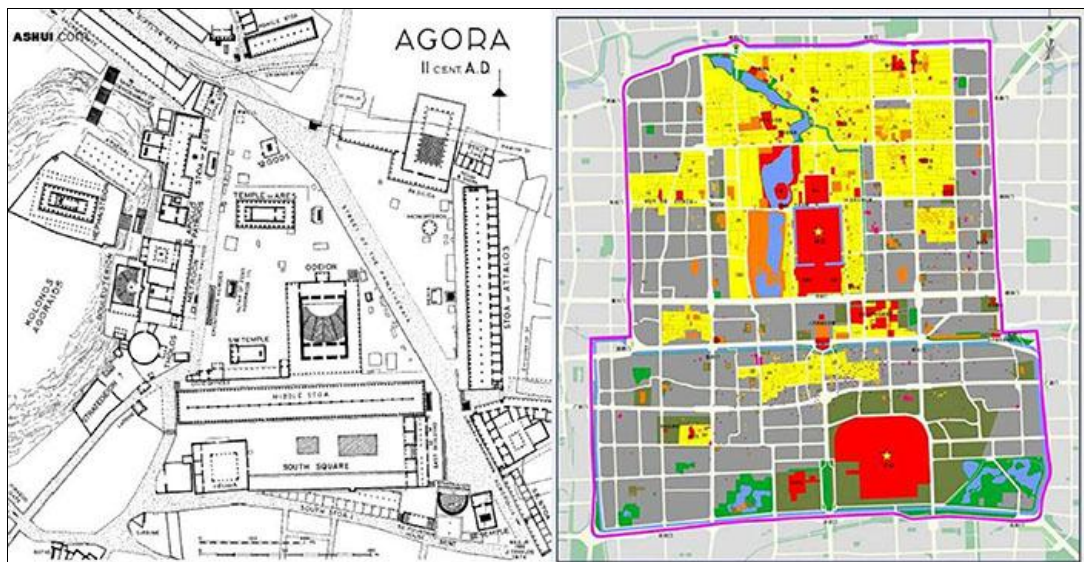
TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

1.1. Khái quát về khu trung tâm lịch sử trong cấu trúc không gian đô thị

1.1.1. Khu trung tâm lịch sử ở một số nước trên thế giới

Ở phương Tây và phương Đông, những nền văn minh dù tồn tại ngắn hay kéo dài hàng ngàn năm đều để lại những dấu tích chứng minh cho sự tồn tại của mình. Đó là những quần cư đô thị với hạt nhân là khu vực trung tâm, nay được gọi là khu trung tâm lịch sử của đô thị.

quyền, những hiểu biết, các hoạt động kinh tế phân phối và trao đổi sản phẩm được lưu giữ lại thông qua những câu chuyện được kể, những hiện vật được tìm thấy hay những công trình cổ còn sót lại tại các đô thị. Trong xã hội hiện đại, các khu phố cổ chính là minh chứng sống của những nền văn minh.



a. Athen, Hy Lạp

b. Bắc Kinh, Trung Quốc

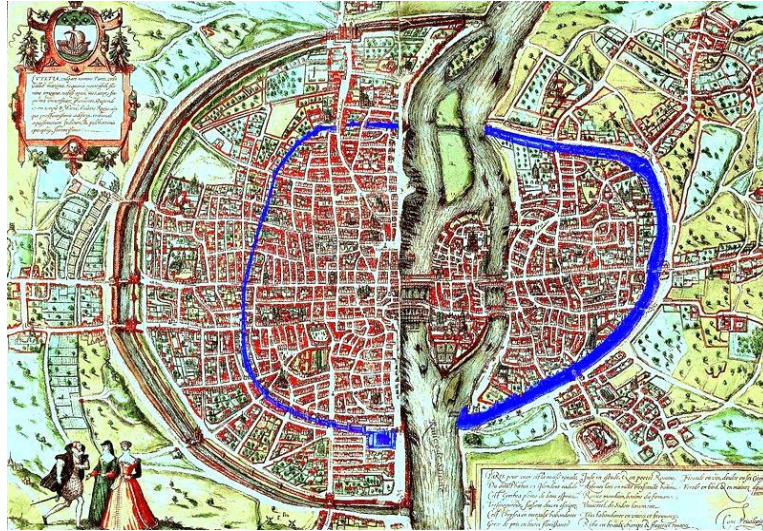
Hình 1.1: Bản đồ vị trí khu vực trung tâm đô thị cổ đại [20]

Lịch sử phát triển đô thị đã chứng minh trung tâm đô thị là thành phần hạt nhân thúc đẩy sự phát triển của đô thị, bởi các chức năng tạo thị có sức thu hút dân cư tập trung ở trung tâm. Cùng với sự phát triển của xã hội đô thị qua các thời kỳ, các chức năng mới xuất hiện tạo thành khu vực trung tâm của đô thị. Khu vực trung tâm vẫn chi phối sự phát triển của đô thị và đô thị vì thế luôn có vai trò và tầm ảnh hưởng mạnh đối với vùng nông thôn rộng lớn bao quanh. (Hình 1.1)

Thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất làm xáo trộn tổ chức xã hội, trong đó có đô thị. Máy móc ra đời khiến năng suất lao động tăng cùng với số lượng sản phẩm, hàng hóa được làm. Tàu chạy bằng hơi nước - phương tiện vận chuyển mới xuất hiện làm tăng nhanh tốc độ đi lại cũng như vận chuyển hàng hóa, tạo điều kiện liên hệ thuận lợi giữa các địa điểm sản xuất (công nghiệp, nông nghiệp) và địa điểm phân phối sản phẩm (đô thị, trung tâm đô thị). Tất cả là những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng các đô thị mới, đặc biệt là sự mở rộng quy mô một cách nhanh chóng các đô thị hiện có. Phát triển nhanh một cách tự do, nhưng chưa được tổ chức một cách khoa học các đô thị ở nửa sau thế kỷ XIX tại nhiều nước phát triển ở châu Âu và Bắc Mỹ đã để lại những hậu quả tiêu cực đến chất lượng môi trường sống của các đô thị.

Tất cả phản ánh rất rõ trong 2 thành phần cơ bản của cấu trúc đô thị thế kỷ XIX với khu vực ngoại ô và trung tâm đô thị. Ở đô thị, nhất là khu vực ngoại ô, do vị trí đặt nhà máy không chú ý đến điều kiện tự nhiên, khí hậu và dòng chảy của các con sông đã gây nên ô nhiễm nghiêm trọng môi trường không khí và nguồn nước đối với các khu cư trú. Còn ở khu vực trung tâm lịch sử: Do tồn tại từ trước với hệ thống đường xá chật hẹp không còn thích hợp với các phương tiện giao thông cơ giới; Các ô phố trong trung tâm có mật độ xây dựng cao, thiếu cây xanh nhưng tập trung đông dân cư lại không được

bảo trì thường xuyên, cũng như các giá trị văn hóa đô thị tích tụ không được đánh giá tích cực nên xuống cấp nghiêm trọng và trở thành một bộ phận dườg như bị lãng quên của đô thị, nhất là ở các đô thị Bắc Mỹ. Trong bối cảnh ấy, khoa học về đô thị ra đời nhằm giải quyết vấn đề phát triển đô thị hợp lý. (Hình 1.2)



Hình 1.2: Cấu trúc không gian Paris thế kỷ XIX: Ngoại ô và trung tâm [20]

Trong đó quan trọng nhất là mô hình trung tâm thương mại, dịch vụ quốc tế (CBD - Central Business District) xuất hiện ở Mỹ trong những năm 50, thế kỷ XX với tầm ảnh hưởng toàn cầu. Mô hình CBD đã xuất hiện và nhanh chóng được áp dụng nhiều nước trên thế giới. (Hình 1.3).



Hình 1.3: Mô hình CBD ví dụ Makati (Philippines) khu vực quận 1 Tp HCM (Việt Nam) [20]

Trong khi đó, trung tâm đô thị có tính lịch sử ở nhiều nước trên thế giới đã bị lãng quên trong một thời gian dài. Từ những năm 80 của thế kỷ XX, khu vực trung tâm lịch sử của đô thị thực sự lấy lại vị thế và giá trị của mình với tư cách là di sản văn hóa đô thị.

Ở những nước châu Âu, nhận thức về giá trị di sản văn hóa của khu vực trung tâm cùng với các hoạt động bảo tồn phát huy giá trị bắt đầu sớm hơn từ những năm 60 của thế kỷ XX. Trong khi quá trình đó diễn ra chậm hơn ở các khu vực khác trên thế giới. Ở châu Á, sau trào lưu xây dựng các trung tâm CBD mới vì sự phát triển quốc gia, nhiều trường hợp trên chính vị trí của trung tâm lịch sử, Singapore là nước đi đầu, từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX mới khôi phục, bảo tồn một phần khu phố cổ còn lại ngay sát CBD hiện đại. (Hình 1.4)



Hình 1.4: Đường phố cổ Singapore được xây dựng mới lại[20]

Ở nước ta, do học tập kinh nghiệm của các nước phát triển trước, đã hạn chế được phần nào sự phát triển thay thế khu vực trung tâm lịch sử bằng các CBD cao tầng. Khu vực trung tâm lịch sử ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, vì thế vẫn giữ được về cơ bản hình dạng. Nhưng về bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản đô thị vẫn còn rất nhiều việc phải làm: khẩn trương, thận trọng trước khi quá muộn

1.1.2. Khu phố cổ trong cấu trúc không gian đô thị Hà Nội

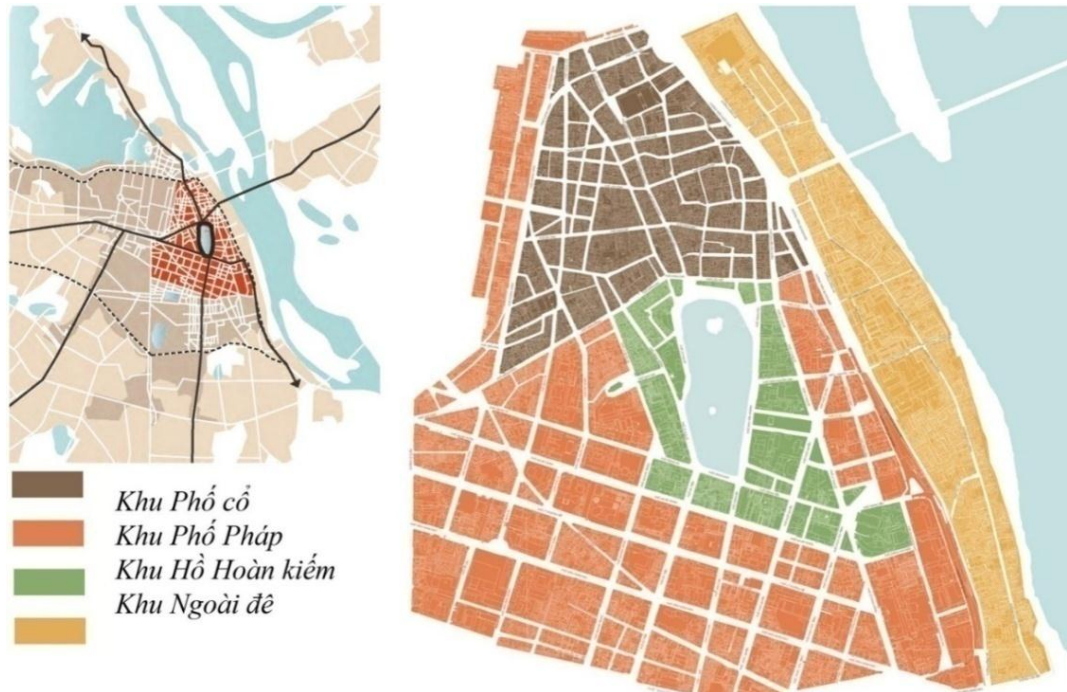
Lịch sử hình thành và phát triển đô thị, ngoại trừ những trường hợp chuyên biệt, hầu hết các đô thị thế giới, trong đó có Việt Nam phổ biến ở giai đoạn đầu được cấu thành bởi hai thành phần: Đô và Thị. Trong đó Đô là khu vực xây dựng các công trình của bộ máy quản trị phong kiến (lầu gác của vua quan, phủ đệ công đường, doanh trại quân đội, kho tàng thành lũy...). Còn phần Thị gắn liền với vai trò hậu cần, dịch vụ, giao thương: nhà ở, xưởng thợ, chợ búa, công trình tôn giáo hay bến bãi... nhằm đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt của bộ máy quan liêu, đầu mối giao thương khu vực và của chính nhu cầu thị dân.

KTCQ khu Đô do tầng lớp cai trị quyết định xây dựng với niêm luật rõ ràng. Đối với khu Thị, còn gọi là khu phố thị, ngoài những thiết chế cơ bản đáp ứng nhu cầu hành chính, quân sự, giao thông chung và đối phó với các nguy cơ thiên tai, thảm họa do tầng lớp cai trị định đoạt, còn lại KTCQ khu phố thị, nay gọi là KPC Hà Nội, do chính cộng đồng thị dân tạo dựng nên.

Từ nhiều làng ở vùng châu thổ sông Hồng đến định cư tại các phố hàng thủ công và buôn bán, cộng đồng thị dân đã tham gia xây dựng và quản lý KTCQ khu phố cổ Hà Nội. Được hình thành từ thế kỷ XVI-XVIII và được chỉnh trang cơ bản vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX dưới thời thuộc Pháp, khu phố cổ Hà Nội có cấu trúc hình thái đặc trưng của một đô thị châu Á.

Tuy vậy, đứng trước những sự thay đổi về chính trị, kinh tế và xã hội từ nửa cuối thế kỷ XX, Hà Nội cũng giống như các thành phố châu Á khác đã đối mặt với làn sóng toàn cầu hóa, đô thị hóa mạng mẽ. Cộng đồng thị dân truyền thống có nguy cơ tan rã, không còn ảnh hưởng tới sự duy trì và phát

triển KTCQ KPC Hà Nội, đồng thời đặt ra những thách thức nhiều mặt đối với tương lai của KPC Hà Nội hiện nay. (Hình 1.5)

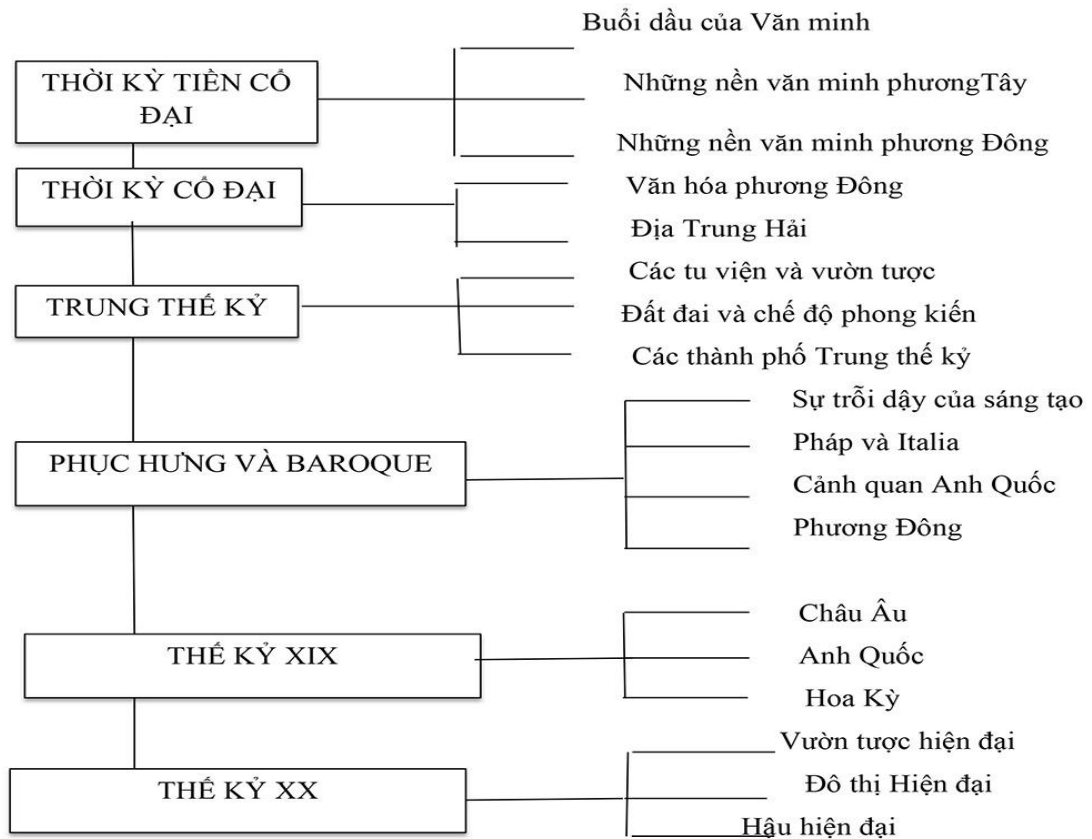


Hình 1.5: Bản đồ vị trí quận Hoàn Kiếm và phân 4 vùng đặc thù[62]

1.2 Tổng quan về quản lý kiến trúc cảnh quan khu trung tâm lịch sử với sự tham gia của cộng đồng ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam

1.2.1. Tình hình quản lý kiến trúc cảnh quan khu trung tâm lịch sử ở một số thành phố trên thế giới

KTCQ xuất hiện từ thời cổ đại và phát triển cùng với lịch sử chính trị, kinh tế xã hội và được thể hiện rõ trong lịch sử kiến trúc và đô thị thế giới qua nhiều thời đại. (Sơ đồ 1.1)



Sơ đồ 1.1: Quá trình hình thành và phát triển KTCQ trong đô thị [33]

Tuy nhiên, KTCQ trở thành một nghề chuyên nghiệp với danh xưng Kiến trúc sư cảnh quan, chủ yếu thiết kế vườn và công viên mới xuất hiện vào thời kỳ cận đại từ thế kỷ XVIII (Baroco) trở lại đây.

Thời hiện đại, sau chiến tranh thế giới lần thứ II, trong những năm 1960 KTCQ các khu trung tâm lịch sử được chú trọng và có ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển thành phố có bản sắc văn hóa. Điều đó được thể hiện trong quản lý KTCQ theo hướng bảo tồn, cải tạo và phát huy giá trị di sản kiến trúc đô thị phục vụ cộng đồng. Đó là xu hướng làm sống lại các di sản kiến trúc đô thị, đáp ứng nhu cầu mới, hiện đại và đa dạng của con người và với sự tham gia của cộng đồng. Khởi đầu bằng chính sách tổ chức KTCQ không gian đi bộ trên các tuyến phố và quảng trường công cộng trong khu trung tâm lịch sử của nhiều thành phố ở châu Âu như: Vác sa va, Ba Lan (1960), Copenhagen, Đan Mạch (1962),... Xu hướng tổ chức KTCQ không gian đi bộ nhanh chóng được nhiều nước áp dụng với nhiều sáng tạo khác

nhau, không chỉ trong các khu trung tâm lịch sử mà còn mở rộng ra nhiều khu vực chức năng, các khu vực xây dựng mới của đô thị. Mô hình đô thị xanh, đô thị sinh thái, đô thị vị nhân sinh, đô thị sống tốt với vai trò động lực của hạt nhân trung tâm lịch sử, thúc đẩy sự phát triển xã hội đang trở thành mục tiêu của các chính sách quản lý đô thị, trong đó có quản lý KTCQ ở nhiều nước trên thế giới.

Trên thực tế, tùy theo điều kiện cụ thể của từng thành phố mà chính sách quản lý KTCQ khu trung tâm lịch sử được xây dựng với những nội dung khác nhau. Các chính sách quản lý KTCQ, tuy có khác nhau, nhưng có những điểm chung, cơ bản giống nhau, là đều dựa trên:

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản KTCQ đô thị theo hướng phát triển bền vững về văn hóa và KTCQ đô thị, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng.
- Đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và đa dạng của đời sống cộng đồng xã hội hiện đại.
- Chú trọng các giải pháp tổ chức KTCQ nhằm nâng cao chất lượng không gian sống, như: Không gian bên ngoài các công trình kiến trúc, tôn trọng tối đa cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc nhỏ, nghệ thuật công cộng, công trình tiện ích và tiếp cận giao thông.
- Giải quyết hài hòa trách nhiệm và lợi ích của các bên liên quan: Chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp và chuyên gia, trong đó đảm bảo nâng cao hiệu quả tham gia trực tiếp của cộng đồng.

1.2.2. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu trung tâm lịch sử ở một số thành phố trên thế giới

Cộng đồng là một tập hợp những thành viên gắn với nhau bằng những giá trị chung. Cộng đồng có một sự cố kết nội tại không phải do những quy tắc rõ ràng, những luật pháp thành văn, mà do những liên hệ sâu hơn: huyết thống, truyền thống được coi như là một hằng số văn hóa. Tính cộng đồng là một yếu tố tự nhiên của con người và thay đổi theo sự phát triển của xã hội. Trong quá trình phát triển của xã hội, tính cộng đồng song hành với tính cá nhân, mặc dù giữa chúng luôn hàm chứa những mâu thuẫn, xung đột.

Émile Durkheim - Nhà xã hội học người Pháp (1858) đã phân biệt sự cố kết hữu cơ với sự cố kết cơ học và cho rằng chính sự cố kết hữu cơ mới là nền tảng thực sự của kết cấu cộng đồng. [65] Theo Fichter, cộng đồng bao gồm 4 yếu tố: 1) Mọi quan hệ cá nhân, mặt đối mặt, trên cơ sở các nhóm nhỏ kiểm soát các mối quan hệ cá nhân; 2) Có sự liên hệ chặt chẽ với nhau về tình cảm, cảm xúc khi cá nhân thực hiện được các công việc hoặc nhiệm vụ cụ thể; 3) Có sự hiến dâng về mặt tinh thần hoặc dấn thân thực hiện các giá trị xã hội; và 4) Có ý thức đoàn kết tập thể. Theo Wates: Cộng đồng là một nhóm người chia sẻ những mối quan tâm chung và sống trong cùng một khu vực địa lý hay cộng đồng là một thuật ngữ bao gồm hai chiều cạnh xã hội và không gian. Nói chung những người trong một cộng đồng thường cùng nhau nỗ lực để đạt được mục tiêu chung, kể cả khi họ có nhiều ý kiến khác biệt. [25]

Sự tham gia cộng đồng (TGCD), theo Ngân hàng Thế giới là “Quá trình, qua đó các bên liên quan chia sẻ sự kiểm soát các bước từ khởi thảo đến quyết định và huy động nguồn lực cho một công việc chung”.102]

Trong lịch sử, sự tham gia cộng đồng trong quản lý KTCQ có từ cổ đại và dựa trên các mô hình tổ chức xã hội dân chủ, như; Dân chủ chủ nô (Hy Lạp, La Mã), dân chủ trực tiếp (Châu Âu), ... Ngày nay, khái niệm dân chủ đã mở rộng, trong đó có “Dân chủ tham dự”, đồng thời nhấn mạnh vai trò TGCD, trong đó con người ở vào vị trí trung tâm của xã hội. Trong thời đại của cách mạng công nghiệp lần thứ IV (4.0), với sự hỗ trợ tích cực và hiệu quả của công nghệ thông tin, sự TGCD trong quản lý đô thị nói chung và quản lý KTCQ khu trung tâm lịch sử của đô thị nói riêng trên thế giới có nhiều thay đổi. [34]

Tuy nhiên, mục đích căn bản của quản lý KTCQ thông qua các không gian đi bộ, không gian cộng đồng trong khu trung tâm lịch sử đô thị với sự TGCD là không đổi. Đó là nơi an toàn, thuận tiện cho mọi người, kể cả những người khuyết tật gặp gỡ, giao tiếp, tham gia các hoạt động xã hội, nghỉ ngơi, giải trí và phát triển năng lực của bản thân. Tóm lại, sự TGCD trong quản lý KTCQ đô thị nói chung và khu trung tâm lịch sử nói riêng là đóng góp trực

1.2.3.2 Thành phố Hồ Chí Minh

Từ năm 1993, trong quản lý phát triển đô thị, thành phố Hồ Chí Minh xác định bảo tồn KTCQ lịch sử của đô thị là công việc quan trọng cần được tiến hành một cách nghiêm túc, thận trọng và phải làm ngay. Năm 1996 UBND thành phố đã chỉ đạo thực hiện công tác quản lý KTCQ với việc ban hành kèm theo danh mục 108 đối tượng KTCQ cần được chú trọng nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị. Năm 2013, Trong quá trình thực hiện, nhiều văn bản pháp quy liên quan đến công tác quản lý KTCQ đã được UBND thành phố ban hành, trong đó đáng chú ý có Quyết định số 2751 ngày 29/5/2013 của UBND về Chương trình hành động trong công tác bảo tồn cảnh quan kiến trúc đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh.

Về mô hình tổ chức bộ máy quản lý KTCQ khu trung tâm lịch sử, khác với ở Hà Nội, mô hình Ban quản lý KPC trực thuộc UBND quận Hoàn Kiếm, thì ở thành phố Hồ Chí Minh thành lập mô hình quản lý chung theo quy định của Bộ Xây dựng mà không có bộ phận riêng để đảm trách việc duy tu, bảo tồn các công trình KTCQ lịch sử. So với Hà Nội, thành phố HCM gặp nhiều thách thức hơn.

Theo khảo sát, đánh giá của Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc, thuộc Sở Quy hoạch Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh, trên địa bàn thành phố hiện có 1.227 biệt thự cũ được xây dựng trước năm 1975 và trên 400 công trình ngoài biệt thự cần được nghiên cứu bảo tồn. Các biệt thự tập trung chủ yếu ở các quận 1, 3, 5, 10, Bình Thạnh và Thủ Đức. Đặc biệt, quận 3 là nơi tập trung nhiều nhất, với 808 biệt thự. Sự tồn tại của các biệt thự ở Sài Gòn chính là một phần của không gian KTCQ có giá trị cần được bảo tồn. Trên thực tế, kết quả nghiên cứu bảo tồn các công trình KTCQ có giá trị còn hạn chế, trong khi KTCQ khu trung tâm lịch sử đang bị đe dọa phá dỡ để thay thế bằng những

công trình mới với lý do phục vụ công cuộc tái thiết. Ví dụ nhiều biệt thự cũ có giá trị đã bị phá dỡ để lấy đất xây dựng công trình mới, hay trường hợp dự án xây dựng mới trụ sở UBND thành phố Hồ Chí Minh với dự kiến phá bỏ Dinh Thượng Thơ. [54] (Hình 1.6)



Hình 1.6: Biệt thự cổ 110-112 Võ Văn Tần, quận 3 (sắp được trùng tu)

1.2.3.3 Thành phố Hội An

Hội An đã được UNESCO công nhận là thành phố di sản. Trong hệ thống quản lý đô thị thống nhất từ trung ương tới địa phương, Hội An là đô thị loại 2, do vậy Phòng quản lý đô thị là đơn vị trực UBND thành phố. Bên cạnh Phòng Quản lý đô thị có Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hoá Hội An với mô hình hoạt động, nhiệm vụ và chức năng quyền hạn như sau:

a. Phòng Quản lý đô thị:

Phòng Quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, có chức năng tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Kiến trúc, xây dựng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Phòng Quản lý đô thị có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Xây dựng, Sở Giao thông - Vận tải tỉnh Quảng Nam.

b. Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn hóa:

Trung Tâm là đơn vị trực thuộc UBND thành phố, có chức năng phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND Thành phố về di sản văn hóa Hội An: Nghiên cứu, bảo tồn, phát huy các giá trị của di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Hội An; Tham gia phối hợp phục vụ công tác quản lý Nhà nước về Khu dự trữ sinh quyển thế giới - Cù Lao Chàm.

1.3. Thực trạng quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng

Quản lý KTCQ là công việc phức tạp, đòi hỏi tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo cân bằng lợi ích trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên liên quan, như: Cơ quan quản lý, Doanh nghiệp - Nhà đầu tư, Người dân - Cộng đồng và Chuyên gia. Cộng đồng dân cư sống trong khu vực là những người trực tiếp chịu ảnh hưởng từ các quyết định của chính quyền. Tuy nhiên, trong một xã hội đề cao tính công bằng - dân chủ như hiện nay, thì quyền lợi của người dân cần được đặt ở vị trí cao nhất. Và cách tốt nhất để đảm bảo điều đó là cho người dân tham gia trực tiếp vào quá trình quản lý đô thị, bởi chính những người dân sống trong môi trường KTCQ sẽ hiểu rõ nhất họ thực sự cần gì.

1.3.1 Đặc điểm kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội

Các tác giả Trần Hùng, Nguyễn Quốc Thông, Nguyễn Thừa Hỷ và Philip Papin đã thống nhất nhận định đặc điểm và giá trị nhiều mặt của KPC Hà Nội. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, KPC Hà Nội trong quá trình phát triển để thích nghi với những đòi hỏi mới, nhất là giai đoạn gần đây nên việc nhận diện đặc điểm và giá trị KTCQ KPC Hà Nội vẫn cần thiết. Đây là

cơ sở cho những giải pháp can thiệp hợp lý về quy hoạch, kiến trúc và quản lý KTCQ. Thông thường khi đánh giá tổng thể KTCQ dựa trên phân tích các giá trị như: 1) Giá trị sử dụng (cảnh quan hoạt động), 2) Giá trị công trình kiến trúc (cảnh quan xây dựng – kiến trúc) và 3) Giá trị phi vật thể (cảnh quan văn hóa). Như vậy, có thể nêu những đặc điểm và giá trị cơ bản của KPC như sau: [90,59]

1.3.1.1. Giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội.

KPC hình thành và thịnh suy cùng với Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội, là không gian cư trú của tầng lớp thị dân có nguồn gốc nông dân. Sống ở đô thị, nhưng vẫn duy trì hình thức sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng và tổ chức xã hội kiểu nông thôn, Vì vậy có thể hiểu Phường ở đô thị chính là một dạng Làng trong đô thị với đầy đủ các thiết chế văn hóa nông thôn Bắc bộ (Đình, Đền, Chùa,...) như ở Làng quê gốc. [88]

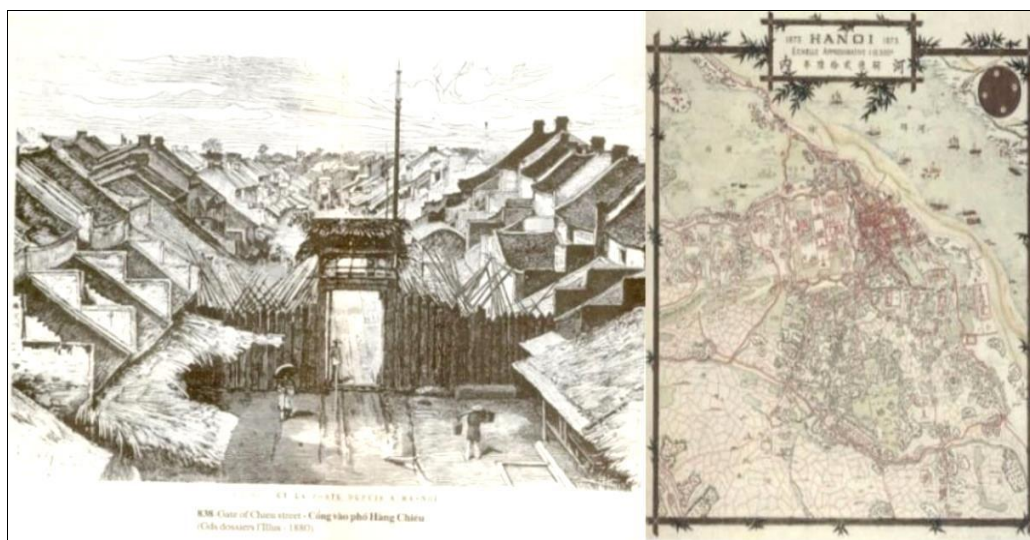
1.3.1.2. Giá trị kinh tế.

KPC còn là không gian kinh tế, nên có tên gọi xưa theo cách dân gian là “Kẻ Chợ” và ngày nay là khu “36 phố phường”. Ở đây, theo truyền thống, mỗi phố chuyên sản xuất, kinh doanh và buôn bán một mặt hàng. Ban đầu, cách kinh doanh như kiểu chợ phiên truyền thống và khép kín theo từng phường. Lâu dần, cùng với sự phát triển của xã hội, nhất là khi có giao thương với nước ngoài từ TK XVII, hoạt động kinh doanh ở KPC diễn ra thường xuyên và sầm uất, như câu đồng dao: “Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến”. Hoạt động kinh tế kiểu truyền thống của KPC đã tạo nên vẻ sống động đặc trưng của văn hóa thương mại Thăng Long – Hà Nội.

1.3.1.3. Giá trị kiến trúc cảnh quan:

Mô hình hỗn hợp chức năng vừa ở, sản xuất thủ công và kinh doanh là đặc điểm tạo nên nét đặc trưng về không gian của KPC Hà Nội. Điều đó thể hiện ở cấu trúc không gian đô thị KPC dựa trên mạng đường tự do theo điều kiện địa hình với kiến trúc tiêu biểu là ngôi nhà ống. (Hình 1.7)

Tất cả đều được xây dựng theo phương thức dân gian, nghĩa là không có thiết kế trước mà xây dựng theo nhu cầu và điều kiện kinh tế. Và chính cách xây dựng dân gian ấy, trải thời gian đã định hình nét đặc trưng độc đáo của khu phố thị truyền thống, thể hiện ở vẻ đẹp tự nhiên, bất ngờ, không lặp lại của các tuyến đường – phố, thường không thẳng, của các lớp mái chên nhau dường như không có quy luật nhưng hài hòa. Sau cùng, cách xây dựng dân gian làm cho KPC thích ứng với những biến đổi của xã hội để luôn là một đô thị sống. Đó chính là giá trị của KTCQ KPC Hà Nội. (Phụ lục I.1)



Hình 1.7: Công phố Hàng Thùng (thế kỷ XIX); Bản đồ Hà Nội 1874 [20]

Nhận diện đặc điểm KTCQ KPC Hà Nội qua hình ảnh của các thành phần không gian, như: “Tuyến” là đường phố với các công trình kiến trúc hai bên; “Diện” là không gian trống như quảng trường, sân, vườn hoa,... và

“Điểm” là địa điểm có các công trình đặc biệt như đình, đền, chùa, chợ... (Hình 1.8)

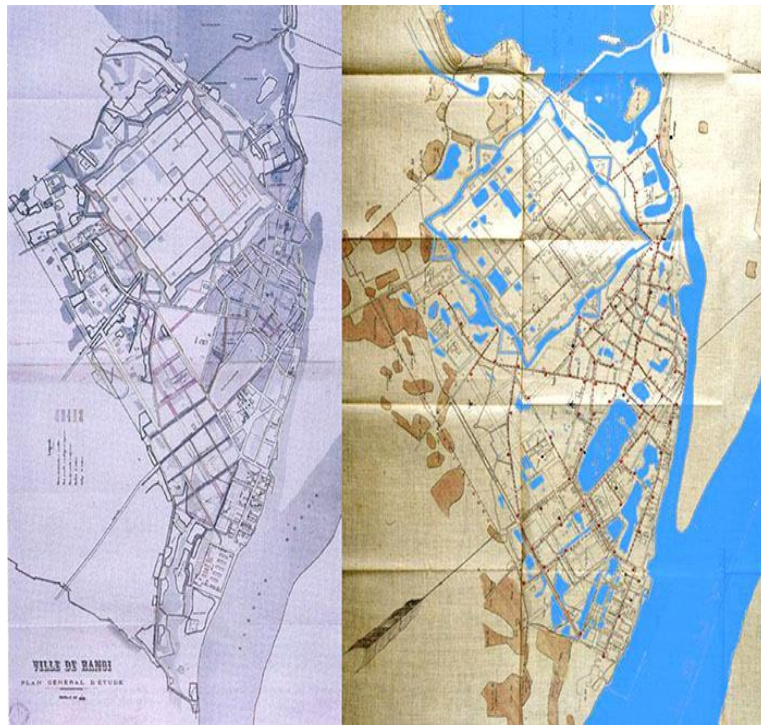


Hình 1.8: Mặt bằng Khu phố cổ Hà Nội [86]

1.3.2. Quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội qua các giai đoạn

1.3.2.1 Thời Pháp thuộc 1884 - 1954

Những can thiệp xây dựng đầu tiên của người Pháp vào cuối thế kỷ XIX, đầu XX và những năm sau này theo kiểu quy hoạch phương Tây ở Hà Nội đã làm biến đổi cấu trúc không gian đô thị truyền thống, trong đó cấu trúc không gian KPC ít bị biến đổi nhất. (Hình 1.9, 1.10)



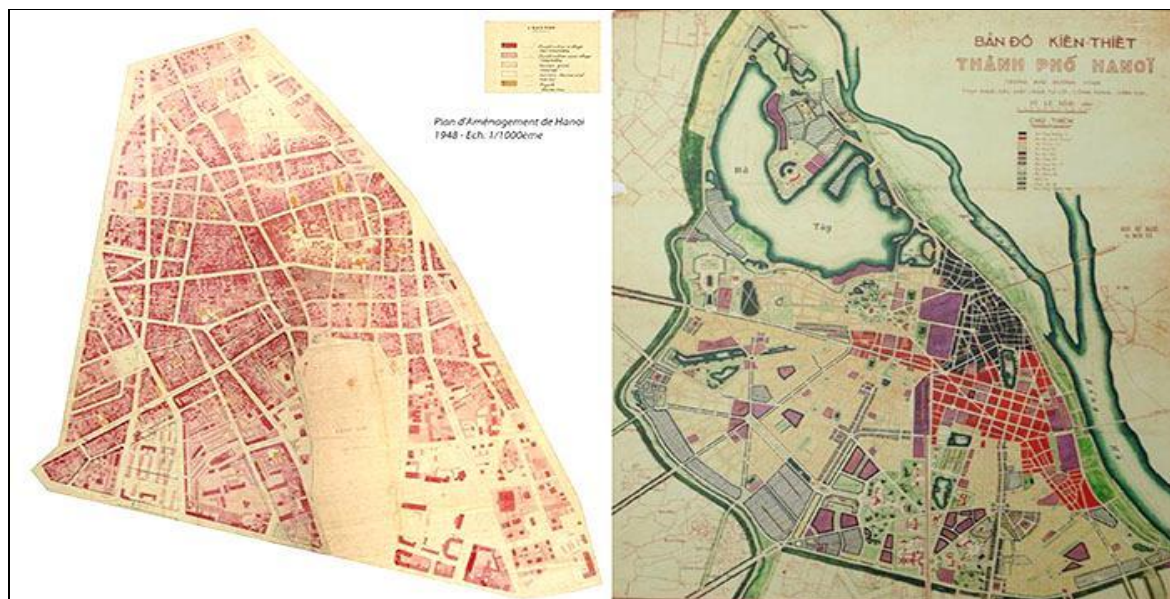
Hình 1.9: Quy hoạch nối khu Đồn Thủy với Thành Hà Nội (1897).[2]



Hình 1.10: Khu phố cổ 1885 & 1902: Nhà gạch thay dần nhà lá[2]

Sau năm 1920, công cuộc xây dựng ở Hà Nội khá sôi động với cách quy hoạch chính quy thông qua các đồ án quy hoạch mở rộng Hà Nội của E. Hebrard (1924) và của Luis Pineau (1942). Tuy nhiên, cấu trúc đô thị thực dân vẫn được thể hiện với sự phân biệt các khu vực cho người bản xứ trong

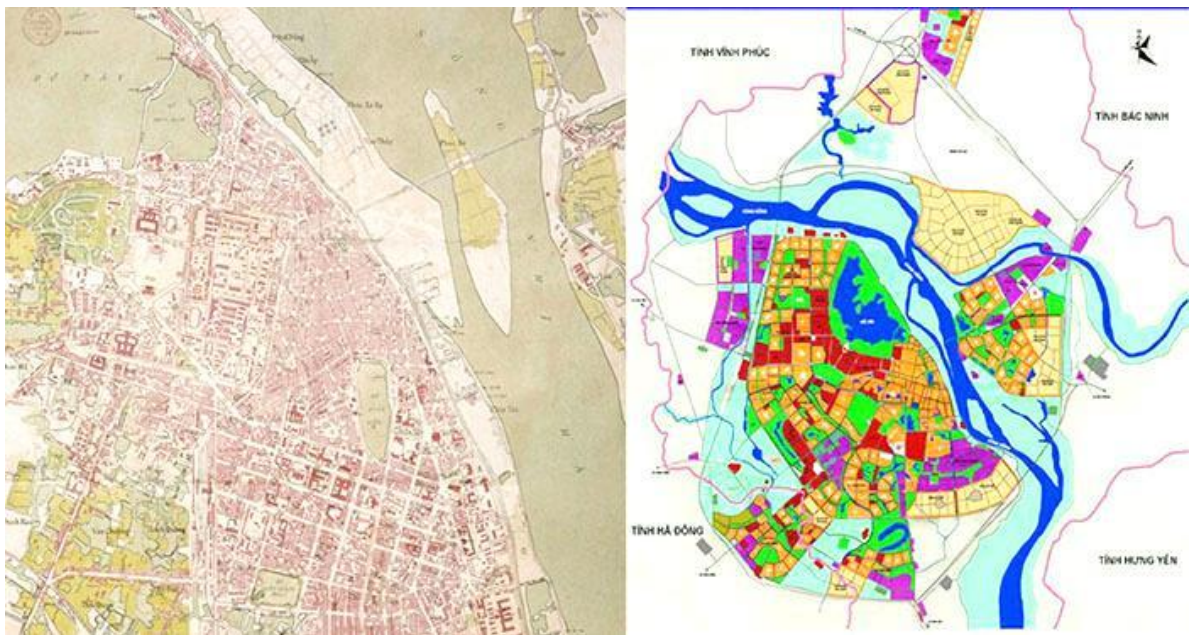
khu phố Pháp, Trong khi KPC được quy hoạch theo hướng nâng cấp với các tiện ích đô thị hiện đại mà không phá vỡ cấu trúc đô thị truyền thống. Thời Pháp thuộc, toàn bộ nguồn vốn xây dựng các công trình công cộng ở Hà Nội đều bằng tiền thuê của dân. Những công trình cộng đồng như đình, chùa, hội quán đều có sự TGCD với mô hình cộng đồng tự quản. (Hình 1.11)



*Hình 1.11: Nghiên cứu quy hoạch KPC Hà Nội của Luis Pineau (1931-1942);
Bản đồ quy hoạch Hà Nội do KTS Phạm Gia Hiễn lập 1951[31]*

1.3.2.2 Giai đoạn 1954 - 1986

Sau hòa bình năm 1954, KPC Hà Nội không phải là đối tượng ưu tiên trong công cuộc kiến thiết đất nước sau chiến tranh. Lý do là: Một mặt do hạn chế về điều kiện tài chính, mặt khác, đúng hơn là về giá trị văn hóa của di sản KTCQ KPC Hà Nội đối với sự phát triển lâu dài của Hà Nội chưa được nhận thức đầy đủ, cũng như đối với sự TGCD. Vì thế trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội còn nhiều hạn chế, theo đó những giá trị của di sản KTCQ đô thị của khu trung tâm lịch sử Hà Nội dần bị mai một. (Hình 1.12 1.13)



Hình 1.12: Hà Nội năm 1956; Quy hoạch HN do Liên Xô lập 1961[31]



Hình 1.13: Phố Hàng Đào 1955 và Phố Hàng Đường 1983;[2]

1.3.2.3 Giai đoạn 1986 – nay

Từ năm 1986 chính sách Đổi mới tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi từ quan niệm quản lý kinh tế tập thể, kế hoạch hóa sang kinh tế thị trường với sự xuất hiện của kinh tế tư nhân. Điều đó đã làm thay đổi căn bản phương thức quản lý đô thị, trong đó có quản lý KTCQ KPC Hà Nội. Có thể nói, những năm đầu sau Đổi mới là quá trình thay đổi khá triệt để nhận thức về quản lý đô thị thích ứng với biến đổi của thực tế theo hướng thị trường hóa, đồng thời cũng mở đầu những thay đổi về phương pháp luận quy hoạch và quản lý KTCQ KPC Hà Nội.

Đối với KPC Hà Nội, sau những hoạt động có những thành công ban đầu của các dự án bảo tồn công trình và cấu trúc đô thị với nguồn vốn ngân sách nhà nước hay từ viện trợ nước ngoài, Ban quản lý phố cổ Hà Nội được thành lập năm 1995 với sứ mệnh: Tập trung các chuyên gia, nhà khoa học nghiên cứu xác định giá trị của KTCQ và đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp; Huy động mọi nguồn lực để thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di sản KTCQ KPC Hà Nội trong cuộc sống đương đại. Ban quản lý phố cổ trực thuộc UBND quận Hoàn Kiếm được thành lập là minh chứng cho chủ trương đúng, là trao quyền cho địa phương. Trên cơ sở đó, lãnh đạo quận Hoàn Kiếm đã xây dựng một trong những chiến lược phát triển kinh tế địa phương lấy dịch vụ thương mại du lịch làm trọng tâm là dựa vào tài nguyên văn hóa và di sản KTCQ. (Hình 1.14)



Hình 1.14: Dự án chỉnh trang KTCQ đường phố Lãn Ông -2014

Những năm tiếp theo, nhất là từ sau năm 2008, trên cơ sở thực tiễn, nhiều giải pháp đổi mới mô hình quản lý của Ban quản lý phố cổ Hà Nội đã được áp dụng, tạo nên một động lực mới với kết quả cụ thể là: Nhiều nghiên cứu, dự án mới đã được đề xuất và triển khai hiệu quả; Nhiều công trình đình, chùa, đền, miếu được tôn tạo và nhà ở tư nhân đã được bảo tồn, tôn tạo và xây dựng lại; Nhiều dự án chỉnh trang tuyến phố và không gian đi bộ được triển khai. Ví dụ, đối với Dự án cải tạo chỉnh trang các tuyến phố xung quanh hồ Hoàn Kiếm, Ban quản lý phố cổ Hà Nội đã chủ động xây dựng và phối hợp với các bên liên quan, triển khai thực hiện, góp phần thay đổi diện mạo KPC theo hướng khang trang, sạch đẹp, thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch, kinh tế, văn hoá xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Chính việc tổ chức các không gian đi bộ cuối tuần đã tạo nên hiệu ứng chủ động tham gia các hoạt động của cộng đồng trong không gian đi bộ. Mặt khác, việc tổ chức thành công các tuyến phố và không gian đi bộ, không chỉ hấp dẫn khách du lịch mà còn thúc đẩy các hộ gia đình tự giác đầu tư, chỉnh trang nâng cấp không gian kinh doanh trên phố nhằm tăng sức cạnh tranh

thương mại. Các hoạt động bảo tồn, chỉnh trang đã tạo nên sức sống mới phù hợp với thời đại của các không gian KTCQ KPC Hà Nội. (Hình 1.15, 1.16)



Hình 1.15: Tổ chức phố đi bộ cuối tuần quanh Hồ Gươm và phụ cận được triển khai từ 1/9/2016

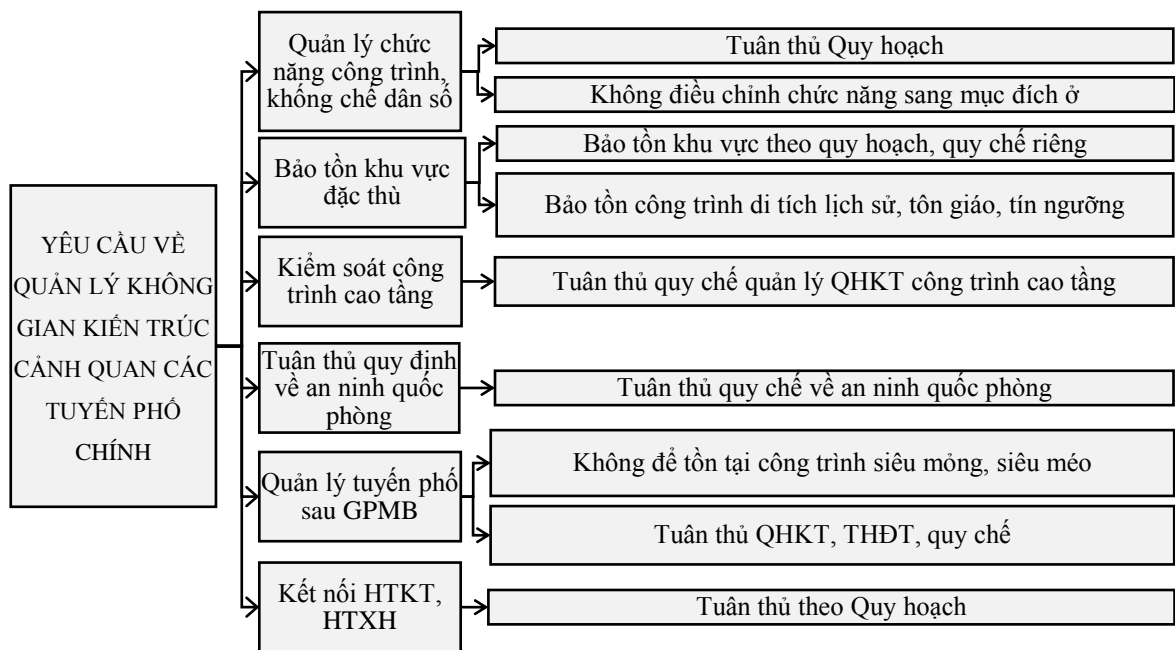


Hình 1.16: Quang cảnh phố đi bộ quanh Hồ Hoàn Kiếm và phố Hàng Buồm

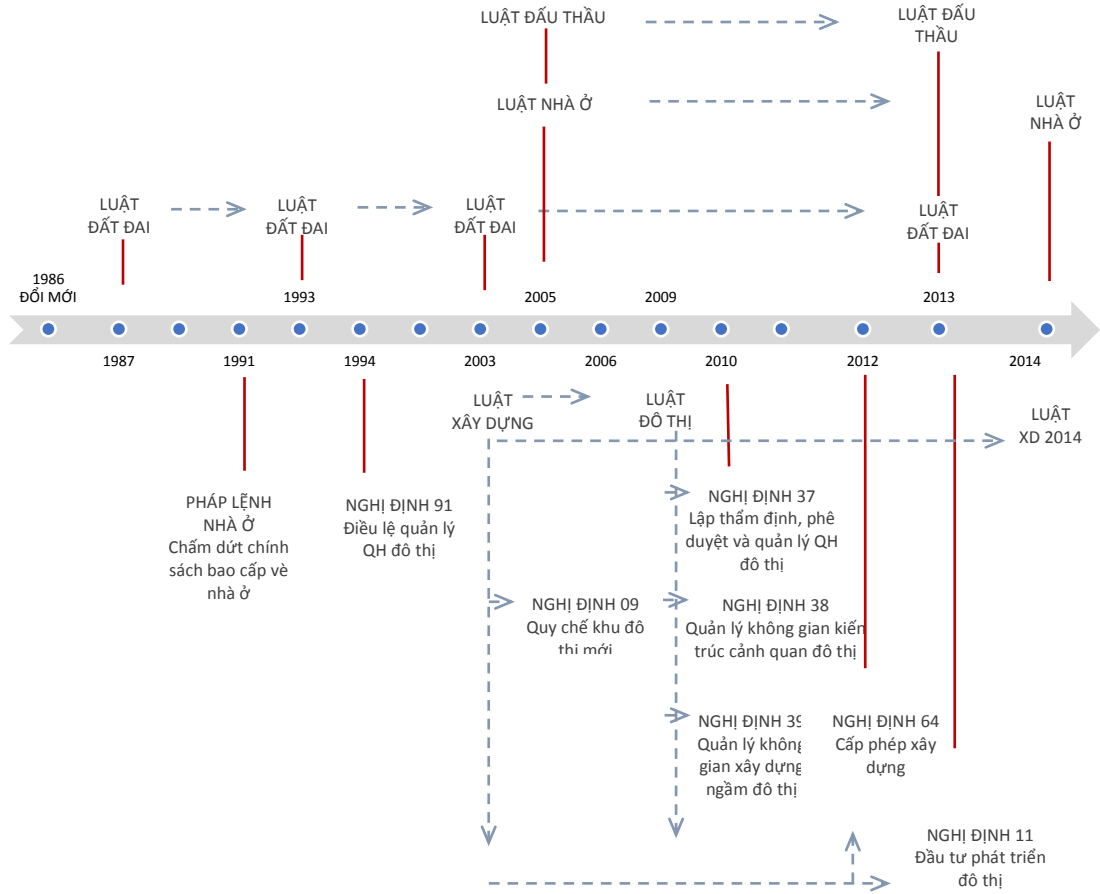
1.3.3 Thực trạng quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội

1.3.3.1 Về các văn bản quản lý

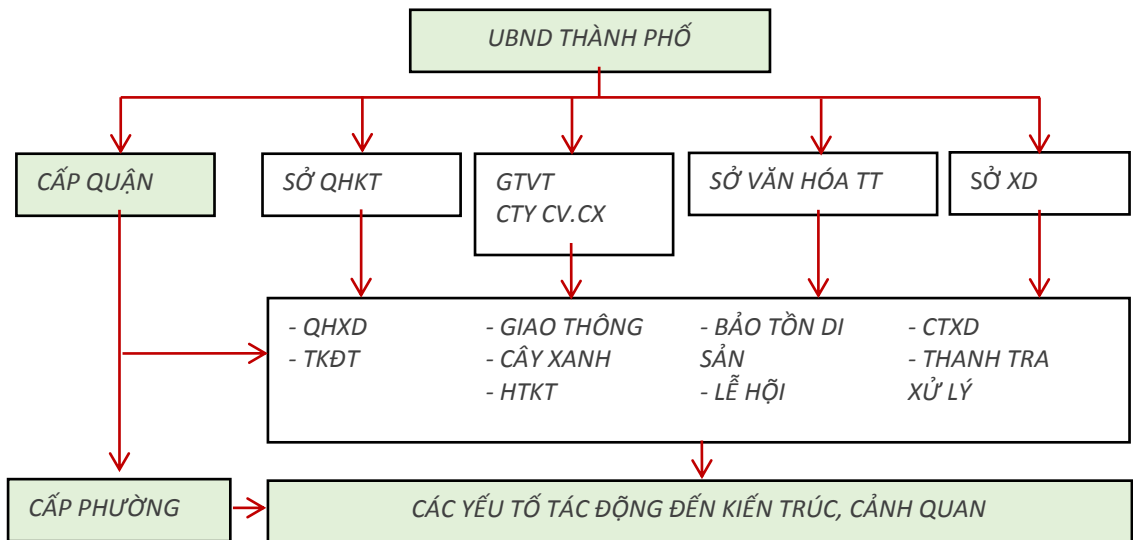
Theo quy định quản lý nhà nước về đô thị ở nước ta, KPC Hà Nội, như các đơn vị hành chính khác, chịu sự chi phối và điều chỉnh của hệ thống pháp luật và các chính sách quản lý đô thị thống nhất trên toàn quốc. Tuy nhiên, với những đặc điểm riêng của KPC, bên cạnh việc tuân thủ các quy định chung, Hà Nội có Điều lệ quản lý riêng đối với KPC được ban hành theo Quyết định số 6398/QĐ - UBND ngày 24/10/2013 của UBND TP HN. (Sơ đồ 1.3,1.4,1.5)



Sơ đồ 1.3: Yêu cầu quản lý không gian KTCQ [22]



Sơ đồ 1.4: Hệ thống văn bản quản lý liên quan quản lý đô thị [22]

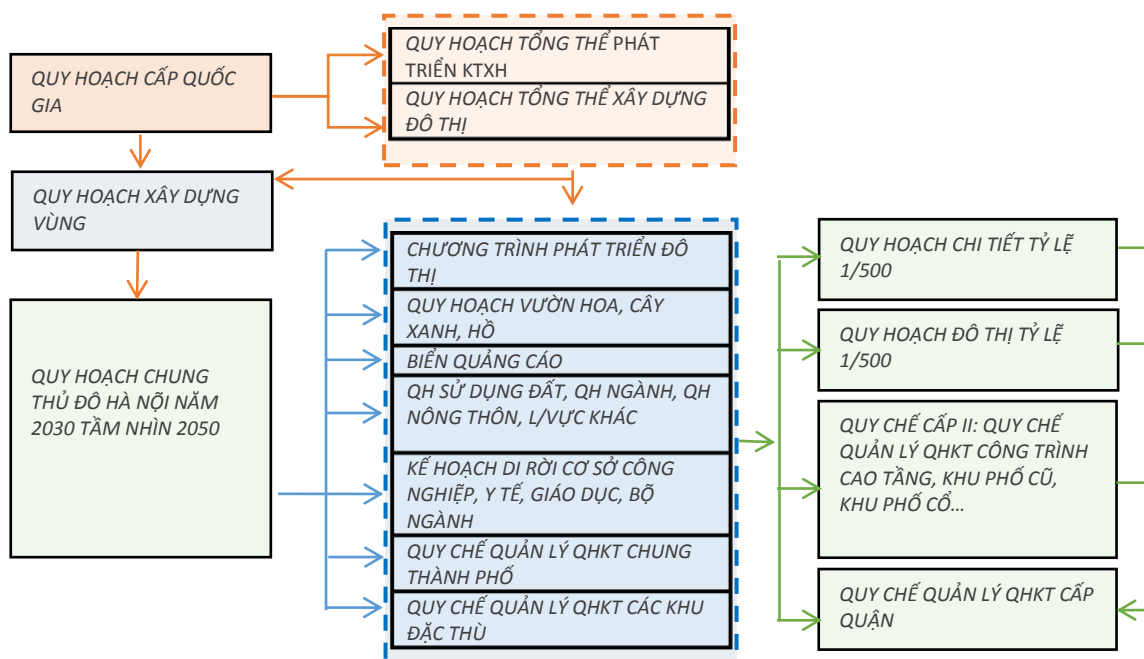


Sơ đồ 1.5: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý KTCQ chung của TP Hà Nội [22]

1.3.3.2 Về chính sách quản lý

Hệ thống Quy hoạch của Hà Nội có sự chông chéo giữa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội với các Quy hoạch ngành. Đây là thực tiễn đã được nhận diện và hiện nay Chính phủ đang yêu cầu điều chỉnh để đảm bảo thống nhất.

Rà soát các thủ tục hành chính về quản lý xây dựng theo Quy hoạch để có khung pháp lý làm căn cứ đảm bảo quản lý xây dựng cũng như xây dựng cải tạo, chỉnh trang các không gian KTCQ KPC Hà Nội. Đồng thời cần nâng cao năng lực đội ngũ quản lý (Sơ đồ 1. 6)

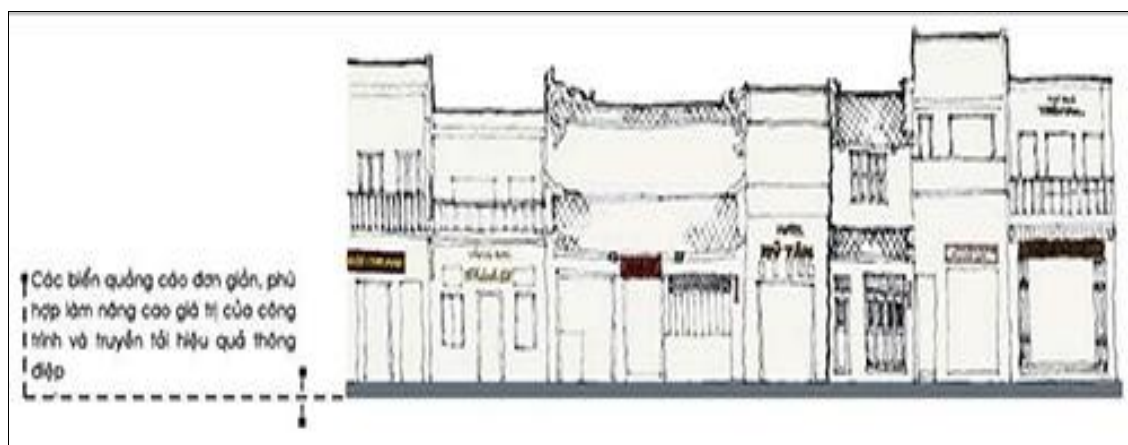


Sơ đồ 1.6: Hệ thống các công cụ quản lý không gian KTCQ.[22]

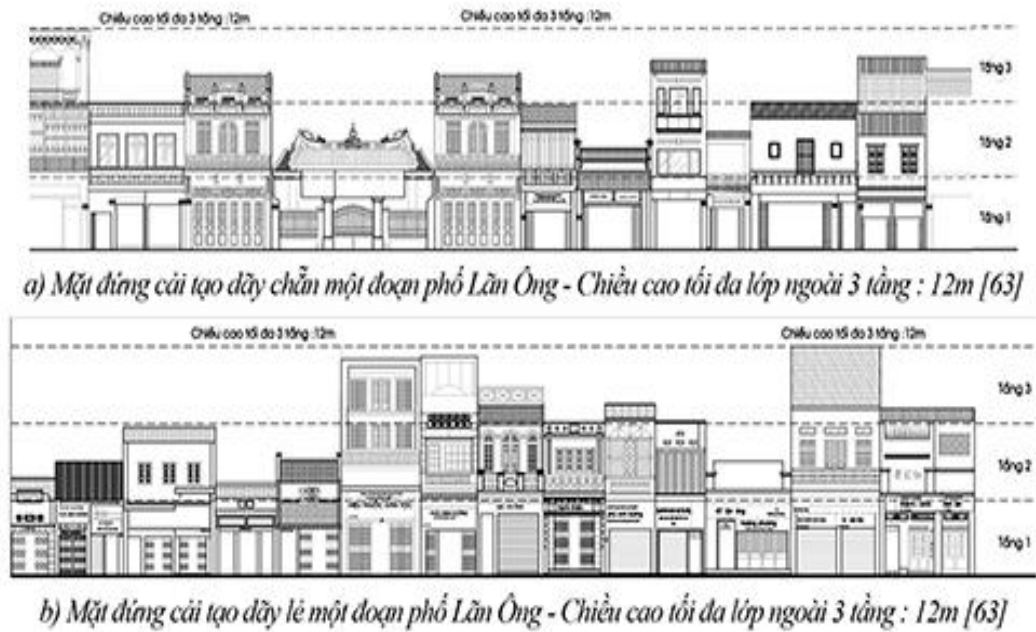
UBND thành phố Hà Nội đã ban hành “Quy chế quản lý Quy hoạch kiến trúc khu phố cổ” (quyết định số 6398/QĐ-UBND ngày 24/10/2013), trong đó việc bảo tồn công trình kiến trúc có giá trị trong KPC tuân thủ theo danh mục kèm theo. Bên cạnh đó còn có các công trình có giá trị lịch sử trên một số tuyến phố tại khu phố Cổ và khu phố Cổ thực hiện theo các Dự án Bảo tồn

của Thành phố. Để khai thác và sử dụng không gian tuyến phố chính đạt hiệu quả cao theo định hướng Quy hoạch chung của Thành phố cần phải tổ chức quản lý tuyến phố chính theo thiết kế đô thị nhằm quản lý các công trình kiến trúc cần bảo tồn, cũng như quản lý các công trình kiến trúc xây dựng mới trên tuyến phố chính.(Hình 1.17, 1.18, 1.19)

Mặt khác, trong thực tế vận hành cơ chế thị trường, kinh tế tư nhân tại KPC Hà Nội chiếm tỷ trọng lớn của trong nguồn thu ngân sách nhà nước. Do đó, để có thể huy động cộng đồng tham gia hiệu quả, cần chính sách quản lý phù hợp. Đây là một trong những vấn đề mà luận án sẽ đề cập trong các chương sau.



Hình 1.17: Thiết kế vị trí biển quảng cáo, mái hiên, mái vẩy trong phố cổ[24]



Hình 1.18: Ví dụ minh họa thiết kế đô thị tuyến phố Lãn Ông.



Hình 1.19: Phố Lãn Ông: Mặt đứng hiện trạng và phương án thiết kế cải tạo, hoàn thành tháng 12/2014.

1.4. Công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

Về KPC Hà Nội đã có nhiều công trình nghiên cứu, luận án tiến sĩ trong nước và quốc tế đã được công bố. NCS nêu một số công trình tiêu biểu có liên quan đến nội dung của luận án. Cụ thể:

1.4.1. Đề tài khoa học

Thời gian qua, KPC Hà Nội thu hút sự quan tâm đặc biệt của chính quyền, của nhiều tổ chức, trường đại học và các chuyên gia trong nước và quốc tế. Dưới đây là kết quả nghiên cứu của một số đề tài tiêu biểu:

- Năm 1994- 1996, với sự tài trợ ngân sách quốc tế, Viện nghiên cứu kiến trúc, Bộ Xây dựng lập Dự án nghiên cứu khoa học: “Quy hoạch bảo tồn khu phố cổ - Quy hoạch chi tiết cụm ô phố”-Nghiên cứu trên 11 ô phố thuộc khu bảo tồn cấp II (theo QĐ 70/BXD-1995). Dự án xác định các công trình cần bảo tồn, tôn tạo; đưa ra các điều kiện về bảo tồn; kiến nghị xây dựng một hệ thống chính sách quản lý hoàn chỉnh các văn bản, kiểm soát mọi hoạt động cải tạo, xây dựng mới phải thông qua hội đồng xây dựng ở các cấp chính quyền. Báo cáo khoa học được trình bày tại nhiều diễn đàn, có giá trị như một phương pháp tiếp cận khoa học.

- Năm 1994, SENA Coporation & IUTD nghiên cứu dự án nghiên cứu khoa học với hy vọng được áp dụng thực tiễn tại Phố cổ Hà Nội. Mục tiêu là đề xuất giải pháp cải thiện điều kiện sống của cư dân trong đó đặc biệt chú ý chất lượng nhà; Bảo tồn không gian văn hóa khu Phố cổ Hà Nội; Nâng cao tiềm lực kinh tế khu Phố cổ Hà Nội, nhấn mạnh lợi ích kinh tế đem lại khi tiến hành công tác bảo tồn. Tuy vậy những đề xuất của các KTS hạn chế bởi ý tưởng chủ quan, trong khi phần cốt lõi vẫn là các Chủ sở hữu nhà và đất trong KPC không quan tâm đến những lợi ích do dự án trình bày

- Năm 1994, tổ chức SIDA/SWECO - Thụy Điển nghiên cứu dự án nghiên cứu khoa học Quy hoạch, bảo tồn và phát triển “khu vực 36 phố phường Hà

Nội”. Nội dung giảm mật độ dân số, bảo tồn cấu trúc nhà ống, cấu trúc đường phố. Nghiên cứu này phù hợp với hoàn cảnh Nhà nước chủ động về sở hữu đất đai, nhà cửa trong KPC và chủ động ngân sách thực hiện, không có giá trị thực tiễn tại KPC Hà Nội – nơi sở hữu công/ tư đan xen và ngân sách NN hạn chế.

- Năm 1995, Cố TS. KTS Hoàng Phúc Thắng và ADC đề xuất Dự án “Bảo tồn + Cải tạo = Phát triển”. Đây là một nghiên cứu khoa học, đề xuất mở các đường xuyên qualõi các ô phố, tạo ra phố mới trong KPC. Một đề xuất được đánh giá là mới lạ nhưng là giải pháp “can thiệp ngoại khoa thô bạo vào một thực thể đô thị lịch sử”. Đề xuất không khả thi do chưa làm rõ sở hữu/ lợi ích công tư đan xen – đặc thù của KPC Hà Nội.

- Tháng 6 năm 1995, Ông R.E. Hansen - Nhà quy hoạch bảo tồn Dự án nghiên cứu khoa học “Quản lý Quy hoạch và Phát triển Hà Nội” (6/1995): xác định đặc thù xác định ảnh hưởng đến quy hoạch và phát triển của Phố cổ Hà Nội hiện tại và tương lai và không có đề xuất triển khai thực nghiệm.

- Năm 1995, John Henshall - Nhà kinh tế đô thị báo cáo “Những xem xét kinh tế đối với quy hoạch chi tiết khu phố cổ”: Đánh giá về các chức năng kinh tế cần được xem xét khi chuẩn bị qui hoạch lại KPC. Báo cáo khoa học được trình bày tại nhiều diễn đàn, có giá trị như một phương pháp tiếp cận khoa học

- Năm 1995-1996, Với sự tài trợ ngân sách quốc tế, Trường Đại học Xây dựng, do GS.KTS Phạm Đình Việt chủ trì Dự án nghiên cứu khoa học “Quy hoạch bảo tồn khu Phố cổ Hà Nội - quy hoạch chi tiết 12 khu phố”. Nhằm bảo tồn nhưng thỏa mãn sự phát triển của cuộc sống; cải thiện môi trường từ cá thể tới cộng đồng; giảm mật độ ở; đề xuất chọn một ô phố để làm thí điểm. Báo cáo khoa học được trình bày tại nhiều diễn đàn, có giá trị như một

phương pháp tiếp cận khoa học và dùng một khoản ngân sách lớn xây dựng trên đất trong khuôn viên ĐHXD một mô hình thực tế phòng ngôi nhà ống trong KPC được cải tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng hiện đại và xây trên đất của trường ĐHXD. Ngôi nhà được sử dụng như văn phòng làm việc của các nhóm nghiên cứu, thiết kế tư vấn trong trường. Sau 20 năm (1996-2016), ngôi nhà đã phá đi để xây tòa nhà làm việc cao tầng thuộc trường ĐHXD.

- Năm 1995, Dự án nghiên cứu khoa học “Thí điểm về cải tạo và phát triển ô phố” của tổ chức SIDA/SWECO- Thụy Điển nghiên cứu cải tạo thí điểm và phát triển một ô phố Hàng Đào - Cầu Gỗ - Đinh Liệt - Gia Ngư. Báo cáo khoa học được trình bày tại nhiều diễn đàn, có giá trị như một phương pháp tiếp cận khoa học.

- Tháng 12 năm 1995, cơ quan phát triển quốc tế Australia báo cáo Dự án “Quản lý quy hoạch và phát triển Hà Nội - quy hoạch chi tiết khu vực khu Phố cổ”. Dự án bao gồm việc lập bản đồ quy hoạch chi tiết khu vực (LSP) cho khu phố cổ cũng như lập Bản hướng dẫn Quản lý phát triển và sử dụng đất. Bản LSP cung cấp dàn ý chiến lược cho việc quản lý thay đổi diễn ra trong KPC, còn bản Hướng dẫn lại cung cấp các biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo rằng các ngôi nhà và công trình xây dựng mới vẫn duy trì được vai trò sử dụng hỗn hợp, đặc trưng đô thị độc đáo và tính đặc thù truyền thống của khu vực nằm ở trung tâm thành phố.

Đây là một nghiên cứu khoa học công phu và đầu tư tốn kém, có sự phối hợp tham gia đồng đẳng các nhân viên thuộc Sở Quy hoạch Kiến trúc Hà Nội. Chuyên gia Australia lập văn phòng nghiên cứu tại Hà Nội, các thành viên Việt Nam được tham quan Australia, báo cáo nghiên cứu được trình bày thảo luận tại nhiều diễn đàn. Kết quả là tài liệu này được trích dẫn trong nhiều báo

cáo luận văn NCS cao học và Tiến sĩ trong nước và quốc tế...Nhưng những đề xuất giải pháp quản lý hầu như không được sử dụng trong các văn bản quản lý thực tế.

- Từ năm 1996 đến năm 1998, Văn phòng Kiến trúc sư trưởng Thành phố cùng UBND quận Hoàn Kiếm, Ban quản lý dự án cải tạo thí điểm khu Phố cổ - khu Phố cũ Hà Nội, các chuyên gia Thành phố Toulouse khảo sát một số công trình trong KPC Hà Nội. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để thực hiện các dự án cụ thể sau này. [4]

- Năm 1996, UNESCO tổ chức hội thảo về bảo tồn và phát huy giá trị di sản khu Phố cổ Hà Nội, kêu gọi các thành viên UNESCO quan tâm hỗ trợ chính quyền Thành phố Hà Nội. Hội thảo đã tập hợp nhiều nghiên cứu khoa học của các chuyên gia hàng đầu thế giới về công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản đô thị.

- Năm 2005, triển khai Dự án Bảo tồn phố cổ Hà Nội. UBND thành phố Hà Nội với sự hỗ trợ của JICA (Nhật Bản) trong dự án HAIDEP: Đưa ra mô hình “Điều chỉnh đất - chuyển đổi tại chỗ” Nhật Bản trong các dự án tái thiết đô thị.

- Năm 2010, phối hợp Đại sứ quán Italia tổ chức các hội nghị với người dân, với cán bộ quản lý các phường về công tác bảo tồn Phố cổ, kết hợp với Hội kiến trúc sư Genova, nhà xuất bản Thế giới xuất bản sách giới thiệu về khu phố cổ Hà Nội bằng tiếng Anh.

- Năm 2009-2010, Tổng cục Di sản Hàn Quốc nghiên cứu về Phố cổ Hà Nội, tham chiếu kinh nghiệm bảo tồn di sản đô thị tại Hàn Quốc.

Hợp tác nghiên cứu, khảo sát các công trình trong phường Hàng Buồm với Trường Đại học Showa Nhật Bản từ 2011-2015.

- Năm 2012, hợp tác với Cục Địa chính Bỉ đào tạo chuyên gia GIS cho thành phố Hà Nội, làm thí điểm trên địa bàn Phố cổ Hà Nội và không có kết quả.

1.4.2. Luận án tiến sĩ

Có nhiều luận án, luận văn trong nước và quốc tế đề cập đến các vấn đề có liên quan đến KPC. Dưới đây là một số luận án tiêu biểu:

- Luận án tiến sĩ của Tô Thị Toàn đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển KPC Hà Nội với việc phục dựng lại kiến trúc tại 38 Hàng Đào, 87 Mã Mây.

- Luận án tiến sĩ của Đào Ngọc Nghiêm tập trung vào các vấn đề quản lý quy hoạch và phát triển Hà Nội, trong đó kết quả quan trọng là đề xuất bản Hướng dẫn các biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo các công trình xây dựng mới vẫn duy trì được cách thức sử dụng hỗn hợp đặc trưng và giá trị đặc thù của kiến trúc khu vực trung tâm lịch sử của thành phố.

- Luận án tiến sĩ của Tạ Quỳnh Hoa với đề tài “Quy hoạch chi tiết đô thị có sự tham gia của cộng đồng tại Việt Nam”. Đây là một trong những luận án đề cập đầu tiên về vai trò và hiệu quả TGCD trong quy hoạch ở Việt Nam. Luận án đã đề xuất các giải pháp TGCD hiệu quả trong các thể loại đồ án quy hoạch ở Việt Nam.

- Luận án tiến sĩ của Trần Thọ Hiền về “Quản Lý Không Gian, Kiến Trúc, Cảnh Quan các tuyến phố chính khu vực nội đô lịch sử thành phố Hà Nội” đã đưa ra những giải pháp quản lý Kiến trúc – Quy hoạch tuyến phố chính ở Hà Nội. Giải pháp quy hoạch chi tiết kết hợp với thiết kế đô thị tuyến phố Kim Mã là ví dụ thí điểm các kết quả nghiên cứu của luận án. [22]

1.5. Các vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu

Từ khi chính sách Đổi mới đi vào cuộc sống, nhất là trong những năm gần đây, tốc độ phát triển kinh tế-xã hội ở Hà Nội diễn ra với tốc độ nhanh

theo hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. KPC Hà Nội là khu vực đô thị lịch sử, có giá trị đặc biệt, có nhiều cơ hội phát triển dịch vụ, thương mại và du lịch. Trong bối cảnh ấy, việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổ chức và quản lý KTCQ KPC Hà Nội, trong đó sự TGCD nhằm phát huy giá trị của di sản văn hóa và kiến trúc đô thị trong cuộc sống hiện đại là cần thiết. Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề chính:

1. Đánh giá thực trạng quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD.
2. Xây dựng các nguyên tắc và đề xuất các giải pháp đổi mới công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD
3. Nhận diện đặc điểm của cộng đồng dân cư KPC Hà Nội và đề xuất giải pháp TGCD trong quản lý KTCQ phù hợp với đặc điểm của KPC Hà Nội
4. Đề xuất quy chế quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD.

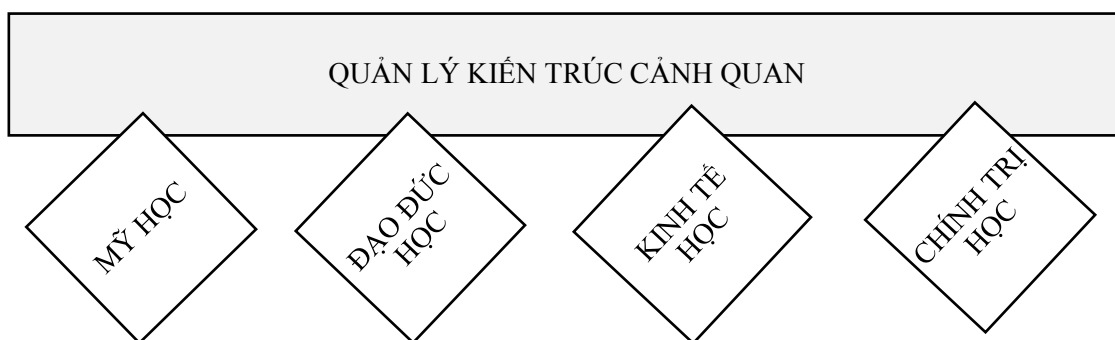
CHƯƠNG 2:

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Lý thuyết chung về quản lý kiến trúc cảnh quan

Quản lý KTCQ thuộc quản lý đô thị và liên quan đến nhiều lĩnh vực. Hiểu theo nghĩa rộng, vì liên quan trực tiếp đến tạo dựng không gian vật chất, đáp ứng nhu cầu hoạt động đa dạng của con người ở đô thị và nông thôn, nên trong lý luận về tổ chức và quản lý KTCQ có sự tham gia của nhiều ngành, như: Nghệ thuật, khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, đạo đức học và chính trị học (Sơ đồ 2.1).



Sơ đồ 2.1: Môi quan hệ các lĩnh vực liên quan đến quản lý KTCQ

Đề cập đến khái niệm cảnh quan diện rộng, Peter Jacobs trong bài “cảnh quan trong buổi bình minh của thiên niên kỷ mới “ đã nhấn mạnh ý chính, là: “Không thể tìm ra được một quần xã sinh vật hay một hệ sinh thái nào mà ở đó, kỹ năng của kiến trúc sư cảnh quan không đóng vai trò quyết định trong việc định hình, quản lý cũng như hỗ trợ sự sống cho các sinh vật. Ngày càng, các yếu tố quan trọng đối với đời sống con người là thực phẩm, nước, chỗ cư trú và cộng đồng càng được bảo tồn tốt hơn với những bản kế hoạch định sẵnCảnh quan được xem như một khối dính liền với nhau, cần phải được phân

tích cùng với sự tôn trọng đối với những bước tiến mới. Trong một khoảng thời gian dài, cảnh quan đã bị chia nhỏ, và được xem như tài nguyên có sẵn để sử dụng vào việc phát triển. Hết khi cảnh quan được nhìn nhận như một biểu đạt của sự giao hòa giữa thiên nhiên với văn hóa. Vì vậy, cần nhận thức lại, đúng đắn, rõ ràng và nhất quán về sức mạnh và tầm quan trọng của cảnh quan trong việc cải thiện sức khỏe của con người cũng như làm giàu cho các cộng đồng”. [68]

Nhìn chung, để giải quyết những vấn đề cơ bản nhất của công tác quản lý kiến trúc cảnh quan diện rộng cần chú ý xem xét 3 nội dung cụ thể sau:

- *Cảnh quan tự nhiên.*

Trước hết chú trọng vấn đề quản lý nguồn nước. Nước đóng vai trò thiết yếu đối với sự sống của con người và sự phát triển các quần cư. Vì thế, quản lý nước là một trong những nội dung cốt lõi của công tác quản lý KTCQ trong quy hoạch đô thị và nông thôn. Trong đô thị, đó là quản lý không cgrir các nguồn nước tự nhiên mà cả các nguồn nước thải sinh hoạt và công nghiệp. Bên cạnh đó là công tác bảo vệ và phát huy giá trị của cảnh quan tự nhiên khác như: Thảm thực vật, đặc điểm địa hình, đất đai và khí hậu.

- *Cảnh quan nhân tạo.*

Cảnh quan nhân tạo còn được gọi cảnh quan xây dựng. Việc quản lý cảnh quan nhân tạo không chỉ là những can thiệp kỹ thuật làm thay đổi cấu trúc cảnh quan mà gồm cả khía cạnh kinh tế của công tác quản lý cảnh quan. Một cảnh quan được hình thành và quản lý tốt là kết quả của sự phối hợp đầu tư hợp lý, đảm bảo sự tồn tại lâu dài. Nghĩa là giá trị của tổng thể KTCQ tồn tại lâu hơn so với các sản phẩm xây dựng thông thường. Do đó, cần đặc biệt chú ý tạo nên sự hài hòa giữa cảnh quan tự nhiên với cảnh quan nhân tạo trong quy hoạch và quản lý KTCQ các điểm dân cư.

- Cảnh quan hoạt động.

Cảnh quan hoạt động chính là cảnh quan văn hóa . Nhờ những hoạt động đa dạng và luôn biến đổi của con người tạo nên sức sống động, làm tăng sức hấp dẫn của không gian KTCQ được thiết kế. Qua các hoạt động, sự gắn kết giữa con người với không gian ngày càng trở nên mật thiết. Quan trọng hơn cả là, trải thời gian, giá trị tinh thần nơi chốn và bản sắc văn hóa của không gian dần định hình. Đó là kết quả của công tác thiết kế và quản lý KTCQ.

Về cảnh quan cụ thể như KTCQ đô thị, thì đó là kết quả của sự sắp xếp (tổ chức) theo một quy luật nhất định các thành phần tự nhiên như địa hình, mặt nước, cây xanh,...và thành phần nhân tạo (vật chất và phi vật chất) như công trình kiến trúc lớn - nhỏ, hạ tầng kỹ thuật đô thị (giao thông, chiếu sáng,...), nghệ thuật công cộng và các hoạt động đa dạng của con người và cộng đồng trong không gian.

Trên cơ sở nhận thức về KTCQ đô thị như nêu ở trên, đối với quản lý KTCQ đô thị, trong đó có quản lý KTCQ KPC Hà Nội thì có thể xác định các lĩnh vực quản lý cụ thể là:

- Quản lý bảo vệ giá trị KTCQ truyền thống của KPC Hà Nội đã được xác định
- Quản lý bảo tồn, cải tạo và phát huy giá trị KTCQ truyền thống
- Quản lý xây dựng mới KTCQ trong KPC Hà Nội
- Quản lý khai thác sử dụng hiệu quả KTCQ KPC Hà Nội.

2.1.2. Xu hướng quản lý kiến trúc cảnh quan

Như đã trình bày ở trên, cảnh quan được thiết kế hợp lý là một cấu trúc thống nhất và có đặc trưng riêng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, bên cạnh vấn đề chất lượng môi trường sống thông qua không gian KTCQ được

thiết kế, đòi hỏi về đặc trưng riêng hay bản sắc văn hóa của không gian KTCQ là quan trọng và trở thành định hướng của thiết kế KTCQ ở các nước trên thế giới.

Trước những thách thức mang tính toàn cầu đối với cảnh quan và môi trường sống của con người, như cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, biến đổi cực đoan về thời tiết, bệnh dịch, bất bình đẳng và tệ nạn xã hội, nhiều xu hướng phát triển bền vững trong quy hoạch, kiến trúc và quản lý đã xuất hiện. Liên quan đến nội dung của luận án, có 2 xu hướng quản lý KTCQ chủ yếu:

2.1.2.1. Xu hướng bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc đô thị:

Xu hướng bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc đô thị khu trung tâm lịch sử ở đô thị, trong đó có KPC Hà Nội là hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, trong đó, bền vững về văn hóa đô thị là lĩnh vực ngày càng thu hút sự quan tâm của xã hội, đặc biệt trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Trên thế giới, các nguyên tắc, quy định quản lý KTCQ các khu phố lịch sử đã được pháp điển hóa trong các Hiến chương, Công ước quốc tế như: Hiến chương Athens về bảo tồn trùng tu di tích lịch sử (1931) [66]; Hiến chương Venice (1964) [101]; Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (1972); Hiến chương Washinhton về bảo vệ thành phố và khu vực lịch sử (1987) [75]. Hiến chương Burra (1999) [76];. Hiến chương Florence về Hoa viên lịch sử (1981) [77]

Ở nước ta, vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc và đô thị đã được nhà nước quan tâm. Điều đó đã được thể hiện, từ buổi đầu thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945) với Sắc lệnh Bảo tồn cổ tích cho đời sau của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và gần đây là Luật Di sản và, Quy chế quản lý Quy hoạch kiến trúc KPC. Tuy nhiên, quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc đô thị là vấn đề khó, phức tạp, có quan hệ đồng thời với nhiều

lĩnh vực chuyên môn khác nhau nên các văn bản pháp quy đã được ban hành chưa đủ khả năng điều tiết theo hướng tích cực. Thực tế bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc và đô thị trong thời gian qua đã chỉ rõ những hạn chế và không đồng bộ của các cơ sở pháp lý đã ban hành.

2.1.2.2. Xu hướng Kiến trúc xanh:

Đây là một trong những xu hướng phát triển kiến trúc và đô thị tiên bộ đang dần phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Đó là xu hướng quan tâm đến sử dụng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, trong khi lại hài hòa với môi trường cảnh quan tự nhiên và phù hợp với môi trường sinh thái nhân văn của địa phương có công trình xây dựng.

Trên thế giới, theo xu hướng kiến trúc xanh, về phương diện quản lý KTCQ, nhiều hệ thống quản lý và phương pháp đánh giá chất lượng công trình xanh và kiến trúc xanh đã được đề xuất và ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn từ những năm 90 của thế kỷ trước. Đó là hệ thống đánh giá công trình xanh, như: BREEAM (Anh 1990), LEED (Mỹ 1995), CASBEE (Nhật 2001), GREEN MARK (Singapore 2005), GBL (Green Building Label - Trung Quốc 2008),... Trong số hệ thống đánh giá của nước ngoài ấy, có một số phương pháp quản lý và đánh giá như LEED và GREEN MARK đã được áp dụng ở Việt Nam.

Ở nước ta, kiến trúc xanh đã được Hội KTS Việt Nam lần đầu tiên chính thức tuyên bố trên phạm vi cả nước thông qua Tuyên ngôn Kiến trúc xanh Việt Nam, tháng 4 năm 2011. Trong tuyên ngôn có đoạn viết: “Kiến trúc xanh là con đường để tạo lập môi trường sống bền vững cho con người”. Bên cạnh đó, Hội đồng công trình xanh Việt Nam (VGBC) với công cụ đánh giá LOTUS đã bắt đầu được áp dụng.

Đối với phát triển bền vững, chính phủ nhận thức đúng và thực hiện đầy đủ các cam kết với thế giới. Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam với “Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam” theo Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17/8/2004 do Thủ tướng chính phủ ký là một minh chứng rõ nét nhất. [9]

Ngoài ra, các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng đã ban hành nhiều văn bản pháp quy khác có liên quan đến phát triển bền vững, trong đó đáng kể có Dự thảo “Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển công trình xanh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 “. [17]

Mặt khác, có thể khẳng định, bản chất của xu hướng Kiến trúc xanh đã có từ lâu trong kiến trúc truyền thống ở nước ta. Do văn hóa nông nghiệp lúa nước, tổ tiên luôn có ý thức tôn trọng và sống hài hòa với môi trường tự nhiên. Và kiến trúc là biểu hiện rõ nét nhất. Đó là kiến trúc hữu cơ, hài hòa với môi trường như là một “Đơn vị cân bằng sinh thái” thông qua cách tổ chức khuôn viên, kiến trúc ngôi nhà dựa trên nguyên tắc khai thác những lợi thế cũng như hạn chế tối đa nhưng bất lợi của điều kiện thời tiết, môi trường tự nhiên để tạo môi trường vi khí hậu tốt nhất cho không gian cư trú của con người.

2.1.3. Nội dung quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội

Hiện tại trên phạm vi diện tích gần 100 Ha của KPC, nhiệm vụ chính của công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội là: 1) Tập trung đánh giá, xác định giá trị của quỹ di sản KTCQ KPC, 2) Xây dựng kế hoạch quản lý triển khai thực hiện, 3) Quản lý quá trình khai thác, vận hành và sử dụng, trong đó chú trọng sự TGCD. Trên cơ sở nhiệm vụ tổng quát về quản lý KTCQ KPC Hà Nội, lý thuyết chung về quản lý KTCQ và kết quả thực tiễn trong thời gian qua, nội dung quản lý KTCQ cụ thể tập trung những vấn đề chính:

2.1.3.1 Không gian kiến trúc cảnh quan.

Đó là 3 dạng không gian vật chất chính tạo nên cấu trúc KTCQ KPC Hà Nội, cụ thể là:

- *Tuyến:*

Không gian KTCQ theo hình thức mặt đứng - không gian cây xanh, hình thức các công trình kiến trúc, vỉa hè, đường phố.

- *Diện:*

Các không gian KTCQ bao gồm các khoảng trống giữa các công trình kiến trúc, các quảng trường, cây xanh thảm cỏ, những vườn hoa nhỏ, những sân chơi công cộng đan xen trong các khu phố.

- *Điểm:*

Không gian KTCQ bao gồm các địa điểm sinh hoạt công cộng, các công trình di sản, công trình tôn giáo tín ngưỡng.

2.1.3.2 Nội dung hoạt động trong không gian kiến trúc cảnh quan.

Đó là việc quản lý các hoạt động cộng đồng có tổ chức và tự phát vốn đa dạng và thay đổi, nhưng tạo nên sự sống động, hấp dẫn và giá trị văn hóa của không gian KTCQ KPC Hà Nội. Mục tiêu quản lý là đảm bảo công tác bảo tồn và phát huy giá trị KTCQ trong đời sống đô thị hiện đại.

2.2 Lý thuyết về sự tham gia của cộng đồng trong quản lý đô thị

2.2.1 Nhận thức chung về tham gia cộng đồng trong quản lý đô thị

Trên thế giới, sự TGCD trong quản lý đô thị đã được quan tâm từ khá lâu. Ở châu Âu sự TGCD xuất hiện trong từng giai đoạn lập quy hoạch và quản lý đô thị, như: Ở Anh từ 1980 nhằm đổi mới hệ thống qui hoạch đô thị

và thành phố; Ở Pháp năm, từ 1980 TGCD được áp dụng trong quy hoạch từ vùng đến khu vực; Thụy Điển vào năm 1987 áp dụng cho quy hoạch sử dụng đất. Kết quả cho thấy, hầu hết các thành phố mới xây dựng theo quy hoạch có sự TGCD đều trở thành những thành phố kiểu mẫu của châu Âu và thế giới. Tại Pháp, trong giai đoạn từ năm 1970 đến 1980, cơ chế TGCD đã được đưa vào hệ thống luật quốc gia, trong đó quy định việc lấy ý kiến cộng đồng và sự TGCD trong một số điều luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường và phát triển đô thị.

2.2.2 Lý thuyết của Sherry A. Arnstein

Một trong những lý luận hiện đại về sự TGCD đầu tiên là lý luận của Sherry A. Arnstein. Đó là lý luận về “Thang đo sự TGCD” đã được áp dụng trong các dự án tái thiết đô thị ở Mỹ những năm 1950. Lý luận này, ngay sau đó được vận dụng rộng rãi để đánh giá thực trạng mức độ TGCD trong các dự án đô thị ở nhiều nước trên thế giới. Thang đo gồm 8 bậc: 1) Vận động (Công bố thông tin); 2) Quan hệ cộng đồng; Trao đổi/Giáo dục; 3) Thông báo, thông tin đến người dân; 4) Tham vấn, Tư vấn; 6) Hợp tác, Quan hệ đối tác; 7) Trao quyền, ủy quyền; 8) Cộng đồng kiểm soát, giám sát. (Bảng 2.1)

Mức độ	Hình thức	Nội dung	Chiến lược
1	Công bố thông tin/ Vận động	Ở các cấp này, công chúng được cung cấp một lượng thông tin nhỏ	Không tham gia
2	Trao đổi/Giáo dục		
3	Thông báo/ thông tin đến người dân	Công chúng được thông tin về những gì sẽ đang và đã được xây dựng	Mức độ tượng trưng
4	Tham vấn/Tư vấn	Công chúng có tiếng nói nhưng không có quyền bày tỏ quan điểm	
5	Tham gia thực hiện	Ý kiến cộng đồng được xem xét nhưng quyết định vẫn thuộc về cơ quan có thẩm quyền	
6	Quan hệ đối tác	Công chúng có thể bắt đầu đàm phán với những người ra quyết định, bao gồm thỏa thuận về vai trò, trách nhiệm và mức độ kiểm soát	Chia sẻ quyền lực
7	Trao quyền/ Ủy quyền	Công chúng được phân chia một phần quyền lực	
8	Công dân kiểm soát	Công chúng có toàn quyền quyết định và hành động	

Bảng 2.1: “Thang đo” với 8 mức độ TGCD của Sherry Arnstein.

Với 8 bậc thang đo, lý luận đã giải thích đầy đủ các bước cần thiết phải có cùng trình tự thực hiện của quá trình tham gia trực tiếp của cộng đồng để đạt hiệu quả cao nhất trong các dự án đô thị. Trong đó giải pháp cộng đồng

trên cơ sở phát huy sáng kiến cộng đồng có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy nỗ lực TGCD, tăng cường mối quan hệ xóm giềng cũng như trách nhiệm và tình cảm gắn bó của cộng đồng với địa phương cư trú.

Căn cứ vào thang đo của Sherry A. Arnstein, qua thực tế triển khai các dự án đô thị ở nước ta thì sự TGCD mới chỉ ở bậc thang 3 - Thông báo và 4 - Tham vấn theo hướng một chiều từ trên xuống. Nghĩa là từ chính quyền (ở trên) thông báo xuống cộng đồng (ở dưới), mà chưa có sự tham gia phản hồi từ dưới lên. Nói cách khác là chưa có sự hợp tác thực sự với cộng đồng để nắm bắt được yêu cầu và nguyện vọng của cộng đồng. Tương tự, tham vấn cộng đồng mới chỉ lấy ý kiến cộng đồng thông qua người đại diện của cộng đồng, thường là tổ trưởng dân phố.

Rõ ràng, tám 8 cấp độ trong lý thuyết của Sherry Arnstein sẽ có những cấp độ phù hợp và không phù hợp - tùy vào từng thời kỳ, thời điểm cũng như điều kiện cụ thể - tại Việt Nam, đặc biệt là KPC:

- Trên thực tế chúng ta thường thấy từ cấp độ 1 đến cấp độ 4, thì việc tham gia của cộng đồng vào việc quản lý đô thị hay quản lý kiến trúc cảnh quan tại Việt Nam là phổ biến tuy nhiên chưa thực sự hiệu quả.
- Từ cấp độ 5,6,7,8 thì mỗi cấp độ lại đòi hỏi rất nhiều các yếu tố khách quan khác để đạt được hiệu quả, như trình độ dân trí, khả năng tổ chức và quản lý của cơ quan công quyền, định hướng chính trị...
- Đặc biệt nếu thực hiện ở cấp độ 8, đòi hỏi một xã hội phải có tính thống nhất cao về mọi mặt....

2.2.3 Lý thuyết của Samuel Paul

Tham khảo cấp độ khác nhau về sức mạnh trong sự tham gia của cộng đồng theo đề xuất 4 mức của Samuel Paul.[91]

2.2.3.1. Chia sẻ thông tin:

Các nhà thiết kế và quản lý dự án có thể chia sẻ thông tin với những người hưởng lợi để tạo điều kiện cho các hoạt động tập thể hoặc cá nhân. Điều đó có thể ảnh hưởng tích cực tới các kết quả của dự án, ở một mức độ nào đó thì nó làm cho người hưởng lợi có thể hiểu và thực hiện các nhiệm vụ của dự án một cách tốt hơn.

2.2.3.2. Hội đàm:

Khi những người hưởng lợi không những được thông báo mà còn được bàn bạc về các vấn đề quan trọng thì sẽ làm tăng sức mạnh của sự tham gia. Ở đây, có một cơ hội cho những người hưởng lợi trong việc cung cấp những thông tin phản hồi cho cơ quan dự án.

2.2.3.3. Đề ra các quyết định:

Có một hình thức tham gia mạnh hơn là khi những người hưởng lợi đóng vai trò ra quyết định đối với các vấn đề về thiết kế và thực hiện dự án. Việc ra quyết định bởi những người hưởng lợi cho thấy một mức độ cao của sự kiểm soát và sự ảnh hưởng đến các dự án.

2.2.3.4. Hoạt động khởi xướng:

Những người hưởng lợi có thể khởi xướng cho một dự án thì sức mạnh của sự tham gia có thể nói đã đạt tới đỉnh cao của nó. Trong trường hợp này, có thể hoàn toàn tin cậy để tiếp tục khởi xướng nó. Đó là sự khác biệt về mặt định tính với năng lực để hành động hay quyết định các vấn đề hoặc nhiệm vụ do những người khác đề ra hay phân công.

2.2.4 Lý thuyết Jorgen Habermas

Lý thuyết “Các thỏa thuận và lập luận trong lý thuyết lập kế hoạch giao tiếp” (“Agreements and Arguments in Communicative Planning Theory”) của Jorgen Habermas. [82]

Lý thuyết này nói về hình thức quy hoạch từ dưới lên. Trái với hình thức quy hoạch từ trên xuống dựa trên phân tích khoa học và đề cao mối quan hệ nhân quả trong thiết kế, chủ yếu dựa trên cảm quan cá nhân của các nhà kế hoạch đô thị, hình thức quy hoạch từ dưới lên quan tâm tới sự hiện diện của cấu trúc sẵn có, đề cao lợi ích của nhóm cộng đồng, dựa trên sự đồng thuận của các bên liên quan thông qua các cuộc đàm phán, tranh luận.

2.2.5. Phương pháp tham gia cộng đồng trong quy hoạch và quản lý đô thị

Sự TGCD trong quản lý quy hoạch là một quá trình tương tác mà cộng đồng được cung cấp thông tin, chia sẻ, đóng góp ý kiến cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định có tác động đến quyền lợi và chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư. Vì vậy, để sự TGCD có hiệu quả, nhất định phải được tiến hành theo phương pháp khoa học - Phương pháp tham gia cộng đồng.

Mục đích của phương pháp tham gia cộng đồng là tác động từ dưới lên. Đó là làm sao để những ý kiến của các cộng đồng dân cư (cả cộng đồng yếu thế, vốn thường không được chú ý), được phản ánh lên. Trong bối cảnh tư duy duy ý chí, áp đặt từ trên xuống vẫn hiện hành ở nước ta thì ý kiến phản hồi từ dưới lên có giá trị tích cực, góp phần điều chỉnh và hoàn thiện kịp thời các giải pháp quy hoạch và quản lý quy hoạch vì cộng đồng.

Theo lý luận thang đo sự TGCD của Sherry A. Arnstein thì: Sự TGCD hiệu quả nhất tập trung ở bậc: 3) Thông báo-Tiếp cận thông tin và 4) Tham vấn cộng đồng. Trong đó, tham vấn cộng đồng là hành động bày tỏ quan

điểm, ý kiến của cộng đồng trước một giải pháp quy hoạch và quản lý quy hoạch do chính quyền lập trước khi quyết định chính thức.

Như vậy, có thể thấy, tham vấn cộng đồng có ý nghĩa quan trọng. Tham vấn cộng đồng có thể được thực hiện bằng các phương pháp thu thập ý kiến dựa trên các nguyên tắc dân chủ đại diện hoặc dân chủ trực tiếp. Nguyên tắc dân chủ đại diện là lấy ý kiến cộng đồng thông qua thảo luận, hội thảo hoặc lấy ý kiến cộng đồng qua phiếu hỏi hay thậm chí thông qua ý kiến của người đại diện cộng đồng. Còn tham vấn cộng đồng trên nguyên tắc dân chủ trực tiếp là lấy ý kiến của cá nhân trong cộng đồng thông qua phỏng vấn trực tiếp. Ở nước ta, phương pháp tham vấn cộng đồng trên nguyên tắc dân chủ đại diện là phổ biến.

Cuối cùng, trong các phương pháp TGCD, nếu biết khai thác và phát huy sáng kiến cộng đồng và cả sự tham gia trực tiếp của cộng đồng, chắc chắn sẽ mang lại lợi ích không thể phủ nhận được trong công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, trong đó có quản lý KTCQ KPC Hà Nội.

2.2.6. Sự tham gia cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội

Nhìn chung, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng “cộng đồng” là nhóm người có cùng những mối quan tâm và sống, hoạt động trên cùng một không gian, khu vực. Còn sự TGCD là quá trình mà người dân đóng góp sức lực, vật chất và tinh thần cùng với các bên có liên quan để thực hiện những công việc được cộng đồng thống nhất.

Trên thế giới, sự TGCD là hoạt động luôn đi cùng với quá trình phát triển hình thái tổ chức xã hội của loài người trong lịch sử, từ thấp đến cao, từ khi xuất hiện loại người đến thời kỳ hiện đại. Ngày nay, ở các nước phương Tây sự TGCD dựa trên các mô hình dân chủ khác nhau, hình thành các mô

hình quản lý đô thị, trong đó có KTCQ với sự TGCD tương ứng khác nhau. Ở phương Tây, ý thức về con người cá nhân - “cái tôi” khi tham gia các hoạt động cộng đồng là phổ biến. Trong khi ở nước ta, xuất phát từ đặc điểm của văn minh làng xã kết hợp với tư tưởng phương Đông, sự tham gia của cá nhân trong cộng đồng thường thông qua cơ chế “đại diện”, nghĩa là cái “ta” nổi hơn cái “tôi”. Trong lịch sử, “Hương ước” của làng xã là bằng chứng rõ nhất. Hương ước bao gồm các quy tắc cụ thể, điều chỉnh các quan hệ xã hội, các hành vi ứng xử của cá nhân trong cộng đồng cũng như những quy tắc thể hiện ý chí của cộng đồng trong việc bảo vệ các giá trị chung về vật thể và tinh thần của cộng đồng [32]. Hương ước có những ưu điểm nhất định trong việc góp phần đảm bảo trật tự xã hội, tăng cường mối quan hệ xóm giềng và bảo vệ những giá trị văn hóa tiêu biểu của cộng đồng ở nông thôn. (Phụ lục II.1)

Ngày nay, ở đô thị, cộng đồng dân cư mới thường đa dạng về quy mô số dân, phức tạp về thành phần dân cư và không gắn bó mật thiết với nơi cư trú dotính năng động đô thị, con người tiếp nhận nhiều thông tin và dễ thay đổi chỗ ở. Mối giao tiếp xã hội, quan hệ xóm giềng - một yếu tố tích cực tạo sự cấu kết cộng đồng trong quá khứ khó được hình thành và phát huy giá trị trong cộng đồng dân cư hiện đại ở đô thị. Bên cạnh đó ảnh hưởng ngày càng sâu, rộng của quan niệm sống hiện đại mang nặng tính cá nhân kiểu phương Tây trong cộng đồng, nhất là những người trẻ, trong đó có cả kiểu sống trọc phú của một bộ phận những người mới giàu lên.

Hiện tại, có thể nhận thấy: xã hội phát triển nên đặc điểm cộng đồng ở nước ta đa dạng và phức tạp hơn trước đây; Trong quản lý đô thị và KTCQ vai trò của nhà nước vẫn chiếm ưu thế; Sự TGCD chưa phát huy được hiệu quả như mong muốn, đặc biệt những yếu tố tích cực của các thiết chế cộng đồng truyền thống chưa được phát huy.

Sự TGCD trong quản lý KTCQ đô thị nói chung và KTCQ KPC Hà Nội nói riêng diễn ra ở 3 giai đoạn cơ bản: 1). Lập quy hoạch đô thị; 2). Đầu tư xây dựng, và 3) Khai thác sử dụng.

Trong quá trình lập quy hoạch, sự TGCD, theo kết quả nghiên cứu của một số nhà khoa học, về lý thuyết thể hiện trách nhiệm cũng như cam kết của người dân, nhằm tăng tính hiệu quả của đồ án. Bởi vì người dân là người thụ hưởng kết quả của dự án và có thể đóng góp nguồn lực của mình cho các hoạt động cộng đồng phục vụ dự án. Và khi cộng đồng được coi trọng thì sự hợp tác với các bên liên quan như chính quyền và đơn vị thiết kế sẽ chặt chẽ và đạt hiệu quả thiết thực hơn.

Sự TGCD (nói cách khác là sự kết hợp với các nhà quy hoạch, chính quyền và nhà đầu tư) trong quá trình lập đồ án quy hoạch thể hiện qua 4 bước cơ bản trong đó có 2 bước đầu 1- “Chia sẻ thông tin” và 2- “Trao đổi, hội đàm”, nhằm chia sẻ thông tin từ các nhà tư vấn và chính quyền về dự án để cộng đồng dân cư - những người thụ hưởng bàn bạc, có ý kiến phản hồi để các bên liên quan hiểu rõ tình hình và nhu cầu để thực hiện tốt nhất dự án.

Bước thứ 3- “Đề ra các quyết định” là hình thức tham gia trực tiếp và hiệu quả nhất của cộng đồng đối với dự án.

Bước thứ 4- “Hoạt động khởi xướng” là bước cuối cùng, bản thân cộng đồng cũng có thể đề xuất một dự án phát triển đô thị cụ thể vì lợi ích của cộng đồng. Trường hợp này phù hợp với những dự án quy mô nhỏ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của cộng đồng. Dự án cải tạo, nâng cấp và quản lý khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống KGCC trong khu chung cư cũ như trường hợp Giảng Võ là một trong những ví dụ thích hợp.

Và sự TGCD diễn ra trong các bước của quy trình lập đồ án quy hoạch đô thị, đó là: 1. Xác định nhiệm vụ thiết kế; 2. Thống nhất mục đích và các

mục tiêu của đồ án;3. Đánh giá hiện trạng;4. Lựa chọn phương án;5. Đánh giá các giải pháp thực hiện;

Ở bước quản lý đầu tư xây dựng, tùy theo quy mô và tính chất của từng đồ án, dự án mà xây dựng các cơ chế phối hợp các bên liên quan để huy động sự tham gia cộng đồng. Để cộng đồng tham gia hiệu quả, có thể thông qua các tổ chức cộng đồng được đề xuất thành lập mới phù hợp với yêu cầu của đồ án, dự án cụ thể, như: Ban giám sát cộng đồng, Tổ cộng đồng tự quản,...

Ở giai đoạn sau khi dự án được hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng thì sự tham gia cộng đồng trong việc khai thác sử dụng, duy tu, bảo trì,... có ý nghĩa quan trọng, đảm bảo tính hiệu quả cũng như sự phát triển bền vững của kết quả dự án. Cộng đồng có thể thành lập các tổ chức của mình để huy động sự tham gia trực tiếp của cộng đồng, như Ban quản lý, Ban đại diện cộng đồng,...

2.2.7 Nhận xét

Các vấn đề cần làm rõ khi áp dụng các cơ sở lý thuyết nêu trên: Ở phương Tây với sự đề cao tính dân chủ, mức độ TGCD là điều luôn được coi trọng và đề cao. Tuy nhiên thực tại ở Việt Nam, hầu hết các dự án quản lý quy hoạch đô thị mới chỉ dừng ở cấp độ 5 (theo Arnstein) hay cấp độ Hội đàm (theo Paul). Các cuộc trưng cầu ý dân được lập ra với mục đích lấy ý kiến cộng đồng. Tuy nhiên, hiệu quả chưa thực sự cao và quyết định cuối cùng vẫn thuộc về các cơ quan có thẩm quyền.

Vì vậy, để vận dụng các lý thuyết trên một cách hiệu quả, cần có các cách phân tích, đặt vào thực tế các điều kiện khách quan, để đưa ra được lý thuyết riêng của phù hợp với KPC Hà Nội.

2.3. Cơ sở pháp lý

2.3.1 Văn bản quy phạm pháp luật Nhà nước

Các văn bản pháp luật của nhà nước đã ban hành có liên quan đến sự TGCD và quản lý KTCQ KPC Hà Nội gồm có:

- Luật quy hoạch đô thị 2009, ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Trong luật quy hoạch đô thị 2015 có nhắc tới khái niệm về “quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị”, trong đó liên quan đến KTCQ của KPC. Tuy nhiên KPC là một di sản đô thị đặc biệt, nên còn cần đến sự điều chỉnh bởi các luật khác.

Trong Luật có quy định: Lấy ý kiến về quy hoạch đô thị là bắt buộc trong quy trình lập quy hoạch đô thị cũng như phải công khai đồ án quy hoạch đã được phê duyệt trong thời gian 30 ngày. Đồng thời, Luật quy định rõ: tùy theo cấp độ, phạm vi của đồ án quy hoạch đô thị sẽ có hình thức thu thập ý kiến cộng đồng tương ứng.

- Luật di sản văn hóa 2009, (được sửa đổi bổ sung 2009)

Trong luật di sản 2009 ghi rõ việc khuyến khích phát triển và bảo vệ các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, như: di tích, danh lam, cổ vật, các lễ hội truyền thống ... Tuy nhiên đối với di sản đô thị như trường hợp KPC Hà Nội, là đối tượng rất cần được quản lý và nghiên cứu thì lại chưa được đề cập đầy đủ.

- Luật Xây dựng năm 2014, ngày 18 tháng 06 năm 2014

Tại Điều 17 Luật Xây dựng, quy định rõ ràng, như Luật Quy hoạch đô thị: “Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có

trách nhiệm tổng hợp ý kiến cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở”.

- Pháp lệnh Dân chủ cơ sở số 34/2007/PL-UBTVQH11, 20/4/2007[11]

Pháp lệnh quy định quyền được tham gia trong một số lĩnh vực liên quan đến quy hoạch xây dựng, như: Công khai quy hoạch để nhân dân biết, tiến độ thực hiện, phương án đền bù, kế hoạch sử dụng đất,...

- Nghị định 38/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan. Nay sau khi Luật Kiến trúc ra đời, Nghị định 38 hết hiệu lực và thay bằng Luật Kiến trúc (2019) với Nghị định số 85/2020/NĐ-CP.

Trong Nghị định 38, Chính phủ thống nhất quản lý và phân cấp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị. UBND thành phố, thị xã, thị trấn (sau đây gọi là chính quyền đô thị) quản lý toàn diện không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Cơ quan có chức năng quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị ở địa phương có trách nhiệm giúp chính quyền đô thị quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị phải tuân thủ theo quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. Đối với những khu vực đô thị, tuyến phố chưa có quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thì thực hiện việc quản lý theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải phù hợp với các quy định trong Nghị định này.

Đảm bảo tính thống nhất trong việc quản lý từ không gian tổng thể đô thị đến không gian cụ thể thuộc đô thị; phải có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan đô thị và phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, đồng thời tôn trọng tập

quán, văn hóa địa phương; phát huy các giá trị truyền thống để gìn giữ bản sắc của từng vùng, miền trong kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị phải căn cứ vào quy hoạch, thiết kế đô thị được cấp có thẩm quyền duyệt và phải được chính quyền đô thị quy định cụ thể bằng Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

- Nghị định chính phủ số 29/2007/NĐ-CP về Quản lý kiến trúc đô thị[12].

Trong đó quy định về Giám sát cộng đồng về kiến trúc đô thị. Cộng đồng thực hiện quyền giám sát bằng cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua Ban thanh tra nhân dân.

- Thông tư 07/2008/TT-BXD, Ngày 7/4/2008 [6]

Trong đó có (phần III) hướng dẫn việc lấy ý kiến về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng.

- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2013.

- Nghị định “Quy định về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị “số 38/2010/NĐ-CP [13].

Quy định về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị có các mục liên quan tới nghiên cứu của luận án gồm Chương II. Điều 6. Quy định chung đối với không gian, kiến trúc cảnh quan đô thị. Điều 12, Điều 14, Điều 16.

- Nghị định chính phủ số 64/2010/NĐ-CP về Quản lý cây xanh đô thị[14].

Các nội dung liên quan đến luận án thể hiện ở: Chương III – Điều 17. Đối với cây xanh được bảo tồn trong đô thị - Là một trong những vấn đề nổi cộm của KPC, có tác động đến hình thái cảnh quan kiến trúc đặc trưng. Tuy

nhiên, trong nghị định mới đề cập chung chung, chưa nói rõ tới các công việc bảo tồn, kể cả những hình dáng vốn có tạo nên nét riêng biệt, đặc sắc của khung cảnh. Trong khi cây xanh có ảnh hưởng mang tính hình ảnh đô thị, mang lại những giá trị cảnh quan kiến trúc mà luận án đề cập

- Luật Kiến trúc (2019) và Nghị định số 85/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc. Trong đó, Điều 8 có quy định về lập quy chế quản lý kiến trúc. Quy chế này bao trùm cả nội dung quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đã được quy định tại Nghị định 38 trước đây.

2.3.2. Văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố Hà Nội.

- Luật thủ đô số 25/2015/QH13[30]
- Quy chế quản lý KPC Hà Nội.

Đánh giá tổng kết 2 năm triển khai thực hiện quyết định 6398/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về Quy chế quản lý Quy hoạch - Kiến trúc khu Phố cổ Hà Nội đã nêu rõ được những mặt mạnh và tính hiệu quả của quy chế này. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý của Thành phố trong triển khai. Sự ủng hộ và quan tâm từ phía cộng đồng rất tích cực và được sự đồng thuận cao. Việc bảo tồn và trung tu các di sản cũng được triển khai với sự ủng hộ cao từ phía cộng đồng.

- Kế hoạch 63/KH-UBND ngày 26/3/2020 về Triển khai công tác chuẩn bị lập “Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Nội dung của Kế hoạch đề cập đến sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với việc phát triển kết cấu hạ tầng, trong đó có liên quan đến KTCQ KPC Hà Nội, đồng thời đề cập đến sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố để sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển bền vững trong thời kỳ 2021 – 2030 và những năm tiếp theo. (Phụ lục II.2)

2.4. Cơ sở thực tiễn

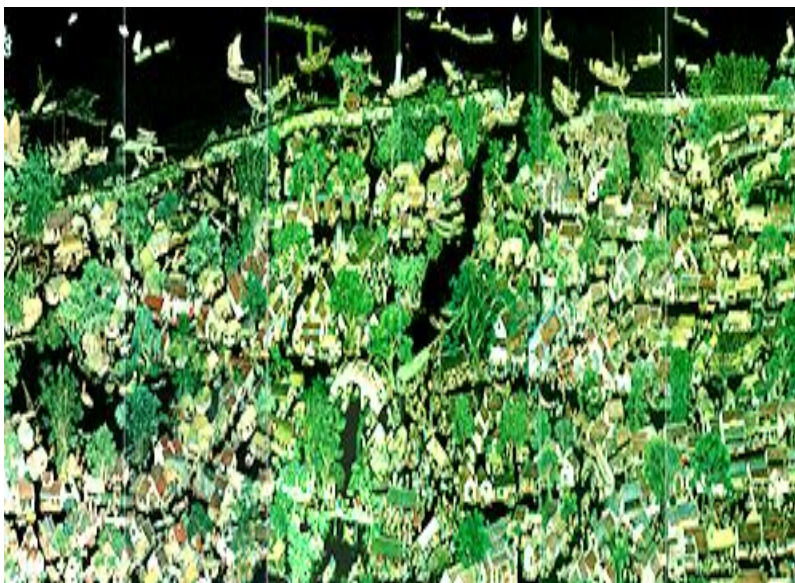
2.4.1. Lịch sử tham gia cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội

Sự TGCD trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội có lịch sử lâu đời, được thể hiện qua các hình thức, như:

2.4.1.1. Quá trình phát triển cộng đồng trong lịch sử

a. Tổ chức xã hội làng – xã truyền thống

Về lịch sử TGCD ở nước ta, GS Vũ Quốc Thúc trong cuốn “Nền kinh tế công xã Việt Nam” cho rằng, cho đến trước 1945, cấu trúc quan hệ trong các làng ở Bắc Bộ theo kiểu “công xã nguyên thủy” về mặt kinh tế, xã hội, văn hóa, thể hiện qua chế độ ruộng công, chế độ bầu cử, hương ước ở từng làng. Pierre Gourou, một học giả Pháp khẳng định: Rất khác với cách tổ chức xã hội của người Trung Hoa, làng Việt là một cộng đồng tự trị theo kiểu dân chủ đại diện. Dân làng bầu ra người đứng đầu (tộc trưởng, trưởng thôn/ bản) với bộ máy và Hương ước riêng để điều chỉnh các mối quan hệ. Kết cấu cộng đồng làng xã như thế đã tồn tại trong lịch sử bất chấp các biến cố chính trị, chiến tranh và thiên tai. Đến thời thuộc Pháp (1884-1954), mô hình tự quản làng xã vẫn được giữ nguyên. [97,88] (Hình 2.1)



Hình 2.1: Bức tranh Hà Nội thế kỷ XIX (trước khi người Pháp đến), họa sĩ Nguyễn Thế Khang cho thấy Kê Chợ còn mang nhiều hình ảnh của làng quê.[20]

Với Thăng Long – Hà Nội, đất Kinh kỳ, nơi trung tâm hội tụ của dân cư bốn phương đến làm ăn sinh sống. Môi quan hệ cộng sinh giữa các cư dân đến từ nhiều vùng nông thôn với nghề nghiệp khác nhau đã tạo nên sự đa dạng về văn hóa cư trú. Điều đó đã được mô tả trong Văn bia ở Vĩnh Ninh, Yên Ninh: “Nay thiết tưởng làng ta quân cư, vốn là người không có điền thổ căn cước bốn phương đến làm nhà cư trú tại đây, thành ra lạc giao, chọn được làng nhân đức, nguyện nhập hương âm hội lễ”. Và cũng đúng như các ngôn ngữ phổ biến như “Phép vua thua lệ làng” hay ” Bán anh em xa mua láng giềng gần” cho thấy các quy tắc ứng xử giữa trong cộng đồng đã tạo nên tính cố kết bền vững của hình thức tổ chức xã hội ở Thăng Long – Hà Nội có nguồn gốc từ nông thôn.[37]

b. Tổ chức cộng đồng mới

Cùng với sự phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa mạnh mẽ, xuất hiện nhiều tổ chức cộng đồng mới, có ảnh hưởng lớn tới các hoạt động xã hội, trong đó có công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội. Đó là các cộng đồng hàng phố, phường hội nghề nghiệp, cộng đồng trí thức, viên chức, cộng đồng tôn giáo,...[64]

Sau tiếp quản Thủ đô, chính sách quản lý nhà đất mới hình thành: Mỗi hộ gia đình được sử dụng không quá 200m². Những gia đình có nhà đất diện tích lớn hơn được vận động hiến cho nhà nước quản lý để cho thuê. KTCQ KPC Hà Nội, vì thế có nhiều biến đổi: Một số cơ sở kinh doanh, nhà ở tư nhân, cơ sở tôn giáo thành các cơ sở sản xuất hay trụ sở cơ quan, trường học,... Hoạt động cộng đồng, chủ yếu thông qua các phong trào lao động XHCN, cứu trợ,...(Bảng 2.2)

Giai đoạn 2007-2018, đánh dấu sự trở lại của cộng đồng trong quản lý, duy tu và khai thác KTCQ KPC. Những dự án thành công trong bảo tồn

đình, chùa, hội quán hay chính trang không gian đi bộ,... cho thấy sự TGCD hiệu quả đã làm nên sức sống mới cho không gian KTCQ KPC Hà Nội.

Những năm gần đây, cộng đồng dân cư KPC Hà Nội đang biến đổi mạnh với sự xuất hiện nhiều chức năng mới theo hướng dịch vụ, thương mại hướng tới du lịch. Các cộng đồng cư dân mới có tiềm lực tài chính, có mối quan hệ xã hội rộng đang trở thành những tác nhân có ảnh hưởng trực tiếp, có tính quyết định đến quy hoạch và quản lý KTCQ KPC Hà Nội.

Giai đoạn 1885-1954 (70 năm)	Giai đoạn 1954 -1994 (40 năm)	Giai đoạn 1994-2018 (24 năm)
Thị dân truyền thống 1- Doanh nhân/tư sản mại bán 2-Tiểu thương/tư sản nhỏ 3- Tiểu chủ/thợ thủ công 4- công chức/viên chức / người làm 5- Cư dân nhập cư/lưu dân	Thị dân truyền thống 1- Bị cải tạo tư sản/vô sản hóa 2-Hạ thành phần/vô sản hóa 3- Hợp tác hóa/chuyển đổi sản xuất 4- Lưu dụng/đổi thành công nhân 5- Về quê cũ/đi kinh tế mới	Thị dân truyền thống 1- Vô sản hóa hoàn toàn 2 –Thành người lao động /dịch vụ 3- Làm thuê/sản xuất nhỏ 4- Thất nghiệp/ra khỏi KPC 5- Tái nhập cư/lao động tự do
Ngoại kiều / Hoa kiều 1- Doanh nhân/tư sản mại bán 2-Tiểu thương/tư sản nhỏ 3- Tiểu chủ/thợ thủ công	Ngoại kiều / Hoa kiều 1- Xóa sổ 2 –Buôn bán nhỏ/hạn chế 3- Thợ thủ công /hạn chế	Ngoại kiều / Hoa kiều 1- Có cơ hội phục hồi 2 –Tái xuất hiện (không hoa kiều) 3- Không có
Thị dân mới (CN tiên phong) 1- Hoạt động bí mật 2-Tham gia kháng chiến 1946-1954	Thị dân mới (CN tiên phong) 1- Tiếp quản TP /Lãnh đạo xã hội 2-Tiếp quản các cơ sở sản xuất, vật chất TP	Thị dân mới (CN tiên phong) 1-Về hưu/tham gia đoàn thể cơ sở 2- Thất nghiệp/lao động tự do 3/ Ra khỏi KPC(60-70%)
Tư sản mới Chưa xuất hiện	Tư sản mới Mới hình thành. Từ năm 1975 (sau Thống Nhất//Mở cửa) 1994 (sau cấm vận) và 2008 (sau mở rộng Hà Nội	Tư sản mới Chiếm 60% dân số và 80% cơ sở KD. Thay thế thị dân truyền thống/sở hữu cơ sở vật chất TP/ có ảnh hưởng đến cộng đồng xã hội

Bảng 2.2. Biến đổi thành phần cộng đồng dân cư trong KPC Hà Nội

2.4.1.2. Hương ước – Bộ luật tục của làng- xã

Hương ước là văn bản pháp luật của làng bên cạnh các bộ luật phong kiến chính thống nhằm đáp ứng nhu cầu tự thân của các cư dân trong làng, xã. Hương ước do tầng lớp Nho sĩ, trí thức bình dân ở làng làm nên.

Hương ước điều chỉnh các mối quan hệ để tạo dựng và củng cố tính bền vững trong cơ kết cộng đồng làng xã. Hương ước cũng là văn bản thể hiện sự đồng thuận – sức mạnh chính yếu của các cộng đồng thị dân ở Thăng Long - Hà Nội.

Tùy theo từng cộng đồng, số lượng công điền nhiều ít mà Hương ước định ra cách phân chia sử dụng. Công điền có thể bớt đi khi có những khoản chi tiêu lớn: Xây dựng đình đình, chùa, chợ, cầu, bến thuyền. Công điền có thể tăng thêm bởi các cá nhân trong cộng đồng hiến tặng dưới hình thức Bàu hậu hay Lập hậu. [32] Bàu hậu là phong tục phổ biến ở Việt Nam trong lịch sử. Đó là cá nhân cung tiến gia sản cho địa phương, các cơ sở thờ tự và phường hội, cộng đồng để được báo đáp bằng một số quyền lợi nhất định. Ngoài ra, còn có tục Thầu đền – một hình thức quyên góp của cộng đồng hàng phố chủ yếu góp phần vào công việc tu sửa đền, chùa, miếu. Người đến bỏ thầu đều mong được đền mang về để nhà có phúc, cả năm buôn bán tốt lành. Tục thầu đền còn có ý nghĩa gắn kết cộng đồng cư dân về tinh thần cũng như vật chất. Tục thầu đền mai một dần từ 1873. Ngôn ngữ và phong tục thể hiện văn hóa cộng cư và cách thức TGCD trong lịch sử KPC Hà Nội, trong đó khuyến khích các cá nhân tham gia đóng góp tài chính và công sức vì lợi ích của toàn thể cộng đồng. [1,15]

2.4.2. Các dự án đã thực hiện tại Khu phố cổ Hà Nội

2.4.2.1. Giải pháp chỉnh trang không gian kiến trúc tuyến phố Tạ Hiện

Đây là giải pháp cho loại hình “Tuyến” trong quản lý KTCQ. Dự án cải tạo mặt đứng phố Tạ Hiện mang tính cộng đồng cao, là hình mẫu cho việc triển khai các dự án sau này nhằm bảo tồn và tôn tạo các dãy phố và gìn giữ, phát huy những giá trị kiến trúc trong KPC. Các dãy nhà vốn được xây dựng để cho thuê nên mặt đứng giống nhau. Người thuê, trong quá trình sử dụng đã sửa chữa tùy tiện, làm biến dạng kiến trúc. Dự án đã hợp tác với cư dân tại chỗ để chỉnh trang phục hồi nguyên trạng hình thức kiến trúc mặt phố. Sau cải tạo phố Tạ Hiện trở thành địa điểm thu hút các hoạt động thương, làm gia tăng giá trị kinh tế cũng như chất lượng không gian KTCQ. (Hình 2.2)



Hình 2.2: Phố Tạ Hiện trước và sau tôn tạo nâng cấp 2014[20].

2.4.2.2. Giải pháp chỉnh trang KTCQ tuyến phố Lãn Ông

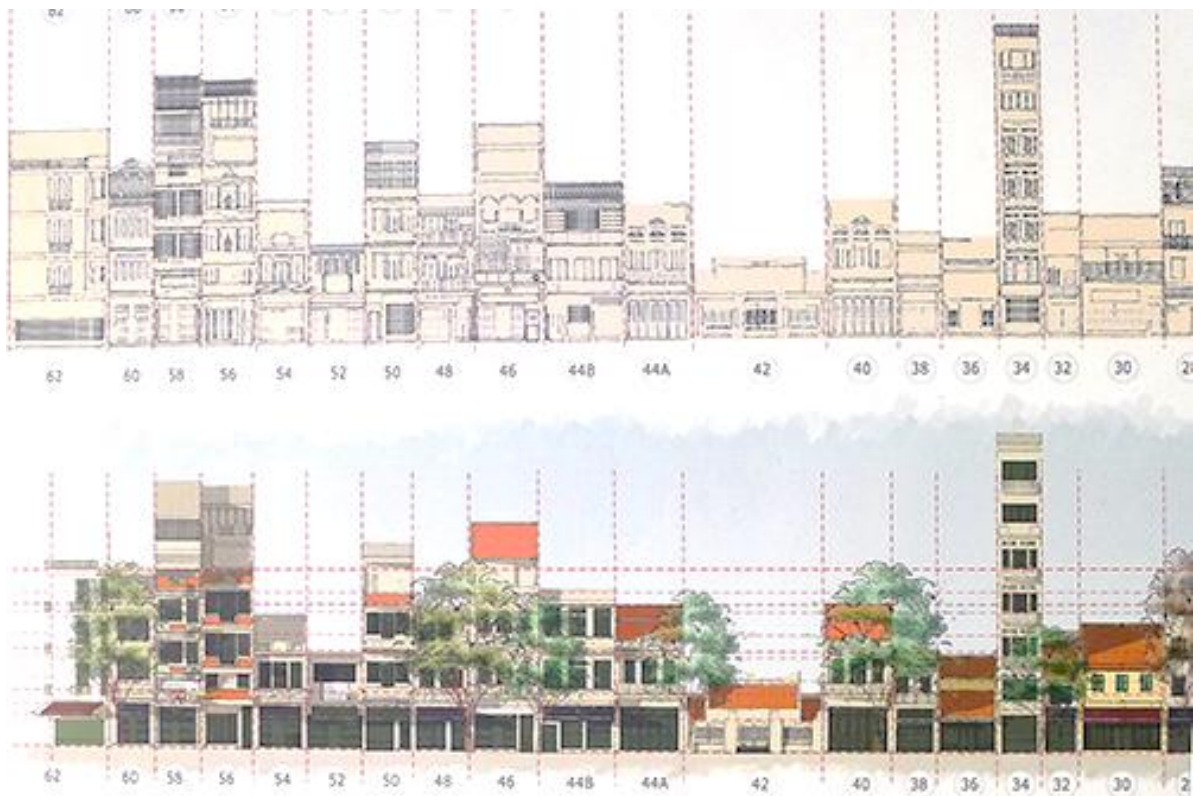
Đây là giải pháp cho loại hình “Tuyến và Diện” trong quản lý KTCQ. Tuyến phố Lãn Ông khá đặc biệt trong KPC Hà Nội. Dự án đã hoàn thành và được sự ủng hộ cao từ cộng đồng. Người dân tự nguyện hoàn trả không gian

đã lấn chiếm, tạo dựng bộ mặt tuyến phố với hiệu quả thẩm mỹ cao mà vẫn đảm bảo hoạt động buôn bán nghề truyền thống. (Hình 2.3,2.4,2.5,2.6,2.7)

Dự án là một ví dụ điển hình về sự TGCD trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội với kết quả cụ thể: 1) Đảm bảo lợi ích của người dân; 2) Tạo lập tuyến phố đi bộ, thu hút du lịch, góp phần phát triển kinh tế; 3) Xây dựng quy chế hoạt động, các kịch bản hoạt động đảm bảo sự phát triển lâu dài của tuyến phố.



Hình 2.3: Mặt bằng phố Lãn Ông và các công trình tôn tạo theo tuyến[62].



Hình 2.4: Mặt đứng(số chẵn) hiện trạng và chỉnh trang phố Lãn Ông[62].



Hình 2.5: Mặt đứng hiện trạng (số lẻ) phố Lãn Ông



Hình 2.6: Mặt đứng chính trang (số lẻ) phố Lãn Ông



Hình 2.7: Bảo tồn Đình Hàng Bạc, Đình Quan Đế (Hàng Buồm).

2.5. Yếu tố tác động đến công tác quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội

2.5.1. Nhu cầu sinh hoạt cộng đồng

Nhu cầu về không gian sinh hoạt cộng đồng luôn là thiết yếu trong đời sống của con người.

Trên thế giới, các không gian sinh hoạt cộng đồng luôn được các nhà quản lý, KTS nghiên cứu một các kỹ lưỡng để đưa ra các giải pháp hợp lý nhất nhằm tạo ra các không gian sinh động, đa dạng và hấp dẫn. Tại các thành phố ở châu Âu những không gian này thường là các không gian mở trước các

công trình lớn như: Toà thị chính, Nhà hát, trung tâm thương mại, các công trình đa chức năng. [26].

Ở Việt Nam, sinh hoạt cộng đồng vốn có nguồn gốc từ làng xã. Thời phong kiến, đó là Đình, Chùa, công làng, cây Đa bên nước, thì thời Bao cấp lại thêm sân kho hợp tác và ngày nay lại có thêm các nhà văn hoá. Các không gian này cũng được đặc biệt chú ý tại các thành phố ở Việt Nam.

Hà Nội có các công viên, vườn hoa, quảng trường trước nhà hát lớn, trước Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh,... Đặc biệt là các không gian xung quanh những hồ nước, bên cạnh khu phố cổ là Hồ Gươm và vùng phụ cận Một địa điểm lý tưởng cho các sinh hoạt cộng đồng gắn kết xã hội của người dân Thủ đô và cả nước.

Vai trò của các sinh hoạt cộng đồng rất quan trọng. Một không gian công cộng mà thiếu con người, nói cách khác là không có các hoạt động của con người thì đó là một thất bại trong việc tổ chức không gian, cũng như trong việc khai thác sử dụng các không gian đó. (Hình 2.8)



Hình 2.8: Trẻ em chơi trên hè phố 1993 và phố đêm Tạ Hiện 2016

Như vậy có thể nói, các sinh hoạt cộng đồng có một vai trò to lớn đối với các không gian công cộng, nếu thiếu vắng đi các sinh hoạt cộng đồng sẽ làm cho các không gian công cộng đó trở nên vắng lạnh, thiếu sức sống. Ngược lại, nếu các sinh hoạt cộng đồng được tổ chức bài bản, thì sẽ làm tăng giá trị của các không gian công cộng đó. Đành rằng các không gian công cộng là khu vực hiệu quả nhất trong việc tạo nên các giao tiếp xã hội – thứ không thể thiếu của cuộc sống, thúc đẩy mối quan hệ giữa con người với nhau và ảnh hưởng lên các hành vi xã hội của con người. Nhưng nếu như các không gian công cộng đó không được tổ chức các lễ hội, giao lưu, các hoạt động văn hoá, nghệ thuật với sự TGCD thì các không gian đó cũng trở nên vô nghĩa.

Việc khai thác các sinh hoạt cộng đồng tại các không gian công cộng làm tăng giá trị cuộc sống của con người và làm cho các không gian đó thêm sống động và ý nghĩa – tạo nên giá trị của nơi chốn.

Ví dụ: Các hoạt động trượt băng nghệ thuật trước Quảng trường Toà thị chính Paris, liên hoan film tại thành phố Cannes, lễ hội ánh sáng ở Lyon, lễ hội hoá trang Venice, hoa Anh Đào ở Tokyo, Chợ đêm ở Đà Lạt, ở KPC Hà Nội,... làm tăng giá trị của các không gian công cộng. (Hình 2.9,2.10)



Hình 2.9: Lễ hội ánh sáng ở Lyon Lễ hội Hanami Nhật Bản.

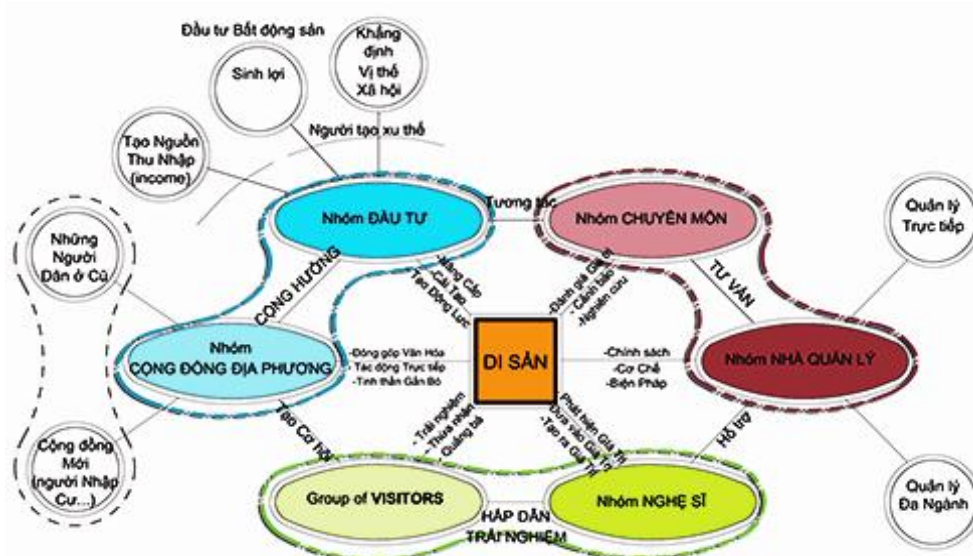


Hình 2.10: Chợ đêm phố cổ Hà Nội và chợ đêm thành phố Đà Lạt.

Tuy nhiên, cũng có thể nói, cách thức sinh hoạt cộng đồng tổ chức tại KPC Hà Nội chưa khai thác hiệu quả sự TGCD để làm bật lên giá trị đặc trưng của KPC Hà Nội.

2.5.2. Yếu tố xã hội

Tài liệu nghiên cứu “Sự tham gia của cộng đồng – nguồn lực xã hội và đầu tư bảo vệ di sản kiến trúc đô thị tại Hà Nội” đã mô hình hóa mối quan hệ giữa các bên tham gia đầu tư bảo vệ di sản kiến trúc đô thị trong đó có KTCQ KPC Hà Nội. Mối quan hệ này được thể hiện rõ trong. (Sơ đồ 2.2) [34]



Sơ đồ 2.2: Vai trò của các nhóm cộng đồng đối với di sản. [34]

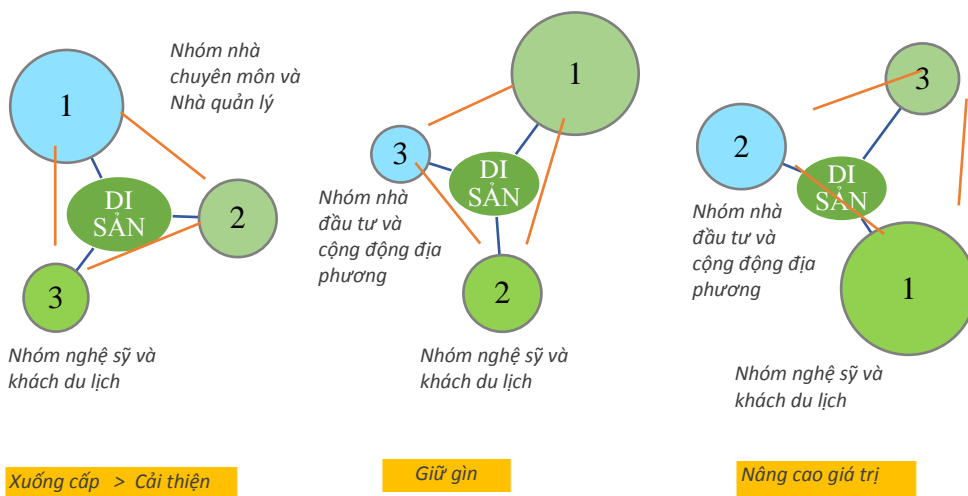
Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các cộng đồng có cùng lợi ích. Điều đáng chú ý là các cộng đồng mới (chiếm 60% cộng đồng dân cư) đang là chủ nhân đích thực, có vai trò quyết định trong việc duy trì, phát triển KTCQ KPC và là động lực chủ yếu để quyết định tiến trình thực hiện dự án. [92]

Mối quan hệ, các hình thức và mức độ khác nhau giữa các nhóm cộng đồng: Nhà đầu tư, khách du lịch, người sử dụng và sở hữu, nhà quản lý, nhà chuyên môn, các nghệ sĩ và nghệ nhân đã được mô tả trong sơ đồ. Các cộng đồng này có thể phân làm 3 nhóm chính với các vai trò khác nhau trong các hoạt động bảo vệ di sản kiến trúc đô thị. Trong đó, nhóm cộng đồng các nhà đầu tư, người dân địa phương có vai trò quyết định trong việc bảo vệ và ngăn không cho di sản xuống cấp thêm nữa. Trong khi chính những nhóm cộng đồng nghệ sĩ có thể làm cho di sản tăng thêm giá trị bằng cách phát hiện, phát huy giá trị và sử dụng sáng tạo di sản theo một cách nghệ thuật. Nhóm cộng đồng quản lý và nhà chuyên môn có vai trò chủ đạo trong việc sử dụng các công cụ chính sách cơ chế để giữ, kiểm soát và ổn định các tình trạng của di sản sau khi được cải tạo, nâng cấp bởi các nhóm khác. (Sơ đồ 2.3)

Nhóm nhà đầu tư và cộng đồng địa phương

Nhóm nhà chuyên môn và Nhà quản lý

Nhóm nhà chuyên môn và Nhà quản lý



Sơ đồ 2.3: Vai trò các nhóm cộng đồng đối với nhiệm vụ bảo tồn di sản

2.5.3. *Yếu tố kinh tế*

Để thực hiện tốt công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự YGCD cần thiết huy động nhiều nguồn lực. Trong đó, có nguồn lực được gọi tên là vốn xã hội do chính cộng đồng tạo ra.

Vốn xã hội là thuật ngữ mới xuất hiện vào cuối 1980 đầu 1990, được đề cập trong các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học Pierre Bourdieu (Pháp), James Coleman (Mỹ) và Robert Putnam (Mỹ). Pierre Bourdieu quan niệm vốn xã hội là “lâu bền, do được hình thành trên mối liên hệ quen biết nhau được định chế hóa”. Tương tự, hiện nay, Ngân hàng Thế giới cũng xác định vốn xã hội là “thể chế hóa các mối quan hệ, cũng như sự tin tưởng, các chuẩn mực và giá trị, điều khiển sự tương tác giữa người với người và góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội”. Tóm lại, bản chất của vốn xã hội tập trung vào ba yếu tố có liên hệ mật thiết với nhau: 1) Khả năng làm việc chung với nhau, 2) Sự tin cậy giữa con người với nhau, và 3) Các mạng lưới xã hội.

Vốn xã hội có vai trò quan trọng trong việc huy động các nguồn lực nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đi kèm với vốn xã hội một số khái niệm thường được nhắc đến như: Mạng lưới xã hội, Xã hội dân sự. Như vậy có thể thấy, vốn xã hội chính là nguồn lực của cộng đồng.

Ở Việt Nam, vốn xã hội bắt đầu được đề cập đến 3 chỉ báo: 1) Khả năng thu hút, kết nối các cá nhân, nhóm cộng đồng; 2) Quy mô và nguồn lực của mạng lưới liên kết; 3) Những lợi ích cụ thể và tiềm năng do mạng lưới liên kết đó tạo ra.

Vốn xã hội cũng có những đặc trưng của vốn như: tích lũy, đầu tư, sinh lợi. Nghĩa là để vốn xã hội phát triển thì cần phải có những chi phí nuôi dưỡng và duy trì. Và để đo lường hay định lượng vốn xã hội cần có tiêu chí đánh giá. Các tổ chức quốc tế như Tổ chức phát triển châu Âu (OECD) và

Ngân hàng thế giới đã công bố bộ tiêu chí đánh giá vốn xã hội từ tổng hợp đến chi tiết. (Sơ đồ 2.4,2.5)

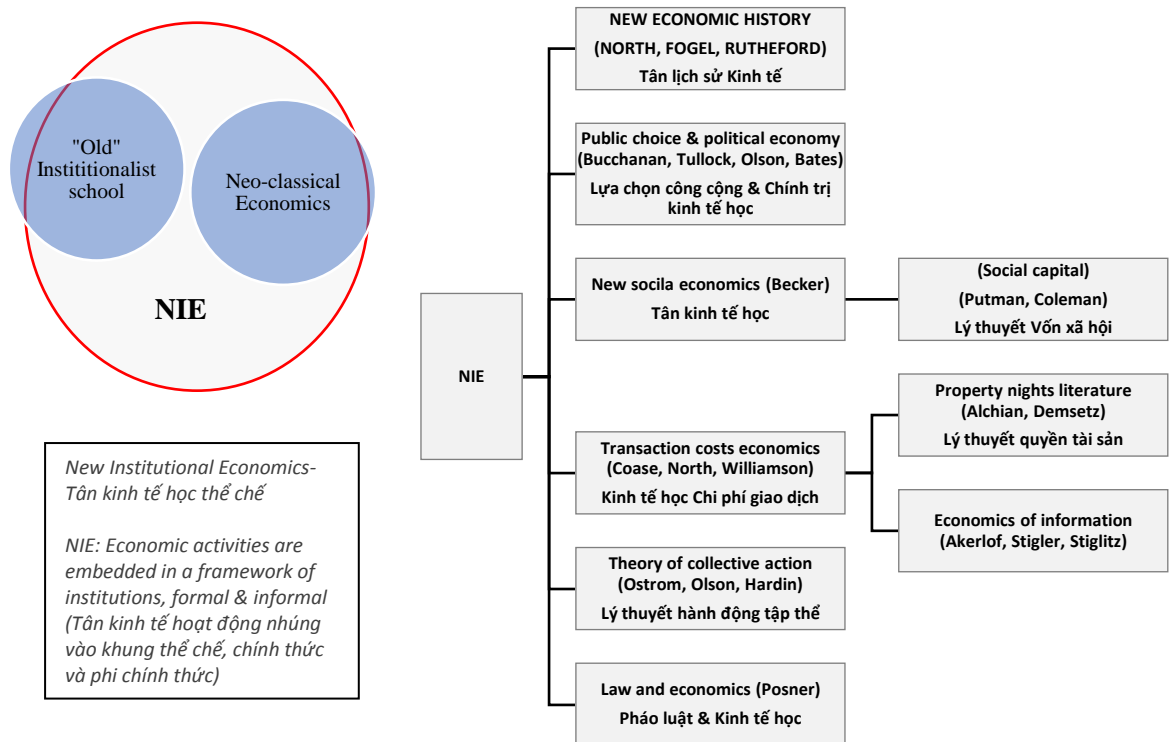


VỐN XÃ HỘI

Các yếu tố của vốn xã hội	Các hình thức thể hiện	Chức năng
Sự tín nhiệm	- Sự tin tưởng vào khu vực công - Sự tin tưởng vào khu vực tư nhân	Xây dựng sự đồng thuận
Sự tham gia	- Tham gia vào khu vực công Tham gia vào khu vực tư nhân	Thiết lập các mục tiêu chung
Mạng lưới	- Mạng lưới trong khu vực công - Mạng lưới trong khu vực tư nhân	Duy trì cộng đồng khu dân cư
Năng lực thể chế	- Tỷ lệ tội phạm - Giữ gìn trật tự chung	Thiết lập mạng lưới an toàn
Tính cộng đồng	- Tình nguyện - Đóng góp vào các dự án của địa phương	Tạo ra các mối quan tâm chung

Sơ đồ 2.4: Cộng đồng và Vốn xã hội

Trong những năm gần đây, các nhà kinh tế đoạt giải Nobel với học thuyết Tân kinh tế học thể chế, như: Ronald Coase (1991), Douglass North (1993), Elinor Ostrom và Oliver Williamson (2009) đã làm rõ các tác động của kinh tế đối với sự TGCD, trong đó có quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di sản KTCQ đô thị, như: Quyền tài sản, quyền sở hữu, quyền chuyển nhượng về phát triển không gian,... [90,72,85]



Sơ đồ 2.5: Sự tham gia cộng đồng trong Tân kinh tế học thể chế [30]

Đối với trường hợp KPC Hà Nội, thực tế triển khai công tác quản lý KTCQ trong những năm qua cho thấy:

Trước đây, trong gần 30 năm (1986 -2016) dựa trên nền tảng kinh tế học cổ điển, công tác quản lý các dự án bảo tồn phát triển KTCQ KPC có sự TGCD hầu như không đạt kết quả như mong đợi do tư duy kinh tế tập trung bao cấp, duy ý chí từ trên xuống, trong khi yếu tố kinh tế thị trường không được đề cập đúng mức.

Gần đây, một số thành công bước đầu trong công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội dựa trên nền tảng của các quy luật kinh tế mới đã chỉ ra: Việc điều chỉnh các mối qua hệ, các hoạt động có sự TGCD trong quản lý KTCQ KPC không thể thiếu các công cụ tài chính, nhất là khi KTCQ đang biến đổi mạnh mẽ với sự hình thành tầng lớp cộng đồng doanh nghiệp tư nhân mới. Kết quả nghiên cứu hợp tác giữa Ban quản lý phố cổ và các trường Đại học Xây Dựng, Nhật Bản, trong 5 năm (2005- 2017) tại KPC cho thấy: hiện chỉ còn 6-8% cư dân cư trú tại đây (trước 1954), còn lại là từ bên ngoài, đặc biệt có làn sóng cư dân mới khu phố cổ nhập cư sau 1996 và 2008, cộng đồng này đang có ảnh hưởng lớn, có thể mang tính quyết định đến sự biến đổi KTCQ KPC [92]. Trong phạm vi gần 100 ha của 8 phường trong KPC hiện có gần 400 khách sạn với quy mô từ 20-100 phòng mới được xây dựng hoặc cải tạo mở rộng. Hoạt động thương mại dịch vụ du lịch đóng góp 80% ngân sách. Rõ ràng hoạt động kinh tế mới tác động đến KTCQ KPC và ngược lại. Nghĩa là các cơ sở kinh doanh cũng hưởng lợi từ tài nguyên KTCQ của KPC. Nhưng đến nay chưa có công cụ tài chính phù hợp để các cộng đồng, nhất là cộng đồng doanh nhân tham gia hiệu quả hơn trong quản lý, phát triển KTCQ KPC Hà Nội.

Bên cạnh đó, ngoài công cụ tài chính, thì các yếu tố chính trị, văn hóa, xã hội góp phần tích cực tạo nên môi trường thuận lợi cho sự TGCD trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội. Đồng thời chú trọng học tập kinh nghiệm thành công của các nước cùng với việc tăng cường thảo luận dân chủ, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các bên liên quan để sự TGCD hiệu quả nhất.

2.6. Kinh nghiệm quản lý kiến trúc cảnh quan khu trung tâm lịch sử với sự tham gia cộng đồng

2.6.1. Kinh nghiệm thực tiễn trong nước:

Hà Nội

Trên cơ sở các dự án nghiên cứu và thí điểm về bảo tồn KTCQ KPC Hà Nội, được một số tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện, các cơ quan quản lý nhà nước và Hà Nội đã thành lập tổ chức chuyên môn và ban hành các văn bản quản lý. Cụ thể:

Năm 1993, Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn, Bộ Xây dựng triển khai nghiên cứu “Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát triển”. Dự án đã đưa ra những định hướng cơ bản về các mức độ bảo tồn, quan điểm bảo tồn và cải tạo Phố cổ Hà Nội. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, UBND thành phố Hà Nội có Quyết định số 3234/QĐ-UB ngày 30/8/1993 về Quy định quản lý xây dựng và bảo tồn khu Phố cổ Hà Nội. Do tầm quan trọng của dự án, Bộ Chính trị đã có Thông báo số 72-TB/TW ngày 26/5/1994 về Một số vấn đề quy hoạch, xây dựng Thủ đô Hà Nội, trong đó nêu rõ “Việc bảo tồn Phố cổ là cần thiết, nhưng phải xem xét xác định phạm vi bảo tồn hợp lý. Giữ mặt ngoài các khu phố, những cảnh quan, dáng vẻ kiến trúc đặc trưng của khu Phố cổ. Mặt khác phải cải tạo, nâng cao điều kiện sống và làm việc bên trong các khu phố để theo kịp mức sống văn minh, hiện đại”. Để có cơ sở triển khai các dự án cụ thể, Bộ Xây dựng có Quyết định số 70/BXD/KT-QH phê duyệt Quy hoạch bảo vệ, tôn tạo và phát triển khu Phố cổ Hà Nội. (Ngày 30/3/1995). UBND Thành phố Hà Nội có Quyết định số 857/QĐ-UB ngày 15/4/1995 về việc thành lập Ban quản lý dự án cải tạo thí điểm khu Phố cổ - khu Phố cũ Hà Nội.

Năm 1998, hợp tác với Viện nghiên cứu kiến trúc - Bộ Xây dựng lập Kế hoạch thực hiện Quyết định 70 BXD/KT-QH về quy hoạch bảo vệ, tôn tạo và

phát triển khu Phố cổ Hà Nội là cơ sở để triển khai các kế hoạch bảo tồn, các giải pháp, nguồn lực và ngân sách.

Năm 1999, phối hợp với Văn phòng Kiến trúc sư trưởng Thành phố xây dựng Điều lệ tạm thời về quản lý xây dựng, bảo tồn, tôn tạo Phố cổ Hà Nội. UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 45/1999/QĐ-UB kèm theo Điều lệ tạm thời về quản lý xây dựng, bảo tồn và tôn tạo khu Phố cổ Hà Nội. Đây là văn bản pháp lý quan trọng, phục vụ công tác kiến trúc trong khu phố cổ. Kể từ khi có Quyết định số 45/QĐ-UB: xác định công trình có giá trị, bước đầu gắn công tác quản lý kiến trúc khu Phố cổ Hà Nội với quản lý trật tự xây dựng. Khắc phục những hạn chế trong quá trình quản lý, năm 2013 UBND Thành phố Hà Nội ban hành “Quy chế quản lý Quy hoạch kiến trúc khu phố cổ” số 6398/QĐ-UBND. [55]

Năm 2000, thành phố Toulouse (Cộng hòa Pháp) hỗ trợ kinh phí trùng tu đình Đồng Lạc số 38 phố Hàng Đào. Cùng thời gian, Thành phố Hà Nội đầu tư ngân sách, giao UBND quận Hoàn Kiếm tiến hành dự án “dân và nhà nước cùng làm” để chuyển đổi toàn bộ nhà vệ sinh thô sơ thành nhà vệ sinh bán tự hoại. Thành phố Hà Nội đầu tư nâng cấp cải tạo hệ thống điện, viễn thông, triển khai dự án cấp nước sạch Phần Lan.

Từ năm 2000 đến 2002, thành phố Toulouse, vùng Thủ đô Bruxelles (Vương quốc Bỉ) thực hiện dự án Asia Rehab “Nâng cao điều kiện sống cho người dân Phố cổ Hà Nội thông qua việc bảo tồn, tôn tạo Phố cổ Hà Nội “do Liên minh châu Âu hỗ trợ tài chính. Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp kỹ thuật cho bảo tồn và cải thiện điều kiện sống của người dân trong Phố cổ Hà Nội.

Năm 2010, thành phố Toulouse hỗ trợ kỹ thuật cho cải tạo, khôi phục đền Quan Đế - xây dựng Trung tâm Thông tin Phố cổ tại 28 Hàng Buồm, hỗ

trợ kinh phí trang thiết bị của Trung tâm Thông tin. Năm 2010-2011: hợp tác triển khai dự án cải tạo thí điểm một đoạn phố Tạ Hiện. Năm 2011: hỗ trợ kỹ thuật cải tạo, khôi phục đình Kim Ngân 42-44 Hàng Bạc.

Giai đoạn 2010-2014, phối hợp với Toulouse thiết kế xây dựng Trung tâm Giao lưu Văn hoá Phố cổ tại 50 phố Đào Duy Từ. Thành phố Hà Nội đầu tư kinh phí giải phóng mặt bằng 33 hộ dân và kinh phí xây lắp, trang thiết bị công trình. Thành phố Toulouse tham gia thiết kế, giám sát và chi phí thực hiện Triển lãm “Kẻ chợ- Phố cổ: Trường tồn và Phát triển”. Tổ chức Tuần lễ Toulouse tại Hà Nội năm 2010, 2013 và Tuần lễ Văn hoá Toulouse tại Hà Nội năm 2014 tại Toulouse. [5].

Hội An

Quản lý KTCQ đô thị tại Hội An với sự TGCD được biết đến nhiều trong bảo tồn và phát huy giá trị khu phố cổ với sự tự giác tham gia của các chủ sở hữu di sản trong khu phố. Quản lý KTCQ với sự TGCD ở Hội An thành công là gắn liền với cơ hội sinh kế trong dịch vụ du lịch nên được cộng đồng ủng hộ. Đây là kinh nghiệm quý báu.

Huế

Sau 1975, công tác quản lý bảo tồn và phát huy giá trị các di sản KTCQ ở Huế được chuyển giao cho Ban quản lý di tích cố đô Huế, hiện nay là Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế. Mặc dù du lịch di sản đã và đang là nguồn thu chính của Thành phố, nhưng công tác quản lý bảo tồn gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn lực, khi nguồn Ngân sách trung ương và viện trợ là không đủ để thực hiện. Hiện tại Huế đang phải đối mặt với thách thức của việc di dời 1.500 người dân cùng các trụ sở cơ quan trong khu vực thành nội bảo. Bài học từ trường hợp Hội An có giá trị tham khảo tốt cho Huế.

Thành phố Hồ Chí Minh

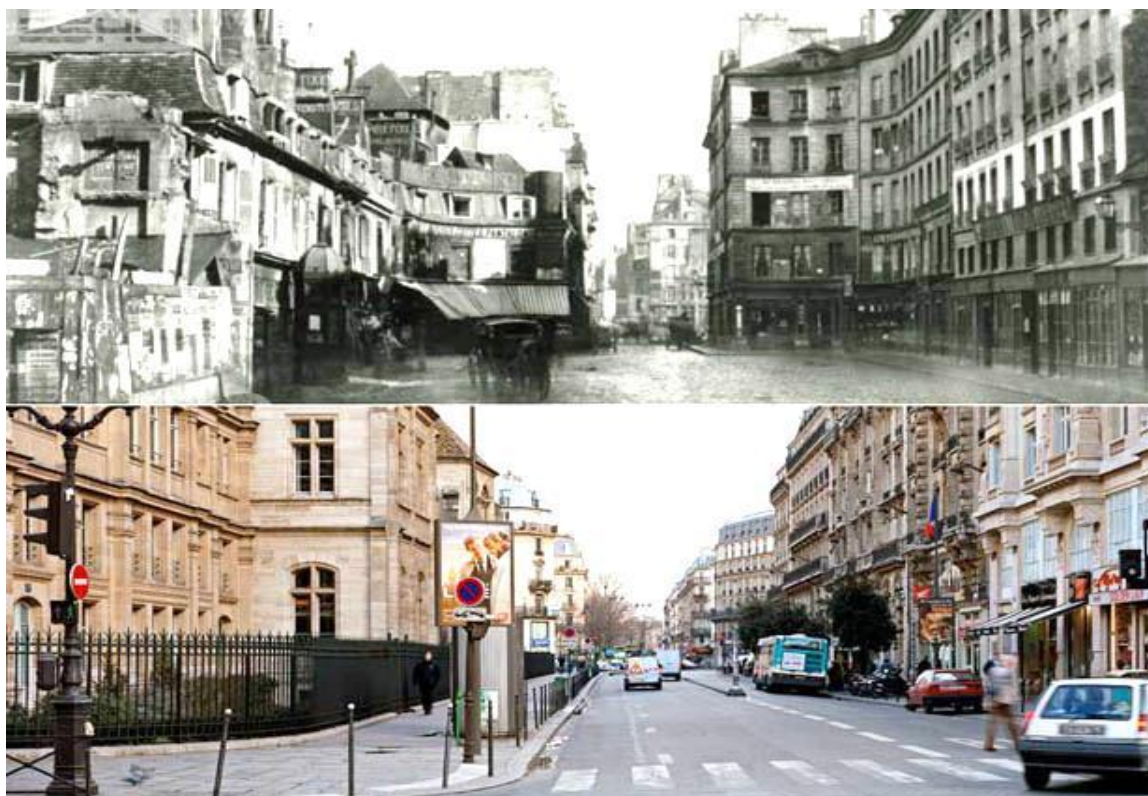
Thành phố Hồ Chí Minh đang đối diện với nhiều thách thức trong quản lý KTCQ đô thị. Nhiều di sản KTCQ đứng trước nguy cơ bị dỡ bỏ để phát triển các dự án bất động sản. Thực tế là các khu đất vàng với các di sản kiến trúc được thay bằng các công trình xây dựng mới, như: trường hợp xưởng Bason, Thương xá TAX, Khu Eden, Café Givral, hiệu sách Xuân Thu và rất nhiều cảnh quan cây xanh đường phố khác. Sự TGCD còn hạn chế, bởi cho đến nay chưa có cơ sở pháp lý đầy đủ để có thể huy động một cách hiệu quả sự tham gia trực tiếp của các cộng đồng trong công tác quy hoạch và quản lý KTCQ, nhất là khu trung tâm lịch sử của thành phố Hồ Chí Minh.

2.6.2. Kinh nghiệm thực tiễn nước ngoài

Trên thế giới, sự tham gia cộng đồng trong xây dựng và quản lý đô thị đã diễn ra mạnh mẽ từ khá lâu. Ví dụ trong ngành quy hoạch, ở châu Âu sự tham gia của cộng đồng đã xuất hiện trong từng giai đoạn lập quy hoạch cho đến quản lý đô thị. Điển hình phương pháp quy hoạch này do chính phủ đảng Bảo Thủ của Anh bắt đầu từ 1980 nhằm đổi mới hệ thống qui hoạch đô thị và thành phố, ở Pháp năm 1980 cho quy hoạch từng khu vực, quy hoạch vùng và sau đó là Thụy Điển vào năm 1987 cho quy hoạch sử dụng đất. Kết quả cho thấy, hầu hết các thành phố mới xây dựng theo quy hoạch có sự tham gia cộng đồng đều trở thành những thành phố kiểu mẫu của châu Âu và thế giới. Tại Pháp, trong giai đoạn từ năm 1970 đến 1980, cơ chế tham gia cộng đồng đã được đưa vào hệ thống luật quốc gia, trong đó quy định việc điều tra ý kiến cộng đồng và sự tham gia cộng đồng trong một số điều luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường và phát triển đô thị.

2.5.2.1. Paris , Cộng hòa Pháp:

Sau gần 20 năm thực hiện cuộc canh tân vĩ đại do Haussmann khởi xướng (1852-1872), từ một thành phố trung cổ tối, Paris trở thành thành phố di sản đặc sắc và là hình mẫu tái thiết của nhiều thành phố khác trên thế giới, những năm sau đó. Tuy vậy, kinh phí đầu tư phục hồi di sản ở quy mô tổng thể đô thị là vấn đề cần quan tâm. Bài học này giúp Hà Nội hôm nay cần có chiến lược phát triển lâu dài, bền vững. Nâng cấp KPC cùng với việc nâng cao chất lượng môi trường sống của người dân, đồng thời đảm bảo sự công bằng và hỗ trợ nhóm yếu thế thay vì chỉ là cơ hội dành một nhóm nhỏ dân cư. (Hình 2.11)



Hình 2.11: Paris, phố Réaumur trước và sau cải tạo thời Haussmann.

2.6.2.2. Đài Loan

Bài học về TGCD một cách tích cực khi được đền bù thỏa đáng về vật chất và tinh thần đã diễn ra tại Đài Loan. Dadaocheng là khu phố cảng tại Đài Loan, có lịch sử hình thành và phát triển hơn 150 năm.

Bài học quan trọng là “Nhượng quyền phát triển” (TDR-Transfer of Development Right) quen thuộc trong lĩnh vực tái thiết đô thị. Nhượng quyền phát triển là một công cụ điều tiết phát triển thông qua quy hoạch, cho phép hạn chế chỉ tiêu sử dụng đất tại một lô đất cụ thể (vì mục tiêu nào đó) bằng cách chuyển giao một phần hoặc toàn phần quyền phát triển trên lô đất đó sang lô đất khác có khả năng phát triển. (Hình 2.12)



Hình 2.12: Kế hoạch mở rộng phố cổ DiHua thuộc Dadaocheng từ 7,8m lên 20m. Ngôi nhà cổ ở số 84 phố Bau-An, trước và sau tôn tạo.

2.6.2.3. Nhật Bản

Sự TGCD trong các dự án tái thiết đô thị, thông qua công cụ điều chỉnh đất. Điều chỉnh đất là hiệu chỉnh hiện trạng các khu đất về hình dáng, vị trí,

kích thước và một số điều kiện khác cùng với việc phân bổ lại đất tại chỗ và cải thiện hạ tầng đô thị. [84] (Hình 2.13)

• Cảnh quan tuyến phố là giá trị bản địa kết hợp giữa kiến trúc, các yếu tố của tuyến phố và các hoạt động thương mại, sinh hoạt của người dân trên tuyến phố. Cảnh quan truyền thống của tuyến phố giúp thu hút thêm khách du lịch, tạo thu nhập từ phát triển du lịch.

• Cần phân tích và cải tạo cảnh quan tuyến phố như là giá trị đặc trưng thống nhất với các yếu tố văn hóa, kinh tế và cơ sở vật chất kỹ thuật của tuyến phố.

• Bảo tồn cảnh quan tuyến phố là một trong những hoạt động chính đòi hỏi nỗ lực chung của chính quyền và người dân địa phương. Người dân cần nỗ lực bảo tồn và cải tạo cảnh quan tuyến phố trong khi chính quyền đưa ra các định hướng và hỗ trợ, hướng dẫn cần thiết cho công tác bảo tồn.

Cảnh quan tuyến phố cổ ở Nhật Bản
Cảnh quan tuyến phố cổ với các hoạt động thương mại truyền thống (bán các loại bánh kẹo truyền thống của địa phương ở thành phố Kawagoe, Nhật Bản)



Tuyến phố thương mại trong khu dân cư đã thực đầy trao đổi hàng hóa hàng ngày ở Sugamo, Tokyo, Nhật Bản



Nghiên cứu tình huống tuyến phố Hàng Buồm





Phân tích hiện trạng cảnh quan tuyến phố (kiến trúc riêng lẻ, các hoạt động thương mại, điều kiện giao thông, v.v.)

Xác định các yếu tố tích cực và tiêu cực

Xây dựng hình ảnh tương lai của tuyến phố

Xác định các giải pháp và đạt được sự đồng thuận trong cộng đồng

Chính quyền cung cấp hướng dẫn thiết kế đô thị và hỗ trợ cần thiết

"Hàng Buồm là một trong những tuyến phố buôn bán sầm uất nhất của Hà Nội"



Khung thể chế của hệ thống quy hoạch đô thị

Bộ luật quy hoạch thành phố đầu tiên được ban hành năm 1988 trong bối cảnh các vấn đề đô thị trở nên bức xúc hơn bao giờ hết dưới áp lực của tăng trưởng kinh tế và phát triển đô thị. Bộ luật này có 5 điểm chính sau:

- Chính quyền địa phương hành động thống nhất
- Có sự tham gia của khu vực công cộng
- Áp dụng ranh giới tăng trưởng đô thị
- Xây dựng hệ thống phân vùng chi tiết
- Kiểm soát phát triển được quy định rõ ràng

Bài học kinh nghiệm của Nhật Bản

- Nhà nước luôn theo sát tiến trình và có sự chỉ đạo kịp thời trong giai đoạn đô thị hóa nhanh
- Áp dụng linh hoạt hệ thống quy hoạch đô thị
- Sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân và các chương trình hợp tác nhà nước và tư nhân trong phát triển đô thị

Vai trò của các cấp chính quyền trong các bước lập quy hoạch đô thị

Chính quyền trung ương	Luật	Lập tiêu chuẩn kỹ thuật
	Hướng dẫn quy định	Hỗ trợ
Chính quyền quận	Đánh giá các quy hoạch của địa phương	
	Phối hợp giữa các cơ quan liên tỉnh/thành phố	
Chính quyền thành phố	Chuẩn bị quy hoạch thành phố	
	Thực hiện các dự án	



Dự án đổi mới đô thị của Công ty Đường sắt tư nhân



Phát triển thành phố Tama mới

- Nhằm cung cấp nhà ở và các lô đất cho dân số tăng thêm – những người muốn có điều kiện sống tốt hơn ở khu vực bên ngoài.
- Phát triển thống nhất với đường sắt giữa các thành phố mới và trung tâm Tokyo

Hình 2.13: Cảnh quan KPC Hà Nội có nhiều tương đồng với các tuyến phố truyền thống tại Tokyo và Kawago[21].

2.6.2.4. *Malaysia*

Bài học có giá trị là thành phố Penang (Malaysia) - thành phố di sản thế giới tiêu biểu. Vai trò quan trọng của Hội đồng Thành phố đạt được tầm nhìn về một “nơi sạch hơn, xanh hơn, an toàn hơn và lành mạnh hơn để làm việc, sống, đầu tư và vui chơi” đã dẫn dắt sự TGCD thực hiện các hành động cụ thể, như: huy động nguồn lực xã hội tham gia bảo tồn và phát huy những giá trị di sản đô thị, bảo vệ những giá trị cốt lõi về xã hội, văn hóa, lịch sử trước những thách thức của quá trình toàn cầu hóa và thương mại hóa. Kinh nghiệm của Penang đã tạo tiền đề xây dựng Bộ tài liệu hướng dẫn phát triển đô thị Kuala Lumpur, được biên soạn năm 2000 và để khởi động cho cuộc hiện đại hóa Kuala Lumpur [70].

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN KHU PHỐ CỔ HÀ NỘI VỚI SỰ THAM GIA CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ BÀN LUẬN

3.1. Quan điểm quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng

Nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong công tác bảo tồn và quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD, luận án xác định 5 quan điểm nghiên cứu chính như sau:

3.1.1 Phù hợp với các chính sách pháp luật của Nhà nước, và sự chỉ đạo của Chính phủ và Thành phố

Quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tất yếu dẫn đến những thay đổi các chính sách pháp luật của nhà nước và của thành phố về phát triển kinh tế xã hội, trong đó có lĩnh vực cải tạo, chỉnh trang KTCQ khu phố cổ Hà Nội. Các chính sách pháp luật, cùng với thời gian dần hoàn thiện và phát huy giá trị trong thực tế triển khai các công tác quy hoạch, thiết kế và quản lý KTCQ khu phố cổ Hà Nội. Đặc biệt trong lĩnh vực quản lý, đó là sự chuyển đổi từ mô hình quản lý mang tính chất hành chính sang mô hình quản lý dựa trên đối thoại, hợp tác giữa các bên liên quan, trong đó nhấn mạnh vai trò tham gia trực tiếp của cộng đồng.

3.1.2 Thích ứng với bối cảnh phát triển kinh tế mạnh mẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa lần thứ hai

Thích ứng với bối cảnh phát triển kinh tế mạnh mẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa lần thứ hai, đồng thời phù hợp với những cam kết của Việt Nam với cộng đồng quốc tế về bảo tồn di sản, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, công bằng, minh bạch, KPC Hà Nội có những thay đổi căn bản về mô hình kinh tế từ thương mại kết hợp sản xuất nội địa sang phát triển thương mại.

dịch vụ và du lịch mang tính quốc tế, theo đó là những biến đổi về thành phần cộng đồng cư dân.

Thật vậy, toàn cầu hóa lần thứ hai với nền kinh tế số, thương mại điện tử,... đang tác động ngày càng mạnh vào các hoạt động kinh tế truyền thống của khu phố cổ Hà Nội. Theo TS Sari Kishihara (ĐH Tokyo1) và GS Ola Soderstrom (Thụy Sĩ), đó là sự chuyển hóa tất yếu theo hướng đa địa phương và quốc tế hóa của dòng tiền, dòng nhân lực, dòng tư tưởng – văn hóa và cả dòng dịch chuyển thông tin, ý tưởng và sáng tạo dựa trên nền tảng của trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn. Tất cả được phản ánh trong KTCQ KPC Hà Nội.

Toàn cầu hóa ở giai đoạn trước chủ yếu được thực hiện bởi các công ty và các tổ chức tài chính lớn, thì ngày nay, thời đại số, các công ty khởi nghiệp vừa và nhỏ có thể tham gia vào thị trường toàn cầu. Những mô hình kinh tế mới này đang hình thành và phát triển mạnh mẽ trong các hoạt động thương mại dịch vụ tại KPC, và KTCQ đang từng bước chuyển hóa để thích ứng.

Kinh tế số - Thương mại điện tử- Kinh tế sáng tạo sẽ có mô hình quan hệ mới vượt qua không gian và thời gian, tác động tới không gian thương mại – dịch vụ truyền thống: khung cảnh KTCQ phố hàng – Kẻ Chợ trong KPC đang dần thay đổi để thích ứng với bối cảnh mới.

3.1.3 Thích ứng với sự đa dạng về thành phần cộng đồng dân cư khu phố cổ Hà Nội

Các cộng đồng dân cư mới với tiềm lực tài chính và chiến lược kinh doanh mới hình thành, đang dần làm thay đổi kết cấu cộng đồng dân cư cũ cũng như những đặc trưng KTCQ KPC Hà Nội. Trên thực tế, cộng đồng dân cư truyền thống vẫn tồn tại. Và để hòa hợp và tiếp tục phát huy bản sắc của cộng đồng dân cư khu phố cổ Hà Nội thời hiện đại, cần thiết khai thác những giá trị tích cực của sự tham gia cộng đồng truyền thống trong quá trình hình

thành các cộng đồng dân cư mới. Đây là một trong những vấn đề quan trọng, bởi chính các cộng đồng dân cư vừa là chủ nhân, vừa là người góp phần tạo nên giá trị KPC Hà Nội.

Quá trình biến đổi thành phần cộng đồng dân cư trong KPC Hà Nội cho thấy: Mở cửa (1986) làm xuất hiện cộng đồng doanh nhân mới. Đây là cộng đồng có vai trò quyết định tới sự biến đổi KTCQ của KPC Hà Nội, từ khu “phố nghề” thành “phố Du lịch – Thương mại – Dịch vụ”.

3.1.4 Đảm bảo sự phát triển của kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội theo hướng bền vững và có bản sắc.

Do bản chất là khu phố thị dân gian, nên KTCQ của khu phố cổ Hà Nội, trong lịch sử không ngừng biến đổi để thích nghi với những đòi hỏi mới của thời đại mà không mất đi vẻ sống động và đặc trưng riêng, ngay từ khi là “phường nghề” khép kín đến “phố nghề” mở rộng. Đó chính là sự phát triển tiếp nối, phù hợp với khả năng dung nạp chức năng mới mà không làm mất đi tỷ lệ không gian của cấu trúc KPC Hà Nội.

Hiện nay, trước nhu cầu phát triển nhanh, KPC Hà Nội đối mặt với nhiều thách thức chưa từng có trong lịch sử. Vì vậy, chiến lược phát triển KTCQ KPC Hà Nội phải đảm bảo được sự cân bằng mới của cấu trúc không gian vừa đáp ứng nhu cầu của cuộc sống hiện đại, vừa giữ được bản sắc.

3.1.5 Thích ứng với chiến lược, tầm nhìn phát triển đô thị Hà Nội

KPC Hà Nội là một thành phần không tách rời của cấu trúc đô thị Hà Nội và đương nhiên chịu sự chi phối của chiến lược phát triển đô thị Hà Nội và Vùng thủ đô. Những thay đổi lớn về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và phương tiện giao thông hiện đại góp phần định hình văn hóa đô thị mới và làm thay đổi cách thức quản lý đô thị, trong đó có quản lý KTCQ KPC Hà Nội có sự TGCD.

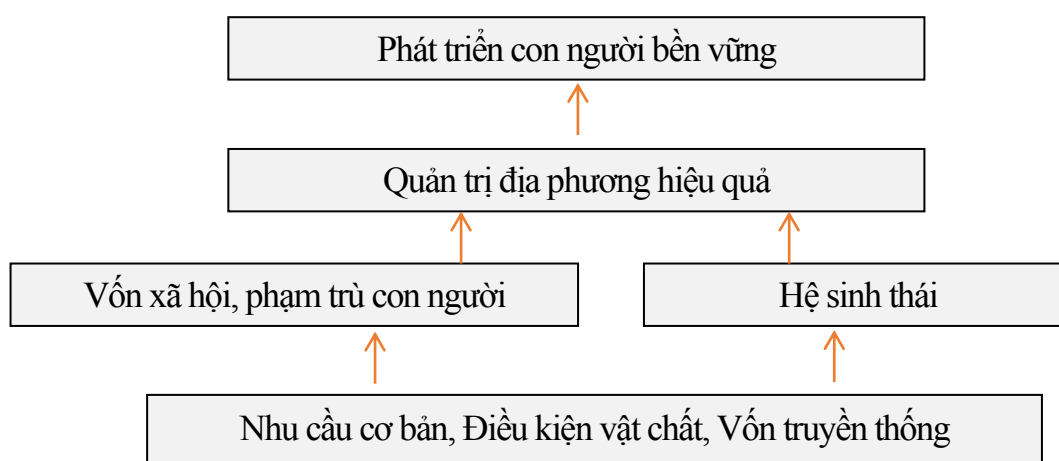
3.2. Nguyên tắc quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.

Nguyên tắc đổi mới công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD là dựa trên việc ứng dụng các mức độ TGCD phù hợp với đặc điểm của KPC Hà Nội. Đó là các nguyên tắc cơ bản sau đây:

3.2.1. Nguyên tắc 1: Lấy phát triển con người là trọng tâm

Trong mỗi giai đoạn phát triển, có các mục tiêu phù hợp khác nhau vì sự phát triển của con người. Đối với KPC Hà Nội, hiện tại, mục tiêu lấy con người làm trọng tâm trong các dự án thể hiện trước hết là cung cấp đầy đủ thông tin đến người dân. Đây là mức độ đầu tiên trong 5 mức độ TGCD phù hợp với KPC Hà Nội.

Tiếp theo, trong triển khai thực hiện dự án, cần có sự kết hợp hài hòa lợi ích của cộng đồng dân cư và của xã hội với sự hỗ trợ của doanh nghiệp, sự cam kết chính trị và sự chỉ đạo sát sao của chính quyền địa phương. (Sơ đồ 3.1)

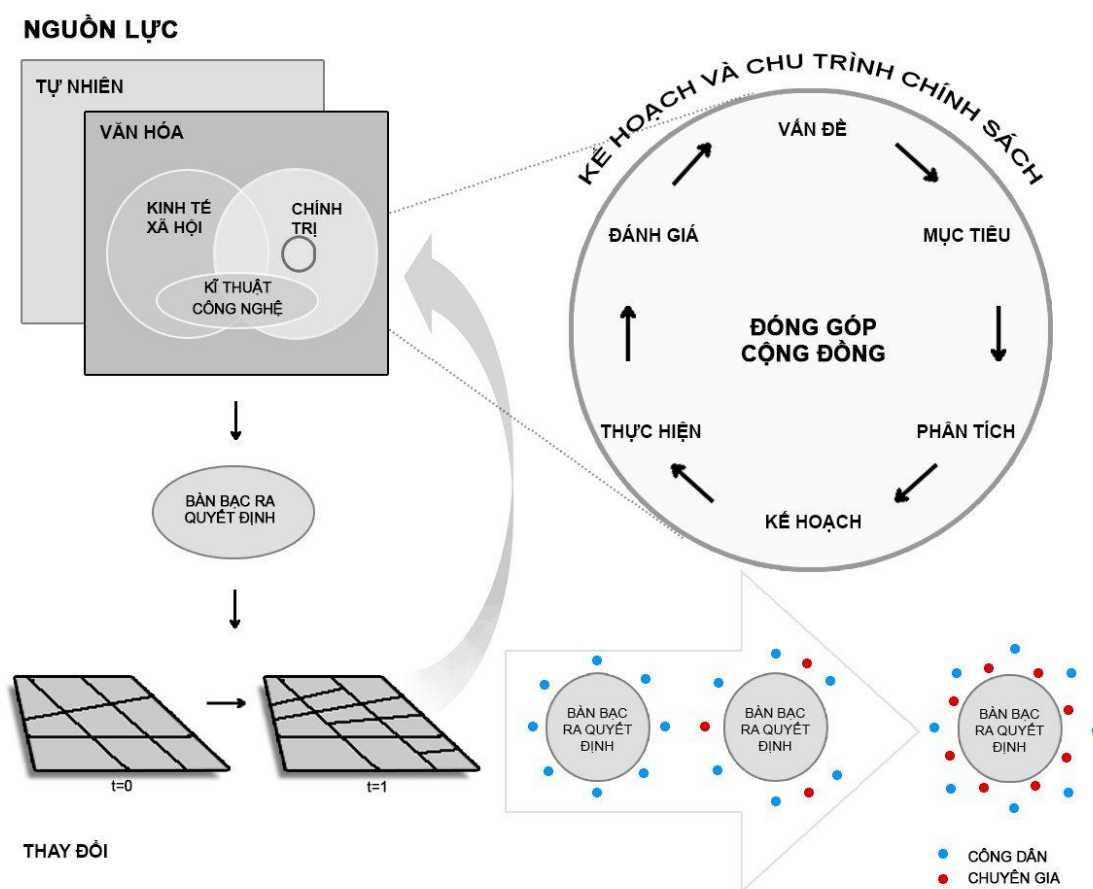


Sơ đồ 3.1 Phát triển Con người là mục tiêu của quản lý đô thị

3.2.2. Nguyên tắc 2: Tham vấn cộng đồng toàn diện.

Hiện nay, trong một số trường hợp, việc tham vấn ý kiến cộng đồng và chuyên gia được thực hiện một cách hình thức, chủ quan, để lại nhiều bất cập. Ví dụ: Dự án “Nghệ thuật cộng đồng tại phố Phùng Hưng”, việc lấy ý kiến lại thiếu sự tham gia của các chuyên gia Mỹ thuật đương đại nên kết quả lấy ý kiến gây tranh cãi. Sau khi có nhiều đóng góp của giới chuyên môn và cộng đồng nghệ sĩ, kết quả đã có sự khác biệt, và dự án đã được triển khai thành công, tạo điểm nhấn KTCQ đặc sắc tại khu phố cổ Hà Nội.[61] Điều đó cho thấy sự cần thiết phải đổi mới quy trình tham vấn cộng đồng. Đây là mức độ 2 trong 5 mức TGCD phù hợp với KPC Hà Nội. (Sơ đồ 3.2)

Quy trình tham vấn cộng đồng bao gồm: Công bố Quy hoạch; Kế hoạch; Quá trình thực hiện; Đánh giá kết quả,... Tất cả các bước đều có sự TGCD. Đồng thời quá trình triển khai mang tính dân chủ, khuyến khích mọi người dân tham gia nhưng thông qua đại diện của các cộng đồng liên quan. Nguyên tắc Tham vấn cộng đồng toàn diện, minh bạch đã được quy định trong Luật Quy hoạch (2017) và trong kế hoạch triển khai giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 của Thành phố Hà Nội.



Sơ đồ 3.2 Quy trình tham vấn với sự tham gia của cộng đồng.

3.2.3. Nguyên tắc 3: Vai trò của chính quyền địa phương

Chính quyền địa phương giữ vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt thực hiện dự án và cam kết đảm bảo công bằng các lợi ích của các cộng đồng liên quan. (Sơ đồ 3.2). Đây là đặc thù của hệ thống tổ chức chính trị và xã hội theo tầng bậc và chặt chẽ ở nước ta. Có thể coi đặc điểm về tổ chức này là một lợi thế để đạt được sự đồng thuận của cộng đồng cũng như việc huy động nguồn lực xã hội trong thực hiện hiệu quả các phong trào, chương trình và dự án khi nhà nước khởi xướng hợp lòng dân. Những dự án bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang KTCQ KPC Hà Nội hay chống dịch Covid 19 trong thời gian là những ví dụ.

3.2.4. Nguyên tắc 4: Huy động các nguồn lực.

Đây chính là nội dung của mức độ 3 (Tham gia ý kiến), trong đó có các nguồn lực và nguồn vốn.

Không gian KTCQ, thực chất là trang thiết bị trong KGCC phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng. Đó chủ yếu là tài sản công, bao gồm đất đai, kiến trúc nhỏ, thành phần cảnh quan (cây xanh, mặt nước) là nguồn lực của cộng đồng, nguồn lực công hữu. Trong kinh tế thị trường xuất hiện những nguồn lực mới. Ngoài vốn công hữu, còn tư hữu - vốn Tài chính còn vốn con người và vốn xã hội, trong đó vốn con người và xã hội ngày càng có vị trí quan trọng. Theo đó, phương thức giao dịch, mô hình quan hệ, sở hữu cũng thay đổi trong ứng: Sở hữu nhà nước, tư nhân hoặc hỗn hợp. Trong thực tế, các không gian KTCQ trong KPC đã được sử dụng rất năng động, chia sẻ và thương lượng để khai thác tối đa cho các hoạt động chung và riêng. Để KTCQ được quản trị tối ưu và bền vững, nhiệm vụ lượng hóa giá trị của vốn xã hội là rất cần thiết và quan trọng. (Phụ lục III.1)

3.3. Đổi mới mô hình quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng

3.3.1. Chuyển đổi phương thức quản lý

Trong quá trình hình thành và phát triển KTCQ tại KPC Hà Nội, nhiều phương thức quản lý đã được áp dụng với những thành công và hạn chế nhất định. Phương thức quản lý tập trung dựa trên nền tảng kinh tế tập trung, kế hoạch hóa XHCN trong giai đoạn 1955-1986 dần bộc lộ những bất cập. Kinh tế nhà nước và tập thể XHCN, trên thực tế không đủ nguồn lực để phát triển cũng như làm sống động KPC. Giai đoạn Mở cửa, hội nhập (1987-2020) với sự xuất hiện của nhiều thành phần kinh tế, đòi hỏi phương quản lý mới để thích ứng với những đòi hỏi mới của thị trường. Đó là sự chuyển đổi phương thức quản lý từ tập trung sang phân quyền. (Sơ đồ 3.3)

Chuyển đổi mô hình trong quản lý đô thị (2) (So sánh giữa Quản trị địa phương và Chính quyền)			
	Loại hình	Hệ thống quản trị địa phương	Hệ thống chính phủ
Cơ quan thực hiện	Hình thức	Phân quyền	Tập trung
	Lãnh đạo	Tất cả các bên tham gia	Công chức
	Giá trị	Vốn xã hội	Vốn truyền thống
	Mục tiêu	Xây dựng xã hội dân sự	Cân bằng trên toàn quốc
Phương thức thực hiện	Thực hiện quyền lực	Được chia sẻ bởi các đối tác	Sử dụng hệ thống ngành dọc và một chiều
	Ra quyết định	Từ dưới lên	Từ trên xuống
	Cung cấp thông tin	Các đối tác tư nhân > Các đối tác công	Các đối tác tư nhân < Các đối tác công
	Vai trò của công dân	Đồng sản xuất và người tiêu dùng	Người tiêu dùng hoặc khách hàng
	Các nguồn lực	Xu hướng phụ thuộc vào các nguồn lực bên trong	Xu hướng quá phụ thuộc vào các nguồn lực bên

Sơ đồ 3.3: So sánh mô hình quản trị Phân quyền và Tập trung

KTCQ KPC Hà Nội bao gồm giá trị tài sản vật thể như đất đai, công trình kiến trúc và giá trị phi vật thể (truyền thuyết, lối sống và sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng,..) Tất cả đều chịu sự chi phối của quy luật thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Những thành công trong thực hiện các dự án bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang KTCQ KPC Hà Nội trong thời gian gần đây cho phép khẳng định tính hiệu quả của phương thức phân quyền trong quản lý có sự TGCD. Mặt khác, sự TGCD trong nhiều dự án đã vượt qua những nhu cầu về quyền lợi vật chất mà hướng tới bảo vệ những giá trị văn hóa xã hội truyền thống cũng như tạo lập những giá trị nhân văn mới cho KPC Hà Nội thông qua các giải pháp tổ chức và quản lý KTCQ.

3.3.2. Mô hình phân quyền trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng

Sự TGCD trong công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội nhất thiết phải đảm bảo lợi ích của chính những cộng đồng liên quan. Kinh nghiệm Nhật Bản, Đài Loan, Ma Cao, Malaysia, Hàn Quốc, Philippin, Thái Lan,... cho thấy những dự án bảo tồn, phát triển KTCQ đô thị có sự TGCD, nếu chỉ nhằm mục tiêu duy trì các yếu tố lịch sử, văn hóa, xã hội mà xem nhẹ lợi ích kinh tế thì không có khả năng phát triển bền vững. Bài học thành công là phát triển phải đem lại lợi ích kinh tế. Kinh nghiệm tại Pháp và các nước châu Âu, Bắc Mỹ cho thấy mô hình cộng đồng đồng sở hữu đã thành công trong việc duy trì và phát triển KTCQ tại các đô thị theo hướng bền vững thông qua các dự án bất động sản. Đó là sự kết hợp trong tổ chức KTCQ thuộc sở hữu tư, đồng sở hữu và sở hữu công cộng với việc vận dụng mô hình quản lý đô thị chuyên đổi từ tập trung do chính quyền thành phố là chủ quản sang cộng đồng tự quản. (Sơ đồ 3.4)

<i>Chuyển đổi mô hình</i>	<i>Những giá trị mới</i>
<i>Từ chính phủ đến quản trị địa phương</i>	<i>Vai trò của cộng đồng tự quản (xã hội dân sự)</i>
<i>Từ vốn truyền thống sang vốn xã hội.</i>	<i>Mối quan hệ giữa con người.</i>
<i>Từ phạm trù vật chất đến phạm trù con người.</i>	<i>Xây dựng lại cộng đồng.</i>

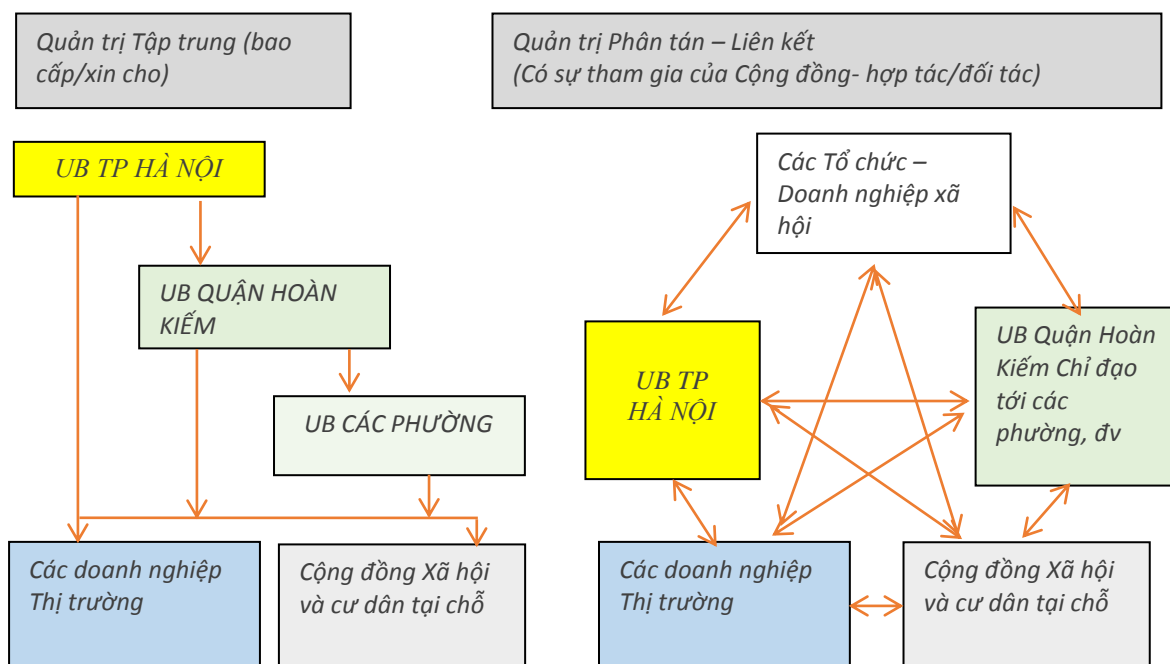
<i>Từ nền tảng con người đến nền tảng sinh thái.</i>	<i>Khôi phục hệ sinh thái.</i>
<i>Từ lợi ích kinh tế dựa trên quy mô lớn đến việc tạo nên lợi ích kinh tế từ sự khác biệt</i>	<i>Sự hài hoà giữa các yếu tố đa dạng.</i>

Sơ đồ 3.4: Mô hình quản trị đô thị chuyển đổi và những giá trị mới.

3.3.3. Đổi mới mô hình quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng

KTCQKPC Hà Nội vốn có nguồn gốc công hữu (Nhà nước, Thành phố hay các Cộng đồng). Trong giai đoạn kinh tế tập trung bao cấp, KTCQ KPC hoàn toàn do thành phố quản lý và được cấp vốn duy tu sửa chữa. Trong kinh tế thị trường, huy động sự TGCD vào việc duy tu, phát triển KTCQ được khuyến khích và các mô hình quản lý mới (tự quản và khoán quản) hình thành. Trong đó chính quyền địa phương (UBND Thành phố, quận Hoàn Kiếm và các phường) đóng vai trò chỉ đạo, dẫn dắt, kiến tạo và điều chỉnh cân bằng lợi ích và các mối quan hệ giữa các cộng đồng có liên quan theo đúng mục tiêu đã thống nhất.

Trong những năm gần đây, thành phố Hà Nội, quận Hoàn Kiếm đã có nhiều sáng tạo trong việc chuyển đổi từ phương thức quản lý hành chính bằng các quy định, quyết định sang đối thoại, hợp tác kiến tạo. Bởi vì trong thực tế, sự tham gia của tư nhân trong các dự án ngày càng nhiều và với quy mô càng lớn. Do vậy, mô hình quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD chắc chắn sẽ từng bước thay đổi cùng với sự thay đổi vai trò của chính quyền, của cơ quan quản lý địa phương. Đây cũng là xu thế chung của mô hình quản lý đô thị mới (Sơ đồ 3.5)



Sơ đồ 3.5: So sánh Mô hình Quản lý tập trung và mô hình Quản lý phân tán

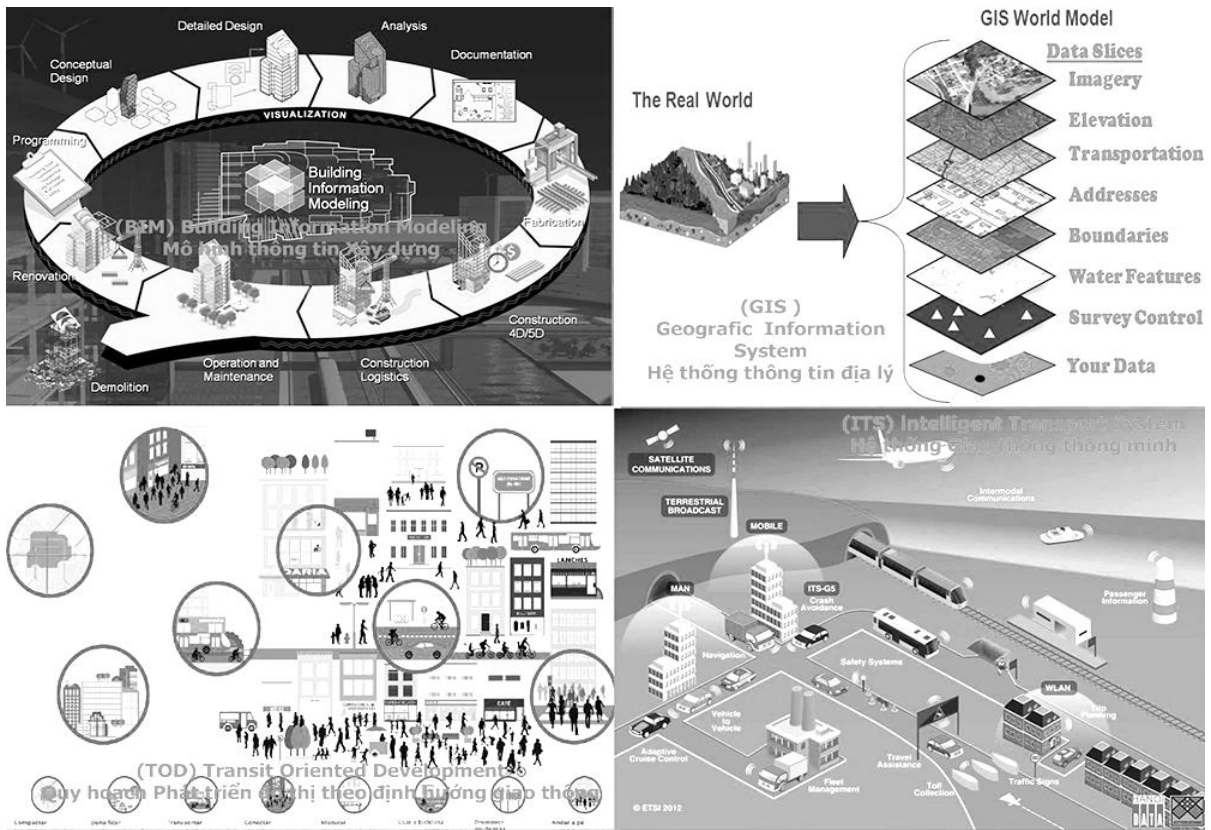
Kết quả khảo sát thực tiễn quản lý các dự án bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang KTCQ ở KPC Hà Nội có sự TGCD trong 2 giai đoạn trước và sau Đổi mới cho thấy những thay đổi về phương thức quản lý từ tập trung sang phân quyền với sự TGCD ngày càng hiệu quả trong quá trình thực hiện và khai thác sử dụng dự án. (Sơ đồ 3.6)

Số TT	Loại hình – Lĩnh vực	Trước Đổi mới	Sau Đổi mới	Đề xuất Mới
1	Bộ máy Ban quản lý Phố Cổ	Trực thuộc UBND Thành phố	Trực thuộc UBND quận Hoàn Kiếm (Tự chủ - Năng động)	BQL trực thuộc UBND quận phối hợp với Cộng đồng các Tổ chức / Đối tác
2	Tính chất	(Hành chính quan liêu)	(Tự chủ - Năng động)	(Năng động – Sáng tạo)
3	Phương thức Quản lý Kiến trúc cảnh quan KPC	Quy định chi tiết : chiều cao , mật độ , vật liệu, màu sắc , hình thức ... Yêu cầu các bên thực hiện	• Trao đổi thỏa thuận :BQL Đề xuất phương án .. Thảo luận các bên phối hợp thực hiện	Tập hợp sáng kiến BQL đề xuất ý tưởng để các bên tham gia lập phương án .Xây dựng cơ chế Đồng thuận , các bên hợp tác thực hiện
4	Tính chất	Cứng nhắc	Mềm dẻo	Linh hoạt
5	Ngân sách tôn tạo , nâng cấp KTCQKPC	Ngân sách Thành phố (100%)	Ngân sách TP 20% Địa phương 50-60% Người dân 20-30%	Ngân sách TP 20%, Địa phương 50-60% Người dân 20-30%
6	Tính chất	Luôn thiếu hụt	Cân đối hợp lý	Tiết kiệm hiệu quả
7	Quản lý , khai thác Kiến trúc cảnh quan KPC	Thành phố : Tổ chức bộ máy quản lý Phân chia các khu vực khai thác	Địa Phương : quận /phường Tổ chức bộ máy quản lý và giám sát Thỏa thuận với cộng đồng khai thác sử dụng	Cộng Đồng dân cư Xây dựng tổ chức Tự quản , phối hợp với Chính quyền địa phương quản lý giám sát Khai thác sử dụng đúng quy định của luật pháp và đóng góp nghĩa vụ với địa phương
8	Tính chất	Hoạt động Kém	Hoạt động Mạnh , chưa Sinh động	Hoạt động Mạnh , Sinh động/ Sáng tạo
9	Tổ chức các hoạt động văn hóa và kinh doanh du lịch thương mại trong KPC	Thành phố và Địa phương tổ chức : • Các lễ hội , quản lý an ninh, trật tự đô thị • Các cơ quan hành chính quản lý các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch , phân chia ngành nghề, theo địa bàn ...	Địa phương phối hợp với cộng đồng • Tổ chức các lễ hội , các hoạt động đô thị đảm bảo an ninh trật tự • Cộng đồng phát triển các hoạt động kinh doanh theo nhu cầu thị trường và chia sẻ không gian theo các hoạt động khác nhau	Cộng đồng phát triển , Địa phương hỗ trợ • Cộng đồng lập trình các hoạt động cho phù hợp với truyền thống lịch sử văn hóa và tạo bản sắc đặc trưng của KPC để phát triển kinh tế thương mại dịch vụ và nâng cao chất lượng cuộc sống • Địa phương hỗ trợ các điều kiện cơ sở hạ tầng , cơ chế chính sách
10	Tính chất	Phục vụ Tuyên truyền	Phát triển hoạt động Văn hóa – Lịch sử	Kết hợp hoạt động Văn hóa – Lịch sử với Kinh tế / Thương Mại / Du lịch
11	Hình thức trao đổi đối thoại	Mệnh Lệnh/ Quy Định	Hướng dẫn / Trao đổi	Lắng nghe / Thỏa thuận
12	Tính chất	Tập trung	Năng động	Sáng tạo
13	Xây dựng chiến lược phát triển / Quy hoạch Kiến trúc cảnh quan KPC	Thành phố , Quận Hoàn Kiếm : Lập quy hoạch tổng thể Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội Thiết kế , lập dự án đầu tư xây dựng	Quận Hoàn Kiếm : Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ,Lập quy hoạch,Thiết kế Trao đổi thỏa thuận với các bên liên quan Trao đổi với cộng đồng dân cư , các tổ chức, cá nhân liên quan để tham gia dự án đầu tư xây dựng	Quận Hoàn Kiếm trao đổi với cộng đồng dân cư , các tổ chức, cá nhân liên quan : Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội , Lập quy hoạch,Thiết kế Xây dựng quy chế phối hợp tham gia dự án đầu tư xây dựng
14	Tính chất	Cứng nhắc	Linh hoạt	Thích ứng / Năng động

Sơ đồ 3.6. So sánh mô hình quản lý dự án có sự tham gia cộng đồng

3.3.4. Ứng dụng công nghệ số - công cụ quản lý mới

Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố lớn tại Việt Nam đang đô thị hóa mạnh mẽ. Nhiều tổ hợp xây dựng lớn, trong tương lai sẽ còn nhiều hơn nữa, tạo nên những không gian KTCQ mới... đặt ra những tình huống phức tạp trong quản lý vận hành và sở hữu, đầu tư đòi hỏi công cụ quản lý mới. Tương tự như quản lý đô thị theo hướng thông minh, quản lý KTCQ KPC Hà Nội cần những công cụ mới trên nền tảng của công nghệ số (Hình 3.1) (Phụ lục III.2)



Hình 3.1: Những giải pháp kỹ thuật số hỗ trợ quản lý KTCQ hiện đại

3.4. Đề xuất 5 mức độ tham gia của cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.

Vận dụng các lý luận kinh điển về TGCD phổ biến tại các quốc gia Âu – Mỹ, đặc biệt là lý luận của Sherry Arnstein để nâng cao hiệu quả quản lý KTCQ KPC Hà Nội là quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên, đối chiếu với đặc điểm lịch sử và thực trạng phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội của KPC Hà Nội có thể điều chỉnh lại lý luận của Sherry Arnstein từ 8 mức độ TGCD thành 5 mức độ là phù hợp, đảm bảo quá trình TGCD vừa dân chủ nhưng vẫn tập trung, tiếp cận những kinh nghiệm quốc tế, hiện đại nhưng vẫn phù hợp với thực trạng phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội ở Hà Nội. (Bảng 3.1)

Mức độ 1	Cấp thông tin/ Vận động	1- Cung cấp thông tin đến người dân: Cộng đồng được cung cấp thông tin liên quan đến các dự án, bao gồm: mục tiêu/ phạm vi/ nguồn lực/ Khả năng ảnh hưởng tới lợi ích của các cộng đồng liên quan
Mức độ 2	Trao đổi/Giáo dục	
Mức độ 3	Thông báo	
Mức độ 4	Tham vấn/Tư vấn	2-Tham vấn cộng đồng: Cộng đồng có tiếng nói, có quyền bày tỏ quan điểm, ý kiến và được tư vấn.
Mức độ 5	Tham gia thực hiện	3-Tham gia thực hiện: Ý kiến cộng đồng được xem xét. Cộng đồng tham gia trực tiếp và hiệu quả trong một số công đoạn của dự án.
Mức độ 6	Quan hệ đối tác	4-Phân quyền/ Trao quyền: Cộng đồng có thể đàm phán với những người có quyền ra quyết định, bao gồm thỏa thuận về vai trò, trách nhiệm cũng như mức độ kiểm soát Cộng đồng được phân chia một phần quyền lực.
Mức độ 7	Trao quyền/ Ủy quyền	
Mức độ 8	Công dân kiểm soát	5-Giám sát/ Kiểm soát: Cộng đồng tham gia kiểm soát để đảm bảo thành công của dự án

Bảng 3.1: So sánh 8 mức độ TGCD (Sherry Arnstein) với đề xuất 5 mức độ TGCD tại KPC Hà Nội

Vấn đề cốt lõi trong TGCD nói chung và tại KPC Hà Nội nói riêng, là quá trình đồng thuận tập thể, liên quan đến lợi ích của các nhóm cộng đồng xã hội khác nhau. Để đi tới đồng thuận, thậm chí là một sự thỏa hiệp, cần những nhượng bộ như là một nguyên tắc để đảm bảo kết quả của các thỏa ước tập thể luôn được tôn trọng và không ngừng được vun đắp bởi cả cộng đồng, ngay cả khi chưa thỏa mãn những lợi ích của một hay nhiều cá nhân trong cộng đồng ấy.

Trong quá trình vận động, tham vấn cộng đồng, vai trò của Chính quyền cơ sở (cấp quản lý trực tiếp) là đặc biệt quan trọng, không chỉ trong thực hành các cam kết về tính công bằng, minh bạch nhưng cũng là đại diện cho lợi ích của Nhà nước, mà còn có vai trò dẫn dắt, định hướng cộng đồng cùng hướng tới mục tiêu chung. Như vậy, có thể nhận thấy, mức độ “dân chủ tự do” phổ biến ở phương Tây đã được thay bằng quan niệm “dân chủ tập trung” hay “dân chủ đại diện” quen thuộc nhưng hiệu quả ở Việt Nam.

Những thỏa ước tập thể này rất khó đạt kết quả khi tham vấn trực tiếp từng thành viên trong cộng đồng mà không theo quy trình như mô tả ở trên trong Mức 2 (Tham vấn cộng đồng) và Mức 4 (Phân quyền).

Trong quá trình tham vấn, cộng đồng có quyền tham vấn và được tham vấn bởi các tổ chức, cá nhân có chuyên môn. Chuyên gia sẽ hỗ trợ cộng đồng tiếp cận chi tiết các vấn đề về kỹ thuật, kinh tế và luật pháp.

Mức 3 (Tham gia thực hiện) và Mức 5 (Giám sát) là quyền được Pháp luật quy định và khuyến khích cộng đồng tham gia các hoạt động có lợi ích liên quan.

3.5. Xây dựng mô hình cộng đồng tự quản trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội

Kết quả khảo sát các dự án bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang KTCQ KPC Hà Nội có sự TGCD đã được thực hiện cho thấy nguyên nhân của những hạn chế là:

- Các mô hình TGCD không do chính cộng đồng đề xuất, mà do các tổ chức khác hay chính quyền hoặc chủ đầu tư lập một cách chủ quan, trên thực tế đã không mang lại lợi ích thiết thực và bền vững cho cộng đồng, nên cộng đồng tham gia mang tính hình thức và nhanh chóng tan rã. Rõ ràng, Con người ở vị trí trọng tâm của dự án chưa được nhận thức đúng.

- Mặt khác, trong các dự án, thường chỉ chú ý đến các công trình vật thể, mà không quan tâm đúng mức đến cácyếu tố phi vật thể làm nên môi trường hoạt động, như: mối quan hệ cộng đồng, thói quen sinh hoạt và các hoạt động văn hóa, xã hội của cộng đồng (Hệ sinh thái xã hội-nhân văn). Kết quả là, tính cố kết cộng đồng (truyền thống) bị phá vỡ, khiến sự TGCD rời rạc và cuối cùng là làm mất dần bản sắc văn hóa của cộng đồng. Rõ ràng, cộng đồng phát triển bền vững không thể thiếu bản sắc văn hóa của cộng đồng.

- Thiếu vai trò dẫn dắt và sự cam kết của Chính quyền địa phương đối với sự TGCD trong suốt quá trình hình thực hiện dự án, từ thiết kế, xây dựng đến vận hành sử dụng. Đây là điều kiện quan trọng hàng đầu đối với mọi hoạt động trong hệ thống tổ chức xã hội ở nước ta.

Như vậy, các bài học thực tiễn về tổ chức KTCQ KPC Hà Nội trong lịch sử và những năm gần đây, kết hợp với việc vận dụng các nguyên lý kinh điển về TGCD phù hợp với điều kiện của Hà Nội, cho thấy: Mô hình Cộng đồng tự quản là phù hợp, như là sự kế thừa truyền thống TGCD ở nước ta,

cho phép cộng đồng tham gia hiệu quả trong công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội hiện nay.

3.5.1. Yêu cầu xây dựng cộng đồng tự quản

3.5.1.1. Lấy người dân, cộng đồng cư dân tại chỗ là trung tâm

Cộng đồng tự quản trên địa bàn là những cư dân tại chỗ, là những người được thụ hưởng kết quả của dự án. Tuy nhiên, quá trình triển khai dự án và khai thác sử dụng không gian KTCQ phải đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên tham gia khác nhau như chính quyền và nhà đầu tư.

3.5.1.2. Tạo lập cân bằng sinh thái giữa không gian vật chất và không gian xã hội

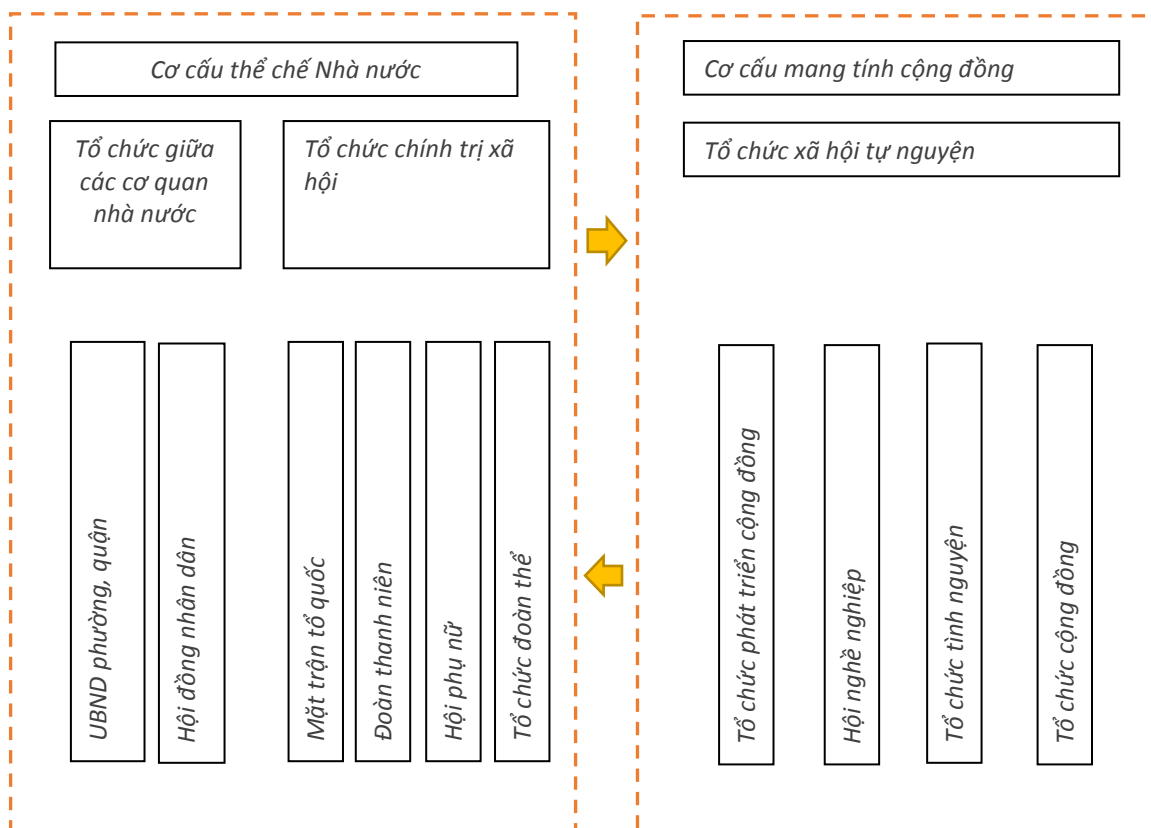
KTCQ là một dạng không gian công cộng, là sự kết hợp có ý thức giữa không gian kiến trúc, cảnh quan (vật chất) với không gian hoạt động của con người (xã hội), được hình thành và phát triển bởi nhiều tác nhân tham gia. Đó là cộng đồng dân cư tại chỗ và các cộng đồng khác có liên quan. Huy động hợp lý và tối đa sự TGCĐ trong thực hiện dự án là cần thiết, đó cũng chính là các nguồn lực con người và nguồn vốn xã hội. Tuy nhiên, mọi nguồn lực được huy động để không gian KTCQ phát triển bền vững và có bản sắc, nhất thiết phải đảm bảo cân bằng sinh thái giữa không gian vật chất và không gian xã hội trong quá trình triển khai thực hiện dự án và khai thác sử dụng.

3.5.1.3. Sự cam kết chính trị từ Chính quyền:

Trong hệ thống tổ chức xã hội ở nước ta, đề sáng kiến của cộng trở thành hiện thực, thì vai trò của chính quyền có ý nghĩa quyết định. Chính quyền lãnh đạo, tập hợp các nguồn lực và có vai trò dẫn dắt triển khai các hoạt động.

3.5.2. Mô hình cộng đồng tự quản trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội

Trong hệ thống tổ chức đoàn thể xã hội ở nước ta, có các tổ chức cộng đồng chính thống và tự nguyện được tập hợp và chịu sự lãnh đạo của Mặt trận tổ quốc Việt Nam. (Sơ đồ 3.7).

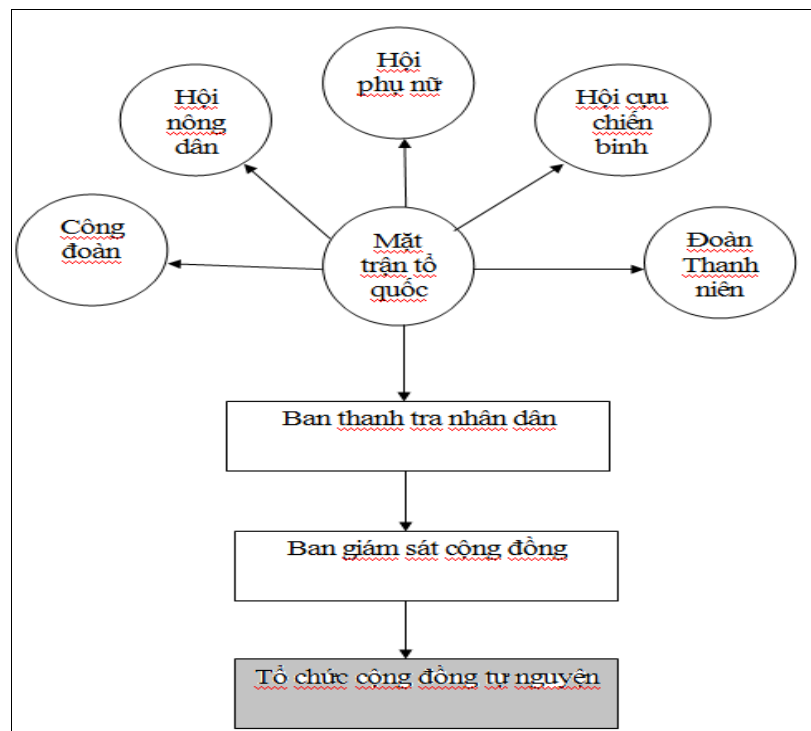


Sơ đồ 3.7. Hiện trạng hệ thống tổ chức thể chế ở nước ta hiện nay

Trong thực hiện các dự án bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang KTCQ tại quận Hoàn Kiếm từ sau 2010, các cấp chính quyền đã coi trọng và khuyến khích sự TGCD, trong đó có các cộng đồng tự quản, thường được hình thành trong giai đoạn sử dụng sau dự án.

Mô hình tổ chức cộng đồng tự quản - một dạng tổ chức xã hội tự nguyện là dựa trên cơ sở kế thừa kinh nghiệm truyền thống, đồng thời phù hợp với điều kiện hiện tại với sự xuất hiện của nhiều yếu tố mới.

Các Cộng đồng tự quản hiện nay tại Quận Hoàn Kiếm là tổ chức cộng đồng nhỏ nhất, được hình thành trên cơ sở hiệp thương, tự nguyện giữa những người có cùng mục tiêu hành động. Các thành viên có thể tập hợp từ nhiều ngành nghề, lĩnh vực ... Do nằm trong hệ thống tổ chức đoàn thể nên Cộng đồng tự quản có nhiệm vụ, trách nhiệm phối hợp và cả đề xuất sáng kiến cộng đồng với chính quyền địa phương, với các cơ quan quản lý và với các tổ chức cộng đồng chính thống khác để góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý KTCQ KPC Hà Nội từ quá trình hình thành, triển khai dự án đến khai thác sử dụng sau dự án. (Sơ đồ 3.8)



Sơ đồ 3.8: Bộ máy tổ chức cộng đồng dân cư với sự xuất hiện của tổ chức cộng đồng tự quản (tự nguyện)

Để Cộng đồng tự quản phát huy hiệu quả, cần được tổ chức và hoạt động như mô hình doanh nghiệp xã hội với quyền lựa chọn các bên liên quan và được các tổ chức xã hội độc lập khác tư vấn, giám sát và đánh giá. Trong khi các cấp chính quyền thực thi vai trò hỗ trợ và quản lý theo quy định của pháp luật. (Sơ đồ 3.9)



Sơ đồ 3.9 Mô hình Cộng đồng tự quản

3.6. Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.

Bản Quy chế quản lý đô thị khu phố cổ Hà Nội được ban hành năm 1995 - giai đoạn chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang thị trường định hướng XHCN. Sau đó, năm 2013, bản quy chế đã được cập nhật và bổ sung,

nhưng quán tính bao cấp vẫn hiện diện, chưa thoát ra khỏi hoàn toàn tư duy quản lý tập trung, quan liêu. Nội dung Quy chế sửa đổi, vì thế vẫn bộc lộ nhiều hạn chế như: áp đặt chủ quan và thiếu tương tác với nhiều bên, nhất là những gì liên quan đến sự TGCD trong quản lý KTCQ.

Qua thực tế quản lý KTCQ KPC Hà Nội trước những đòi hỏi của đô thị hóa nhanh theo xu thế toàn cầu hóa, cần thiết phải soạn thảo lại bộ Quy chế quản lý đô thị khu phố cổ Hà Nội, trong đó có KTCQ với tinh thần đổi mới căn bản từ quan niệm quản lý tập trung sang phân quyền theo hướng thị trường định hướng XHCN.

3.6.1. Căn cứ đổi mới Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.

a. Kế hoạch khung phát triển quận Hoàn Kiếm giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, UBND Thành phố Hà Nội công bố Kế hoạch 63/KH-UBND về Triển khai công tác chuẩn bị lập “Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó chỉ rõ: Không gian KTCQ –KPC Hà Nội là một phần không tách rời của quận Hoàn Kiếm, do vậy xây dựng Quy chế quản lý CQKT KPC là nội dung thành phần trong “Kế hoạch khung phát triển Hoàn Kiếm giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2045”.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, Bí thư Thành ủy đã có ý kiến chỉ đạo riêng cho công tác quy hoạch: “Hoàn Kiếm cần nghiên cứu công trình kết nối của quận với các quận xung quanh, trong đó chú trọng các dự án không gian đường sắt đi ngầm, quy hoạch phân khu sông Hồng gắn với thoát lũ; làm nổi bật văn hoá lịch sử của quận trung tâm một cách ấn tượng, linh thiêng, hào

hoa của Hà Nội”. Đó chính là khởi động thuận lợi, cũng là căn cứ để thực hiện.

b. Cam kết của Quận Hoàn Kiếm trong việc thực hiện Kế hoạch khung phát triển quận Hoàn Kiếm giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2045.

Để triển khai thực hiện Kế hoạch khung phát triển quận Hoàn Kiếm giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, UBND quận Hoàn Kiếm cam kết tạo cơ hội để khu vực kinh tế tư nhân tham gia nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách công, cũng như tăng cường hợp tác giữa khu vực tư nhân với khu vực công.

Sự tham gia của khu vực tư nhân dưới hình thức đầu tư về vốn và kỹ năng cho phép cung cấp dịch vụ và phát triển hạ tầng hiệu quả hơn, trong đó có các dự án bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang KTCQ KPC Hà Nội.

c. Phương pháp tiếp cận mới - tích hợp liên ngành.

Tích hợp liên ngành là một cách tiếp cận mới trong công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội [74]. Bởi vì KPC, trong đó có KTCQ luôn là một thể thống nhất, từ hình thái không gian đến môi trường hoạt động và khả năng di chuyển, cung cấp nguồn lực, năng lượng, tài nguyên, năng lượng, nước sạch và thực phẩm cũng như xử lý nước và chất thải. Ở đây, công nghệ thông tin có vai trò kết nối quan trọng và quyết định theo hướng quản lý thông minh. Và sự kết hợp hoàn hảo các thành phần này theo hướng xanh, thông minh sẽ tạo nên thương hiệu mới của KPC Hà Nội.

3.6.2. Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.

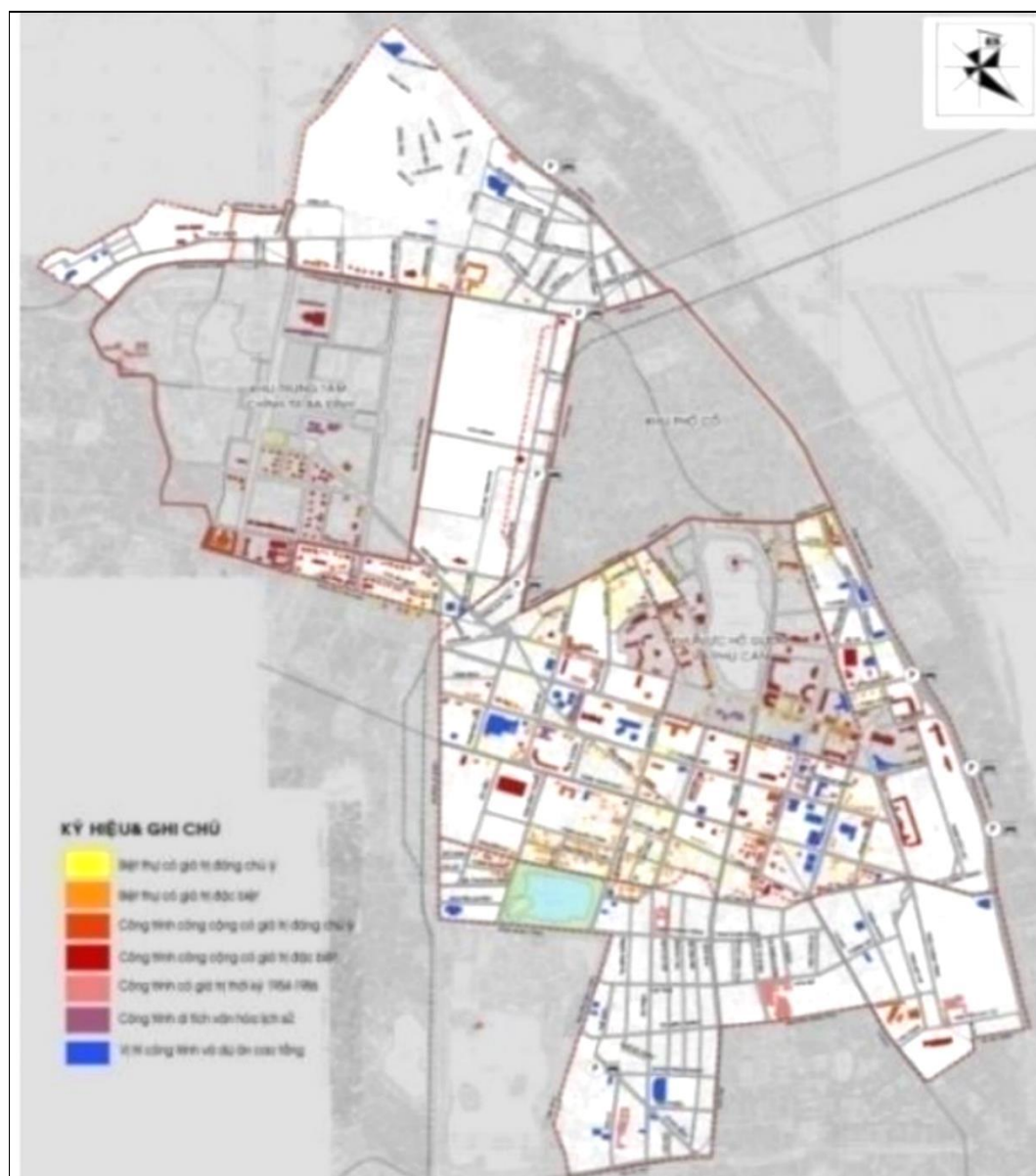
Quy chế quản lý KTCQ KPC Hà Nội được xây dựng theo cách tiếp cận tích hợp liên ngành. Bằng quy chế này thành phố và quận Hoàn Kiếm có cơ sở huy động sự tham gia cũng như nguồn lực của đông đảo các cộng đồng,

góp phần triển khai thực hiện nhanh chóng và đảm bảo sự phát triển bền vững của các dự án trên địa bàn KPC Hà Nội.

Quy chế quản lý KTCQ KPC Hà Nội là bộ quy tắc thực hành quản lý hướng tới mục tiêu vì cộng đồng với quan niệm lấy con người làm trọng tâm. Đây là yêu cầu đặc biệt quan trọng để xây dựng một quy chế quản lý hiệu quả, khắc phục được những hạn chế của các quy định trước đây. Ví dụ, năm 1998, UBND thành phố Hà Nội giao Sở Kiến trúc quy hoạch nghiên cứu soạn thảo tài liệu quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ và khu phố Pháp. Danh sách các công trình kiến trúc có giá trị kèm theo các bản vẽ, ảnh chụp làm minh chứng đã được lập. Nhưng tài liệu này không có hiệu lực thi hành, nên trên thực tế vì mục đích thuần túy lợi nhuận, nhiều công trình kiến trúc có giá trị đã bị phá hủy để lấy đất xây dựng công trình mới. (Hình 3.2, 3.3).



Hình 3.2: Bản vẽ các công trình kiến trúc cần bảo tồn trong KPC, Ban quản lý Phố cổ Hà Nội lập năm 2012



Hình 3.3: Bản vẽ các công trình kiến trúc cần bảo tồn, sở KTQH lập 1998

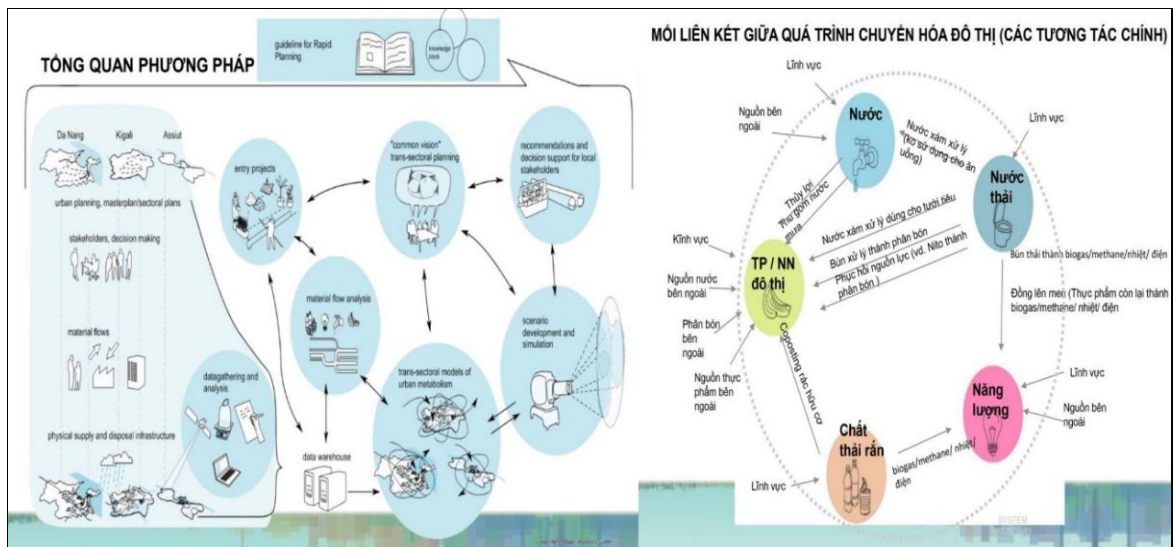
Quy chế quản lý còn là một thỏa ước tập thể của các bên liên quan hướng tới một mục tiêu vì lợi ích chung. Sự TGCD để xây dựng Quy chế này bắt đầu từ cuộc thảo luận rộng rãi liên quan tới mục tiêu và kế hoạch hành động cho giai đoạn trước mắt và lâu dài. Như vậy khi xây dựng quy chế cần định hướng nội dung theo 2 giai đoạn, trong đó ưu tiên những mục tiêu cần thực hiện trong 5 năm tới.

Đối với quy chế quản lý KTCQ KPC Hà Nội, Luận án đề xuất 5 mục tiêu trọng tâm của giai đoạn 2021-2025 cùng với dự kiến kết quả cần đạt được như nêu trong bảng dưới đây: (Bảng 3.2)

Chỉ tiêu hành động	Mục tiêu	Kết quả dự kiến
 <p>1-Giảm khí thải độc hại 10%/năm Đã khởi động 6/2019</p>	<p>Mật độ dân số cao, Khí thải do ô tô xe máy dày đặc, dùng than đun nấu đang gây ô nhiễm không khí, suy giảm sức sống. Cần giảm mạnh các nguồn phát khí thải độc hại</p>	<p>Giảm ô tô xe máy bằng cách tăng thu phí vào khu trung tâm TP – KPC sẽ gia tăng nguồn thu để nâng cấp hạ tầng, tăng chất lượng sống cho cư dân tại chỗ và khách du lịch. Tăng cường sử dụng nhiên liệu sạch / tái tạo</p>
 <p>2-Tăng đi bộ, giảm ô tô xe máy: 10% / năm Khởi động 1/ 9/2016</p>	<p>Tăng cường đi bộ là tăng cường khả năng tiếp cận hàng hóa DV-TM-DL. Trẻ em đi bộ đến trường khỏe mạnh thông minh, có tình cảm và trách nhiệm với nơi chốn. Tiếp cận GTCC dễ</p>	<p>Tạo lập lối đi bộ an toàn trên phố là tăng trật tự quản lý vỉa hè lòng đường. Đồng thời với phát triển không gian đỗ xe máy ô tô thu phí giá cao- Không ưu tiên ô tô- xe máy cá nhân .Nâng cấp , cải thiện Cảnh quan đường phố ưu tiên con người.</p>
 <p>3-Giảm rác nhựa, giấy 10%/ năm Đã khởi động 6/2019</p>	<p>Giảm rác thải độc hại tạo thương hiệu đặc biệt cho KPC: Xanh, Sạch, Đẹp Nâng cao chất lượng môi trường sống.</p>	<p>Giảm thời gian/chi phí thu gom rác. Tăng không gian cho phố phường thay vì xe bãi tập kết rác. Tăng thu nhập do tiêu dùng chất lượng cao.</p>
 <p>4-Tăng tiền điện tử: 10% / năm Đã khởi động 6/2019</p>	<p>Thanh toán thẻ cho dùng đồ xe xóa bỏ nạn đồ xe máy xe đạp bữa bãi. Xóa bỏ nạn chèo chém dịch vụ và bán hàng giả.</p>	<p>Tăng cường chất lượng dịch vụ, thực phẩm an toàn: tạo thương hiệu cạnh tranh cho KPC – Chống thất thu ngân sách, giảm lao động thừa.</p>
 <p>5- Tăng cường bảo tồn các công trình VH-LS: (Thực hiện 10 dự án/ năm)</p>	<p>Tăng cường bảo tồn di sản VH-LS, tạo thu hút du lịch, tăng cường gắn kết cộng đồng. Nâng cao đời sống văn hóa. Tạo không gian sinh hoạt tập thể, kết hợp các công trình phòng hòa, cứu hộ phòng chống thiên tai thảm họa</p>	<p>Các công trình VH-LS đang thu hút sự TGCD chung tay bảo tồn và phát huy KTCQ Môi trường thực hành để sự TGCD ngày càng phát triển trong các dự án nâng cấp đô thị quy mô lớn, huy động nguồn lực và đem lại lợi ích cho cộng đồng.</p>

Bảng 3.2. Đề xuất 5 Mục tiêu 5 cho Khu phố cổ Hà Nội 2020-2025







Như vậy có thể thấy, chất lượng KTCQ KPC Hà Nội liên quan đến sự kết hợp hài hòa của 5 mục tiêu ưu tiên nêu trên theo chuỗi liên kết hữu cơ. Ví dụ: Giảm lượng khí thải độc hại liên quan trực tiếp đến giảm số lượng ô tô, xe máy, trong khi tăng cường đi bộ và khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông không sạch; hay đầu tư bãi đỗ xe thông minh để giải tỏa lòng đường, vỉa hè cho người đi bộ,... (Sơ đồ 3.10)



Sơ đồ 3.10: Không gian KTCQ khu phố cổ trong chuỗi giá trị liên kết. [100]

3.6.3. Xây dựng chương trình hành động để thực hiện 5 mục tiêu trọng tâm.

Trong giai đoạn 5 năm tới (2021-2025), để đạt 5 mục tiêu trọng tâm nêu trên, cần thiết tiến hành các dự án bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang KTCQ KPC Hà Nội theo 6 chương trình hành động cụ thể. Tùy theo từng dự án, do phụ thuộc vào địa bàn, quy mô và tính chất của dự án mà có các giải pháp khác nhau. Bảng dưới đây mô tả cụ thể 6 chương trình và dự kiến kết quả. (Bảng 3.3)

Chương trình	Mô tả	Kết quả dự kiến
1-Tạo hệ thống giao thông an toàn và thuận tiện Chi phí thấp		<p>Thiết kế đô thị lấy con người làm trung tâm với công nghệ tiên tiến, Ứng dụng Số hóa và Tự động hóa thể tạo ra một hệ thống giao thông tiên tiến không gian dành cho người đi bộ, đi xe đạp và xe buýt hoặc đường sắt để cải thiện sự tiện lợi, giảm chi phí và tăng cường an toàn đường phố. Tăng cơ hội giao dịch thương mại dịch vụ</p>
2-Nhà ở và bất động sản hiệu quả giá cả phải chăng	 <p>Quy hoạch khu dân cư ngoài đô 80Ha , đảm bảo sự ổn định và tăng cường an toàn , tăng cường chất lượng sống và tăng giá trị đất đai</p>	<p>Mở rộng không gian phát triển mô hình nhà ở mới , thích ứng với điều kiện tự nhiên và kinh tế , xã hội . Áp dụng phương pháp xây dựng mới và thiết kế tòa nhà linh hoạt cho phép các khu dân cư hỗn hợp, có thể đi bộ triệt để giúp giảm chi phí nhà ở và tăng cơ hội sinh kế</p>
3-Nâng cấp hạ tầng và tăng cường kiểm soát ô nhiễm		<p>Tích hợp đa chức năng từ các tuyến giao thông ngầm và trên cao quy mô lớn đi qua Hoàn Kiếm Giảm tiêu thụ năng lượng, /chất thải và khí thải c. Tạo ra một kế hoạch chi tiết cho các khu dân cư có môi trường tốt</p>
4-Tăng không gian công cộng		<p>Hỗ trợ cộng đồng giảm bớt giao thông cá nhân để lấy lại đường phố - Những khu vực bị chiếm giữ , sử dụng sai mục đích / Những khoảng trống còn bỏ hoang để kiến tạo KGCC và kết nối xã hội.</p>
5- Tạo lập Cộng đồng thân thiện dễ tiếp cận dịch vụ CC		<p>Tăng cường kết nối thông tin , số hóa các dịch vụ công – Chia sẻ Dịch vụ/ KGCC Tích hợp các trung tâm cộng đồng dễ tiếp cận hơn, cung cấp nhiều dịch vụ địa phương, cho phép tiếp cận toàn diện các dịch vụ xã hội và cộng đồng mang lại kết quả tốt hơn cho mọi người với chi phí thấp hơn.</p>
6- Hạ tầng kỹ thuật số một ruyền cảm hứng Đổi mới./ Sáng tạo		<p>Cốt lõi của một thành phố tương lai là một lớp cơ sở hạ tầng kỹ thuật số cung cấp kết nối phổ biến cho tất cả mọi người, cung cấp những hiểu biết mới về môi trường đô thị và khuyến khích sáng tạo và hợp tác để giải quyết các thách thức địa phương.</p>

Bảng 3.3. Sáu Chương trình hành động

3.7. Giới thiệu các dự án thử nghiệm về kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội.

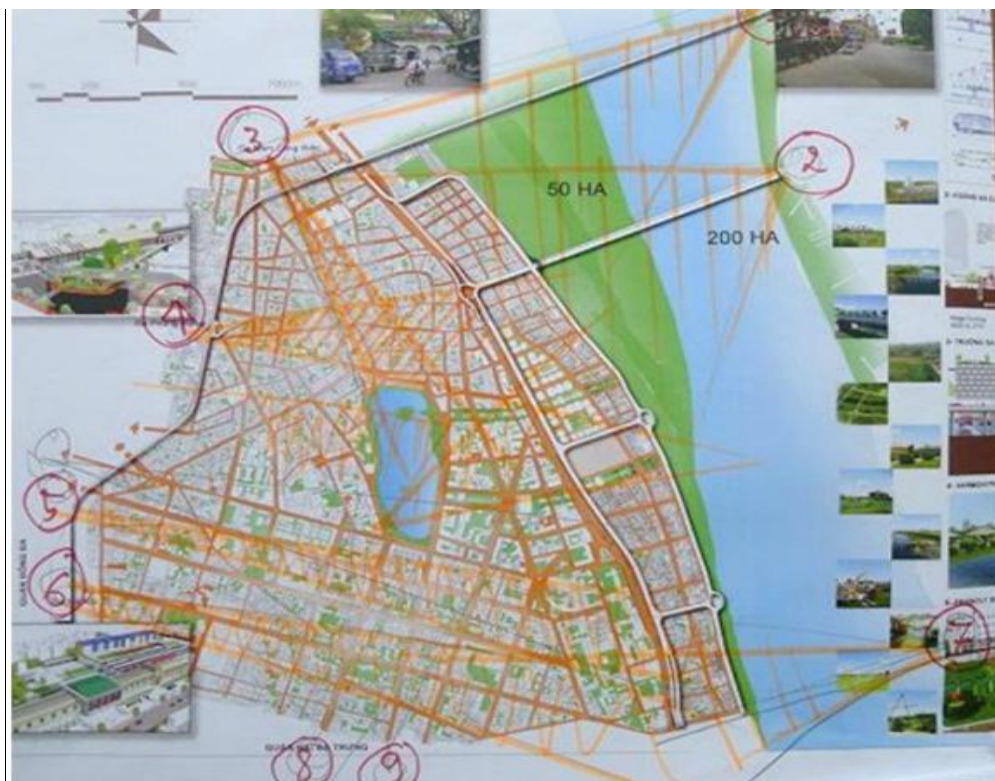
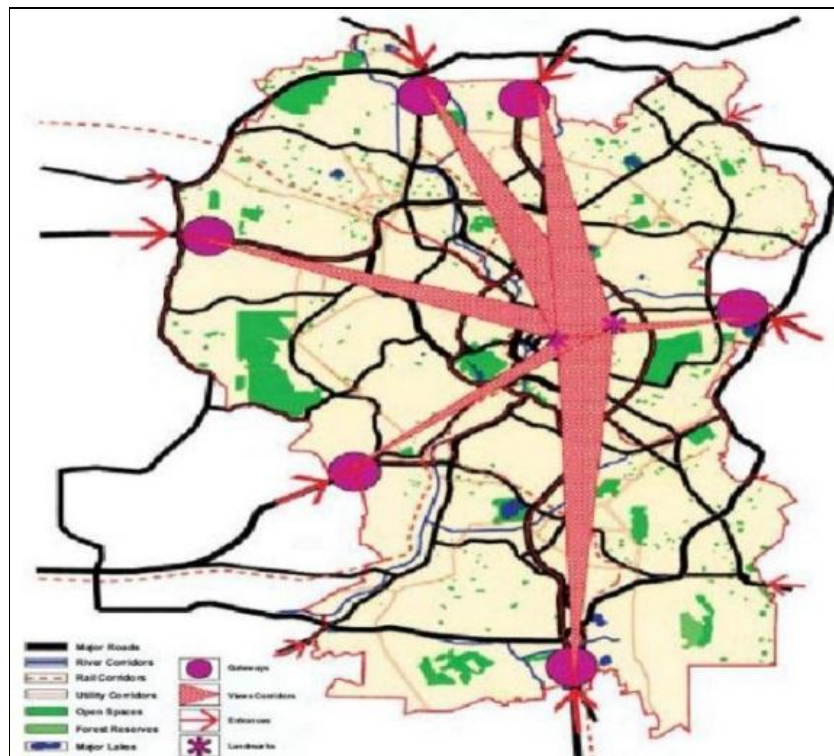
3.7.1. Xác định không gian kiến trúc cảnh quan trọng điểm của khu phố cổ Hà Nội:

Năm 1993, UBND thành phố Hà Nội chính thức khởi động các hoạt động can thiệp vào KPC bằng việc xác định phạm vi ranh giới bảo tồn KPC.

Năm 1995, Bộ Xây Dựng chính thức công bố ranh giới KPC Hà Nội và đưa ra nhiều nội dung quản lý bảo tồn, nhưng không triển khai được trên thực tế, vì thiếu các cơ sở khoa học về bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc đô thị phù hợp với đặc điểm của KPC Hà Nội cũng như thiếu các nguyên tắc pháp lý cần thiết và chưa huy động sự tham gia trực tiếp của cộng đồng.

Thực tế phát triển nhanh trong những năm gần đây với sự xuất hiện nhiều công trình dịch vụ thương mại, du lịch cùng các dự án hạ tầng đô thị quy mô lớn (cầu vượt, đường trên cao, đường sắt đô thị tuyến số 1,2,3) ảnh hưởng trực tiếp và làm thay đổi cảnh quan KPC Hà Nội.

Trong bối cảnh ấy, kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, sự TGCD là quan trọng ngay từ khi lập nhiệm vụ thiết kế dự án để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực trong các bước triển khai tiếp theo của dự án [70]. Ví dụ bài học từ thành phố Kuala Lumpur, Malaysia có thể được vận dụng để nhận diện đặc trưng cảnh quan phục vụ mục đích bảo tồn các tuyến trục cảnh quan trọng tâm ở 3 vị trí phía Đông và 6 vị trí ở hướng còn lại là Bắc, Tây, Nam của KPC Hà Nội. (Hình 3.4)



Hình 3.4: Bản đồ xác định các hướng nhìn từ ngoài vào Tp Kuala Lumpur và Hà Nội

3.7.2. Một số dự án nghiên cứu thể nghiệm tiêu biểu

3.7.2.1. Dự án cải tạo không gian tuyến phố Phùng Hưng

Đường Phùng Hưng với tuyến đường sắt trên cao từng là tuyến phố sôi động, đóng góp tích cực trong cuộc sống đô thị Hà Nội. Ngày nay, tuyến đường sắt huyết mạch xưa, nay không cạnh tranh được với đường bộ nên không được quan tâm tu sửa và dần xuống cấp. (Hình 3.5)



Hình 3.5: Hiện trạng KTCQ Đường Phùng Hưng, Hà Nội

Để mở rộng không gian Phố đi bộ ra phạm vi toàn khu vực KPC, quận Hoàn Kiếm đã triển khai dự án Phố nghệ thuật Phùng Hưng với sự tham gia của cộng đồng với vai trò tiên phong của cộng đồng họa sỹ Việt Nam và Hàn Quốc. Những tác phẩm hội họa trên các vòm cầu đã thu hút người dân và du khách. Thực tế đã làm sống lại không gian phố Phùng Hưng. (Hình 3.6)



Hình 3.6: Khảo sát hiện trạng Phố Phùng Hưng, các nghệ sĩ tình nguyện sáng tác với sự hỗ trợ của cộng đồng cư dân địa phương.

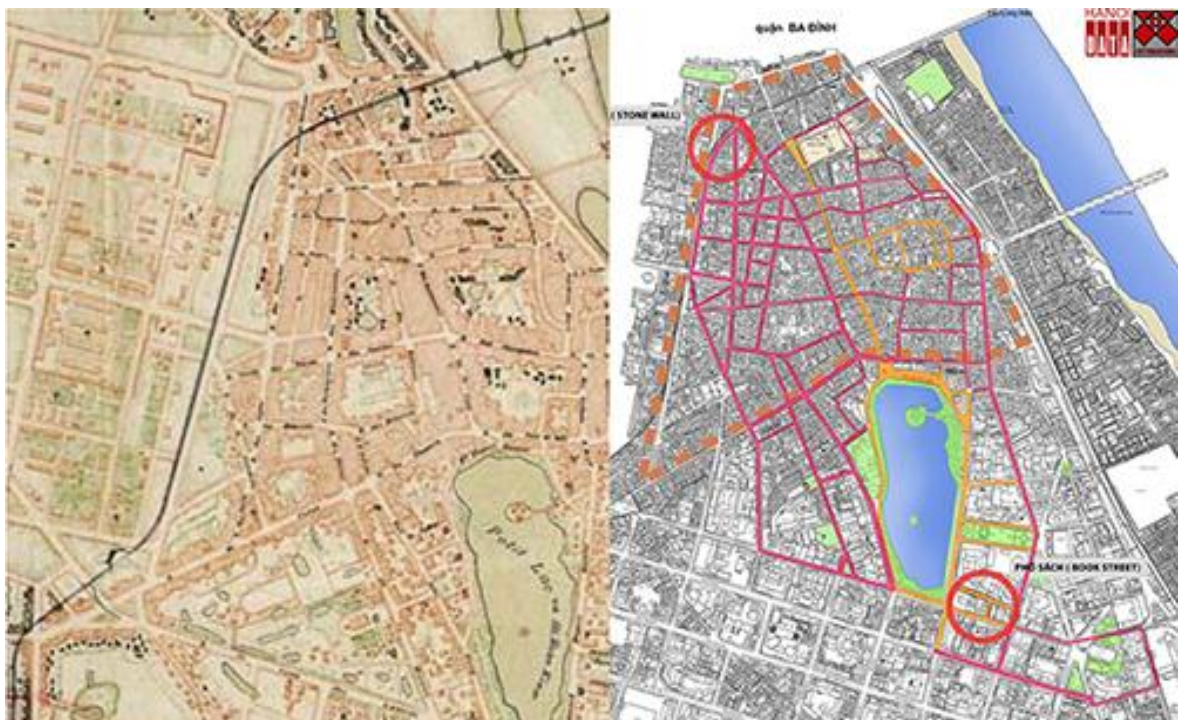
Dự án Phố nghệ thuật Phùng Hưng mới chỉ khởi đầu của công cuộc tái thiết, làm gia tăng giá trị KTCQ của KPC Hà Nội. (hình 3.7)



Hình 3.7: Hoạt động của cộng đồng cư dân trên phố Phùng Hưng[62]

3.7.2.2. Dự án mở rộng không gian tuyến phố đi bộ trong khu phố cổ Hà Nội

Từ thực tiễn thành công của dự án Phùng Hưng, năm 2019, quận Hoàn Kiếm triển khai dự án “Phố đi bộ nghệ thuật kết hợp lễ hội đường phố “Dự án bao gồm: Thiết kế lại các biển báo thông tin tên phố, biển hiệu, các thiết bị đô thị, cột đèn, mái hiên, thùng rác, trạm sạc điện, bồn cây, vỉa hè,...; Và vẽ tranhtrên cửa sắt cuốn và dưới lòng đường (Hình 3.8).



Hình 3.8: Bản đồ Phố Phùng Hưng đầu thế kỷ XX và bản đồ mạng lưới dự kiến phố đi bộ KPC Hà Nội.[62]

Dự án khởi động từ phố đi bộ Phùng Hưng qua Hàng Mã, Hàng Đường, Chợ Đồng Xuân đến chân cầu Long Biên (trong đê và ngoài đê). Trên cơ sở các hoạt động thương mại hiện có, Dự án đề xuất:Hội chợ Trăng Rằm, Chợ Hoa Tết, Chợ Đêm cuối tuần cùng với ẩm thực, sản phẩm thủ công và các lễ hội truyền thống. (Hình 3.9)



Hình 3.9: Dự án “Phố đi bộ nghệ thuật kết hợp lễ hội đường phố” trên phố Phùng Hưng [59].

Dự án bắt đầu từ ý tưởng của các họa sĩ với sự tham gia của cộng đồng cư dân và được sự hỗ trợ của UBND quận Hoàn Kiếm cùng các doanh nghiệp và nhà tài trợ trong nước và quốc tế. Dự án tiến thành theo đúng 5 bước như:

1) Cung cấp thông tin đến người dân: Công chúng được cung cấp thông tin liên quan đến dự án thông qua trưng cầu dân ý, bao gồm: mục tiêu, phạm vi, nguồn lực và kể cả khả năng ảnh hưởng tới các lợi ích của các cộng đồng liên quan trên phố Phùng Hưng.

2) Tham vấn: Thông qua cuộc trưng bày và đối thoại trực tiếp với từng cá nhân, tổ chức liên quan

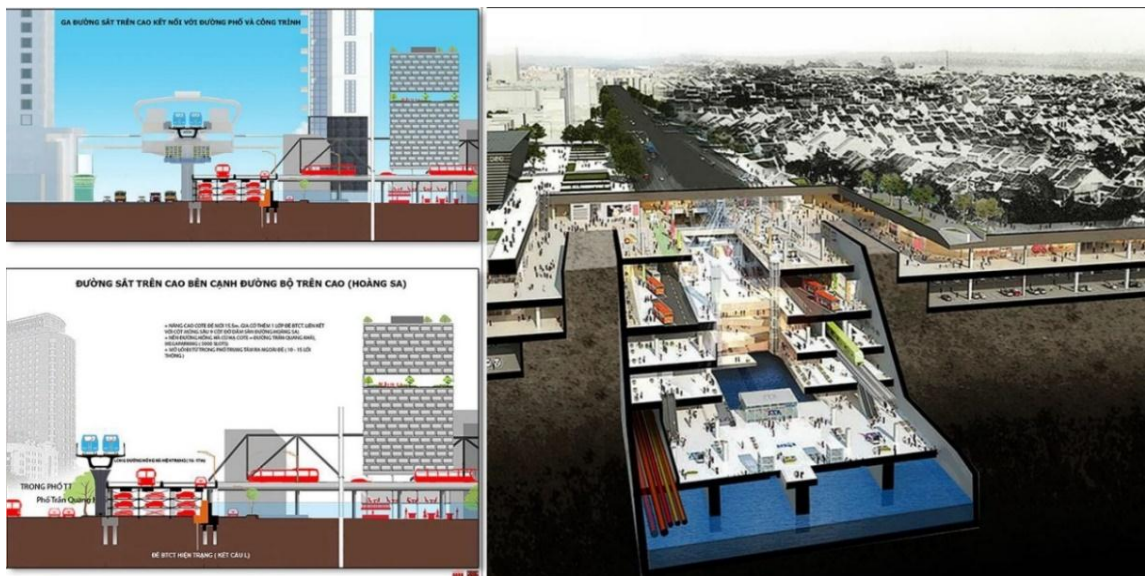
3) Tham gia: Ý kiến cộng đồng được xem xét nhưng quyết định vẫn thuộc về tổ chức có thẩm quyền.

4) Phân quyền: Cộng đồng có thể đàm phán với những người ra quyết định, thỏa thuận về vai trò, trách nhiệm tham gia và mức độ kiểm soát của cộng đồng như là một bên đầu tư.

5) Giám sát: Cộng đồng toàn quyền giám sát các hoạt động triển khai dự án, từ những việc nhỏ nhất, như biển hiệu, hiên chắn nắng, vỉa hè, đến các kiến trúc nhỏ

3.7.2.3. Dự án giành lại vỉa hè, lòng đường cho phố đi bộ

Một thách thức lớn trong KPC Hà Nội đó là vấn đề tổ chức giao thông và không gian đô ô tô, xe máy. Theo báo cáo của Phòng Quản lý đô thị Quận Hoàn Kiếm: Quận có diện tích tự nhiên là 4,53 triệu m² (không kể mặt nước); Năm 2016 đã có 200.000 xe máy và 17.000 ô tô, cần hơn 100 Ha để đỗ xe. Hiện toàn quận có 300 điểm đỗ xe được cấp phép, phần lớn là sử dụng lòng đường, vỉa hè, nhưng cũng chỉ đáp ứng 14%, nhu cầu. Như vậy, tổ chức đủ và quản lý tốt chỗ đỗ xe là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhưng phức tạp, cần có sự TGCD ngay từ giai đoạn hình thành ý tưởng đến đầu tư xây dựng, khai thác, giám sát và đánh giá dự án [40]. Ví dụ, tại không gian đi bộ quanh Hồ Gươm, năm 2016 bố trí 19 điểm đỗ xe, đến nay đã có hơn 100 điểm nhưng vẫn còn nhiều tồn tại. (Hình 3.10)



Hình 3.10: Giải pháp đỗ xe trên cao và dưới ngầm đa lợi ích[16].

Giải pháp hợp lý là bố trí chỗ đỗ xe cần tích hợp với các dự án giao thông lớn hay bố trí chỗ đỗ xe ở vùng cận biên, từ đó sử dụng các phương tiện công cộng vào các không gian KTCQ (Hình 3.17). Tuy nhiên, đây là chương trình lớn, cần khẩn trương thực hiện với sự tham gia của cả xã hội với chính sách khuyến khích huy động các nguồn lực xã hội đầu tư bãi đỗ xe và giao thông công cộng.

3.7.2.4. Dự án “Nghệ thuật công cộng Phúc Tân gần cầu Long Biên”

Tháng 3 năm 2019, quận Hoàn Kiếm đã thu hồi đất lấn chiếm làm chướng ngại vật và rác thải tại bờ Vở và bãi giữa sông Hồng để khởi động dự án “Nghệ thuật công cộng Phúc Tân” với mục tiêu: Nghệ thuật góp phần thay đổi và nâng cao chất lượng không gian công cộng với vai trò của Cộng đồng tự quản. Dự án đã thu hút sự quan tâm của cộng đồng dân cư tại chỗ và chính họ, thông qua cộng đồng tự quản đã góp phần vào thành công bước đầu của dự án. KTCQ khu vực Phúc Tân đã thay đổi theo hướng tích cực: Bãi rác nhường chỗ cho không gian sinh hoạt cộng đồng, nguồn ô nhiễm đã được khắc phục, cộng đồng ngày càng gắn bó với không gian nghệ thuật Phúc Tân. (Hình 3.11)



Hình 3.11: Dự án “Nghệ thuật công cộng Phúc Tân”

Có thể coi, đây là điểm khởi đầu cho một kế hoạch nhiều tham vọng nhưng khả thi với tầm nhìn dài hạn của UBND quận Hoàn Kiếm về quy hoạch và quản lý không gian KTCQ bên bờ sông Hồng. Đó là dự án “Công viên Hải Hòa” gồm bờ Vở và bãi giữa rộng 50 Ha với 200 Ha mặt nước sông Hồng, nơi cư trú của các cộng đồng dễ bị tổn thương, sống trong môi trường ô nhiễm nghiêm trọng. Mục tiêu của dự án là tạo các không gian KTCQ vừa cho phép nâng cấp hạ tầng, kiểm soát ô nhiễm vừa nâng cao chất lượng môi trường sống cho cư dân tại chỗ, đồng thời hấp dẫn cư dân thủ đô đến nghỉ ngơi giải trí. (Hình 3.12, 3.13, 3.14)



Hình 3.12: Dự án Công viên Hải hòa bên bờ sông Hồng Hà Nội



Hình 3.13: Hình ảnh hiện trạng khu vực bờ Vở và bãi giữa sông Hồng, khu vực dự án Công viên Hải hòa.



Hình 3.14: Hình ảnh hiện trạng (tiếp theo), khu vực bờ Vở và bãi giữa sông Hồng, khu vực dự án Công viên Hải hòa.

3.8. Bàn luận:

3.8.1 Quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia cộng đồng

Trên thực tế, trong thành công của công tác quản lý các các dự án bảo tồn, cải tạo và phát huy giá trị không gian KTCQ KPC Hà Nội có sự TGCD, đầu tiên và quan trọng trong việc xây dựng ý tưởng thiết kế để chính quyền quyết định là đóng góp cộng đồng chuyên gia, sau đó là sự kết hợp tham vấn công khai, trực tiếp và minh bạch với các bên liên quan để thực hiện dự án và khai thác sử dụng .

Hiện nay, trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội, sự TGCD được tiến hành theo quy định của Luật pháp, như Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Luật dân sự. Nhưng, hiệu quả của sự TGCD trong các dự án còn thấp và nặng tính hình thức.

Trên thực tế, có nhiều lý do khác nhau hạn chế sự tham gia hiệu quả của cộng đồng trong công tác quản lý. Dễ nhận thấy nhất là người dân còn khá bị động trong việc thực thi quyền và nghĩa vụ của mình. Đa số còn ít quan tâm tới KTCQ. Theo một số kết quả khảo sát gần đây, 95% số người chưa từng tham gia ý kiến về quy hoạch và quản lý đô thị, thậm chí chưa từng tham gia triển lãm lấy ý kiến người dân về quy hoạch và quản lý đô thị; 80% số người chưa chủ động bày tỏ quan điểm về các chính sách của thành phố về quy hoạch.; 50% số người không nhận thức được vai trò và nghĩa vụ tham gia của công dân vào công tác quy hoạch và quản lý đô thị. Và đặc biệt, khi được yêu cầu đánh giá mức hiệu quả của các chính sách quy hoạch và quản lý đô thị, thì hơn 80% cho rằng các chính sách này không thực sự đáp ứng mong muốn của cộng đồng.

Hạn chế nêu trên do 3 nguyên nhân chính:

1. Chính sách chưa thực sự tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia;

2. Cộng đồng dân cư KPC hiện nay đã thay đổi, không còn nhiều ràng buộc với quá khứ. Nhiều chức năng mới xuất hiện làm thay đổi thành phần và cơ cấu dân cư. Ví dụ gần đây có 300 khách sạn và hàng trăm nhà hàng, đại lý du lịch các cơ sở dịch vụ thương mại được cải tạo hoặc xây dựng mới. Đồng thời gần 7.000 hộ dân trong hơn 1.000 ngôi nhà cổ đã di chuyển ra khỏi KPC, thay vào đó là những cư dân mới. [48].

3. Xu hướng toàn cầu hóa tác động mạnh tới KPC. Ví dụ: Thương mại dịch vụ điện tử thay thế dịch vụ truyền thống với tốc độ nhanh hơn tốc độ chuyển đổi chính sách và thể chế quản lý.

3.8.2 Sự hiệu quả của tham gia cộng đồng trong quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội

Luận án kế thừa lý luận TGCD kinh điển của Sherry Arnstein với 8 mức độ TGCD đề xuất điều chỉnh lại thành 5 mức độ phù hợp với đặc điểm phát triển của Hà Nội, từ cộng đồng cư dân - Kẻ Chợ được hình thành và phát triển dựa trên thiết chế dân chủ làng xã nông thôn Việt Nam truyền thống đến cộng đồng dân cư đô thị hóa như hiện nay.

Lý luận kinh điển về TGCD phổ biến tại các quốc gia Âu – Mỹ, đặc biệt là lý luận của Sherry Arnstein (với 8 mức độ TGCD), dựa trên nền tảng cộng đồng cư dân đô thị hóa, nhất là từ giai đoạn tiền công nghiệp, khi các xung đột xã hội gay gắt giữa các cộng đồng tôn giáo, phường hội trong đô thị dẫn đến tình trạng thiếu tin tưởng lẫn nhau và mất đi sự đồng nhất trong khối thị dân, ảnh hưởng đến lợi ích chung của cộng đồng. Do vậy sự TGCD được chia thành 3 mức độ riêng biệt: (1) Công bố thông tin, vận động công chúng; (2) Trao đổi, giáo dục; rồi mới dẫn tới mức (3): Thông báo. Trong khi ở Việt

Nam vốn đã có sẵn những gắn kết bền chặt trong cộng đồng được hình thành qua lịch sử và thử thách qua thực tiễn, nên 3 mức độ TGCD nêu trên được gộp lại thành 1 - Cung cấp thông tin đến người dân. Vấn đề là quy trình cung cấp thông tin phải được xây dựng để thông tin phải đầy đủ, toàn diện và minh bạch.

Mức độ 4 chuyển thành Mức độ 2: “Tur vấn / tập hợp ý kiến”. Mức độ 5 thành mức độ 3: “Tham gia” giữ nguyên nội dung và tăng cường phát triển các hoạt động nhằm cho mức độ TGCD trong 2 mức độ này được tích cực hơn. Đây là những điểm mới để sự TGCD có ảnh hưởng quyết định tới lợi ích chung. Trong Luận án, quản lý KTCQ - vốn có ranh giới sở hữu chung / riêng mỏng manh, nên cần sự TGCD một cách đầy đủ và toàn diện nhằm tạo sự thống nhất cao trong giai đoạn hình thành KTCQ và quá trình sử dụng, trong đó Chính quyền - đại diện cho lợi ích Nhà nước có vai trò quan trọng, không chỉ cam kết mà còn dẫn dắt, định hướng cộng đồng.

Ví dụ: Mức độ 1 - Cung cấp thông tin đến người dân cần phải rõ ràng các chỉ tiêu, kết quả mong muốn đạt được để có khung giải pháp quản lý phù hợp; Phạm vi, nguồn lực, các lợi ích liên quan cần được mô tả trung thực các khía cạnh. Ví dụ ở Singapore, các chỉ tiêu đặt ra rất cụ thể: 8m² cây xanh/ người dân; Mở rộng 900 Ha hồ chứa nước và 100 Km đường thủy cho giải trí, đi lại... (Hình 3.15).



Hình 3.15: “Thiết kế thành phố của chúng ta –Singapore 2030”

Mức độ 2 và 3; “Tư vấn - tập hợp ý kiến - Tham gia” là giai đoạn người dân có tiếng nói bày tỏ quan điểm. Đây là bước hình thành Tầm nhìn để tiến tới lập Kế hoạch khung phát triển toàn diện. Giai đoạn này nằm trong chương trình phát triển chung của Thành phố, thể hiện quyền lãnh đạo tập trung. Do vậy có phần hạn chế những ý kiến riêng biệt của cá nhân hoặc nhóm cộng đồng riêng rẽ mà chú ý nhiều hơn đến sự tham gia của cộng đồng chuyên gia, Ví dụ: Quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị cần có sự tham gia của cộng đồng tại chỗ, nhưng do tính liên ngành với các kế hoạch phát triển quy mô lớn (giao thông, thoát nước,...) có tính phức tạp nên cần sự TGCD chuyên gia.

Mức độ 4: “Phân quyền/ Trao quyền” Sau khi tham vấn cộng đồng về tầm nhìn chung, về nội dung của từng dự án,... để đồng thuận tạo ra khung phát triển toàn diện. Vai trò của cộng đồng được nhấn mạnh. Người dân có

thể đàm phán với người ra quyết định, bao gồm thỏa thuận về trách nhiệm và mức độ kiểm soát. Cộng đồng, vì thế được phân chia một phần quyền lực.

Mức độ 5 “Giám sát/ Kiểm soát”: Đây là mức tham gia cuối cùng trong trình tự 5 bước tham gia, Công chúng có toàn quyền quyết định và hành động. Sự tham gia của công chúng bằng nguồn lực của các bên với sự đồng thuận cao. Khi các bên đã cùng mục tiêu và cùng thúc đẩy để tới mục tiêu nhanh hơn bằng hành động Giám sát/ kiểm soát thông qua cơ chế Hội đồng hay Trực tiếp đưa ra các ý kiến đánh giá và điều chỉnh (Bảng 3.3)

5 mức độ tham gia cộng đồng	Những nội dung cần đáp ứng
<p>1-Cung cấp thông tin đến người dân Công chúng được cung cấp thông tin liên quan đến Dự kiến đến các dự án đầu tư, bao gồm: mục tiêu/ phạm vi/ nguồn lực/ Khả năng ảnh hưởng tới các lợi ích của các cộng đồng liên quan</p>	<p>Mục tiêu của các dự án muốn TGCD phải rõ ràng các chỉ tiêu/ kết quả mong muốn đạt được để có khung giải pháp quản lý phù hợp Phạm vi, nguồn lực, các lợi ích liên quan cần mô tả trung thực, toàn bộ các khía cạnh</p>
<p>2-Tư vấn/ tập hợp ý kiến Công chúng có tiếng nói nhưng không có quyền bày tỏ quan điểm</p>	<p>Đảm bảo Dân chủ nhưng cần tập trung. Ý kiến của cộng đồng cần sự trợ giúp của các chuyên gia</p>
<p>3-Tham gia: Ý kiến cộng đồng được xem xét nhưng quyết định vẫn thuộc về cơ quan có thẩm quyền</p>	<p>Chính quyền địa phương có trách nhiệm cân bằng lợi ích các bên sau các tranh biện/ giải trình</p>
<p>4-Phân quyền/ Trao quyền: Công chúng có thể bắt đầu đàm phán với những người ra quyết định, bao gồm thỏa thuận về vai trò, trách nhiệm và mức độ kiểm soát Công chúng được phân chia một phần quyền lực</p>	<p>Sau khi tham vấn cộng đồng nhìn để đồng thuận tạo ra Khung phát triển toàn diện ...Đã rõ các nội dung từng dự án/ đối tác tham/ khả năng mức độ gia... Vai trò chủ thể của cộng đồng được nhấn mạnh</p>
<p>5-Giám sát/ Kiểm soát: Công chúng có toàn quyền quyết định và hành động</p>	

Bảng 3.3 Nội dung của từng bước trong 5 mức độ TGCD

3.8.3 Sự cần thiết đổi mới mô hình quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng

Thực tế hơn 30 năm phát triển trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cho thấy sự cần thiết phải đổi mới mô hình và phương thức quản lý KTCQ KPC Hà Nội.

KTCQ KPC Hà Nội có giá trị tài sản vật chất như đất đai, công trình kiến trúc và giá trị tinh thần như lối sống và sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng... Khi nền kinh tế từng bước phát triển, thu nhập của người dân KPC dần được nâng cao thì nhu cầu về văn hóa, tinh thần càng được chú trọng. Điều đó đòi hỏi công tác quản lý KTCQ phải chú ý cả 2 mặt vật chất và tinh thần của không gian, đáp ứng nhu cầu phát triển của thời đại.

Kết quả nghiên cứu của luận án chỉ rõ, đổi mới công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội chủ yếu tập trung vào các vấn đề:

- Đẩy mạnh phương thức phân quyền trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội, trong đó chú trọng đảm bảo cân bằng trách nhiệm và lợi ích của các bên liên quan như Chính quyền, Người dân – Cộng đồng, Doanh nghiệp;
- Đề cao vai trò chỉ đạo, dẫn dắt của chính quyền và chú trọng các sáng kiến cộng đồng, sự tham gia trực tiếp của cộng đồng;
- Chuyển đổi từ phương thức quản lý hành chính bằng các quy định, quyết định sang đối thoại, hợp tác kiến tạo.
- Sử dụng thành thạo các công cụ quản lý mới dựa trên nền tảng của công nghệ số.

3.8.4 Phát huy hiệu quả công tác quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng tự quản.

Quản lý KTCQ KPC Hà Nội là một quá trình quản lý thống nhất dự án từ quyết định lựa chọn ý tưởng đến triển khai đầu tư thực hiện và quản lý khai thác sử dụng, trong đó có sự tham gia của nhiều tác nhân và nhóm cộng đồng khác nhau. Bên cạnh những nhóm cộng đồng lớn, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp có các nhóm cộng đồng tự quản thường ở quy mô nhỏ. Trong khi nhiều nhóm cộng đồng lớn có thể được tổ chức thành các doanh nghiệp xã hội tham gia vào thực hiện dự án, thì sự tham gia của các tổ chức cộng đồng tự quản mang lại hiệu quả thiết thực trong khai thác sử dụng và chăm sóc, bảo trì không gian KTCQ. Bởi vì cộng đồng tự quản là một tập hợp chủ yếu những cư dân có cùng mối quan tâm và là người trực tiếp sử dụng không gian KTCQ. Vì thế, hơn ai hết, họ hiểu và có trách nhiệm với không gian KTCQ vì lợi ích trước hết của chính họ và sau đó là vì cộng đồng. Các thành viên của cộng đồng tự quản dễ dàng trao đổi thảo luận và cùng nhau thống nhất các kế hoạch hoạt động một cách chủ động. Sự tham gia hiệu quả của cộng đồng tự quản còn có giá trị tích cực trong truyền thông, dễ dàng lan tỏa ý nghĩa tích cực trong cộng đồng, góp phần khuyến khích sự tham gia của cộng đồng cũng như nâng cao nhận thức xã hội của cộng đồng.

Có mô hình Cộng đồng tự quản hoạt động như mô hình doanh nghiệp xã hội trong khi Luật Doanh nghiệp chưa có quy định, do vậy tùy theo từng bối cảnh sẽ hình thành các cộng đồng tự quản mới do Chính quyền bảo trợ và giám sát, Doanh nghiệp xã hội sẽ lựa chọn mô hình hoạt động kiểu hợp tác xã hay công ty cổ phần. Trong đó: Các cấp chính quyền địa phương (UBND Thành phố, quận và phường) sẽ là đại diện vốn Nhà nước, góp vốn bằng quyền sử dụng đất đai, tài sản trên đất thuộc sở hữu công và chiếm tỷ trọng chi phối; Các thành viên góp vốn khác thuộc các nhóm có cùng địa bàn cư trú,

cùng nghề nghiệp, ngành hàng kinh doanh và hình thức hoạt động,... sẽ cử đại diện tham gia Ban Quản trị và Ban điều hành, trong đó đại diện vốn nhà nước không đóng vai trò lãnh đạo hay đại diện tổ chức mà chỉ thực hành trách nhiệm giám sát, bảo toàn tài sản công theo quy định

Mô hình cộng đồng tự quản đang được triển khai, thử nghiệm và hoàn thiện, khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý đô thị để nâng cao vai trò TGCD. Cộng đồng tự quản, nếu được thừa nhận và trao quyền thì hoạt động tham gia của họ trong công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội càng được khuyến khích và có hiệu quả cao hơn.

3.8.5 Quy chế quản lý kiến trúc cảnh quan khu phố cổ Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.

Để triển khai thực hiện hiệu quả các dự án tổ chức KTCQ KPC Hà Nội cần thiết sự phối hợp chặt chẽ của các cấp chính quyền, người dân, doanh nghiệp, các tổ chức, đoàn thể xã hội và chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực. Đồng thời cần có hệ thống đồng bộ các văn bản pháp luật, quy chuẩn và quy chế quản lý. Đối với các KPC cơ quan quản lý chính có vai trò kết nối các bên liên quan để triển khai thực hiện dự án tổ chức không gian KTCQ là Ban quản lý phố cổ.

Bên cạnh các văn bản pháp quy và quy chế quản lý chuyên ngành khác, theo Luật Kiến trúc (2019), quy chế quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD là văn bản cần thiết, không chỉ giúp cho việc quản lý thực hiện dự án đúng theo thiết kế KTCQ đã được phê duyệt mà còn có tác dụng tích cực trong việc kết nối cộng đồng, tạo sự gắn bó của cộng đồng với nơi cư trú, đồng thời góp phần nâng cao trách nhiệm và khuyến khích sáng kiến cộng đồng cũng như sự tham gia tích cực của cộng đồng vì lợi ích chung của xã hội.

Để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý KTCQ nói chung, thì cần thiết tham khảo kinh nghiệm của quản lý KTCQ KPC Hà Nội trong nghiên cứu, xây dựng quy chế quản lý KTCQ với sự TGCD phù hợp với đặc điểm và điều kiện của địa phương.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trải qua các giai đoạn hình thành và phát triển hơn 1000 năm, KPC đã được định hình là một thành phần đặc trưng của cấu trúc đô thị Thăng Long – Hà Nội. Ngày nay KPC Hà Nội sở hữu những giá trị không gian KTCQ và văn hóa lịch sử độc đáo được nhà nước công nhận là di sản quốc gia.

Những năm gần đây, tốc độ phát triển nhanh về kinh tế, xã hội, đặt KTCQ KPC Hà Nội trước những thách thức về nguy cơ mất dần những giá trị văn hóa kiến trúc truyền thống, đồng thời cũng đặt ra sự cần thiết, có thể nói là cấp bách về việc đổi mới công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội trong đó chú trọng đến sự TGCD.

Luận án đi sâu phân tích thực trạng quản lý KTCQ KPC Hà Nội, nghiên cứu đổi mới công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD và đã đạt được những kết quả chính:

1. Đề xuất các nguyên tắc quản lý KTCQ, trên cơ sở đó đổi mới mô hình và phương thức quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD. Trong đó nhấn mạnh nguyên tắc phân quyền trong quản lý và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý;

2. Nghiên cứu lý thuyết TGCD kết hợp nhận diện đặc điểm của cộng đồng dân cư KPC Hà Nội để đề xuất giải pháp TGCD phù hợp với đặc điểm của KPC Hà Nội. Đó là đề xuất, về phương diện lý thuyết 5 mức độ TGCD phù hợp với đặc điểm và điều kiện của Hà Nội, trên cơ sở vận dụng 8 mức độ TGCD của S. Arnstein kết hợp với các quy tắc TGCD truyền thống thông quan Hương ước;

3. Xây dựng mô hình cộng đồng tự quản trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội. Mô hình cộng đồng tự quản không phải là đề xuất mới mà là sự kế thừa có phát triển những giá trị tích cực của phương thức tổ chức và TGCD truyền

thống trong lịch sử nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của cuộc sống đương đại trong quản lý KTCQ KPC Hà Nội.

Trong lịch sử phát triển xã hội Việt Nam, sự TGCD trong quản lý xã hội nói chung và quản lý không gian KTCQ KPC Hà Nội nói riêng luôn tồn tại với các thiết chế và hình thức tổ chức khá chặt chẽ, trong đó có mô hình tự quản. Vai trò của cộng đồng tự quản giảm dần và từng bước được khôi phục từ sau khi chính sách Đổi mới vào cuộc sống. Tuy vậy, nhận thức đầy đủ về TGCD vẫn chưa đầy đủ và toàn diện, dẫn đến việc thực hành còn nhiều bất cập, trong khi sức sáng tạo và nguồn lực từ cộng đồng là đáng kể.

4. Đề xuất quy chế quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD. Trên cơ sở nhận thức những hạn chế của công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội hiện tại, Quy chế quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD được đề xuất. Quy chế có giá trị huy động sự TGCD hiệu quả nhất trong quá trình triển khai và quản lý sử dụng KTCQ KPC Hà Nội, đảm bảo sự phát triển hiện đại, bền vững và có bản sắc của KPC Hà Nội.

Hy vọng kết quả nghiên cứu của luận án có thể được khai thác để vận dụng trong các trường hợp của các đô thị khác trên cả nước.

2. Kiến nghị

Nội dung luận án đã phân tích thực trạng quản lý KTCQ KPC Hà Nội với sự TGCD và đề xuất một số giải pháp đổi mới mô hình quản lý KTCQ với sự TGCD, trong đó có cộng đồng tự quản đạt hiệu quả tối đa.

Đây là những giải pháp được nghiên cứu, tổng kết từ thực tiễn quản lý nhằm thích ứng với những đòi hỏi mới của cuộc sống xã hội và phát triển đô thị. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các giải pháp có thể được triển khai trong thực tiễn quản lý KTCQ KPC Hà Nội, luận án có một số kiến nghị các cơ quan quản lý cấp trên như sau:

Đối với cơ quan Thành phố Hà Nội:

Tạo điều kiện thuận lợi về pháp lý và tài chính để quận Hoàn Kiếm có thể vận dụng kết quả nghiên cứu trong việc triển khai mở rộng tiếp tục phố đi bộ trong quận Hoàn Kiếm, từ phố đi bộ Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Đường, Đồng Xuân, khu vực quanh Hồ Gươm và khu vực phụ cận đã được triển khai đến các phố Hàng Buồm Mã Mây, và vùng kế cận khu phố cổ, như :khu dân cư ngoài đê sông Hồng, tiếp giáp tới khu phố cổ, khu phố thời phố Pháp giáp với khu vực hồ Gươm, nơi có các dự án giao thông lớn đang tác động đến khu phố cổ....

Đây là cơ hội tốt để đẩy mạnh sự TGCD tạo cơ hội sinh kế, việc làm cho cư dân đồng thời góp phần nâng cao giá trị tổng thể KTCQ KPC Hà Nội. Đây cũng là các dự án triển khai, cụ thể hóa một cách đồng bộ theo các quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết, hạ tầng kỹ thuật và các Thiết kế đô thị được phê duyệt.

Phê duyệt các quy chế quản lý KTCQ với sự TGCD trên từng khu vực của KPC Hà Nội làm cơ sở quản lý thực hiện các dự án theo đúng thiết kế và kế hoạch cũng như tạo sự gắn kết cộng đồng với nhau, với nơi cư trú vì sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội.

Đối với cơ quan Quận Hoàn Kiếm và các sở ngành liên quan:

Phối hợp chủ động tổ chức quản lý thực hiện Dự án “Phố đi bộ nghệ thuật kết hợp lễ hội đường phố” và “Nghệ thuật công cộng dưới chân cầu Long Biên”. Khi thực hiện, sau từng giai đoạn cần được tổng kết, đánh giá và rút ra bài học thực tiễn để hoàn thành tốt nhất dự án, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển toàn diện KPC Hà Nội.

Đối với các trường Đại học, Viện nghiên cứu, các chuyên gia về quản lý đô thị:

Tạo điều kiện, ủng hộ và phối hợp tiếp tục nghiên cứu sâu hơn không chỉ về lý thuyết mà cả về thực tiễn đổi mới công tác quản lý KTCQ KPC Hà Nội với những đề xuất giải pháp thiết thực vì sự phát triển của thành phố Hà Nội Xanh – Văn Minh và cộng đồng cư có cuộc sống hạnh phúc.

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Phạm Tuấn Long (2014) “*Một số đề xuất nhằm đưa Quy chế Khu phố Cổ Hà Nội vào cuộc sống*”, Tạp chí Kiến trúc, Hội Kiến trúc sư Việt Nam số 230 tháng 6 năm 2014, ISSN:0866-8617
2. Phạm Tuấn Long (2015) “*Công tác bảo tồn, tôn tạo các giá trị văn hóa vật thể trong Khu phố Cổ Hà Nội*”, Tạp chí Kiến trúc, Hội Kiến trúc sư Việt Nam số 238 tháng 2 năm 2015,ISSN:0866-8617.
3. Phạm Tuấn Long, Nguyễn Việt Huy (2018) “*Quản lý kiến trúc cảnh quan KPC Hà Nội và sự tham gia của cộng đồng*”, Tạp chí Kiến trúc, Hội Kiến trúc sư Việt Nam số 277 tháng 5 năm 2018,ISSN:0866-8617.
4. Phạm Tuấn Long (2018) “*Quản trị khu phố cổ Hà Nội trong bối cảnh toàn cầu hóa*”, Tạp chí Kiến trúc, Hội Kiến trúc sư Việt Nam số 282 tháng 10 năm 2018, ISSN:0866-8617.
5. Phạm Tuấn Long (2018) “*Vai trò của khoa học di sản trong thực hành bảo tồn*”, Tạp chí Kiến trúc, Hội Kiến trúc sư Việt Nam số 282 tháng 10 năm 2018, ISSN:0866-8617.

TÀI LIỆU THAM KHẢO**A. Tiếng Việt**

- [1]. Vũ Thị Mai Anh, “*Đời nay cung tiến, đời sau phụng thờ*”, NXB Thế giới, 2017. (99)
- [2]. Trần Huy Ánh, “Lịch sử Hà Nội qua tư liệu bản đồ”, *Tạp chí KTVN – Người đô thị*, Dân trí 2018-2019 (38, 73,100,150)
- [3]. Bộ Văn hóa - TT, Quyết định số: 14/2004/QĐ-BVHTT, 2004 (17)
- [4]. Bộ Xây dựng, Quyết định số 70 BXD/KT- QH, 1995 (15)
- [5]. Ban Quản lý phố cổ Hà Nội, “*Kỷ niệm 20 năm hoạt động BQL*”, 2015(61)
- [6]. Bộ Xây dựng, “Thông tư 07/2008/TT-BXD”, 2008.(86)
- [7]. Bộ KH&ĐT UNDP, Cơ quan phát triển Thụy Sĩ, “Sổ tay hướng dẫn tham gia cộng đồng vào quá trình lập kế hoạch phát triển bền vững”, 2001 (32)
- [8]. Chính phủ, “Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020” Quyết định số 432/QĐ-TTg: (17)
- [9]. Chính phủ, “Định hướng chiến lược phát triển bền vững Việt Nam “số 153/2004/QĐ-TTg, 2004 (71)
- [10]. Chính phủ, “Kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn 2030” số 166/QĐ-TTg, 2014, (74)
- [11]. Chính phủ, “Pháp lệnh Dân chủ cơ sở ở xã, phường, thị trấn”, số 34/2007/PL-UBTVQH11, 2007.(86)
- [12]. Chính phủ, “Nghị định về Quản lý kiến trúc đô thị” số 29/2007/NĐ-CP.(86)
- [13]. Chính phủ, Nghị định “Quy định về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị” số 38, 2010.(86)
- [14]. Chính phủ, Nghị định về “Quản lý cây xanh đô thị”, số 64, 2010 (86)

- [15]. Viên Mai Nguyễn Công Chí, “Chuyển cũ bên dòng sông Tô”: *NXB Văn Học*, 2010. (99)
- [16]. City Solution, “Giải pháp tổ chức giao thông, phát triển đô thị Hà Nội” VNN 2018,2018 (155,157,158,159)
- [17]. Phạm Ngọc Đăng, Chủ nhiệm đề tài Dự thảo “Chiến lược Quốc gia về phát triển Công trình xanh đến năm 2020, định hướng 2030”,2013(71)
- [18]. Đại Việt sử ký toàn thư (87)
- [19]. Pierre Clement,... “Hà Nội, Chu kỳ đổi thay”. Hà Nội: NXB Khoa học Kỹ thuật, 2004. (90)
- [20]. HanoiData, “Tư liệu sử tầm và biên tập” (25,27,28,88 ...96)
- [21]. HAIDEP, “Pano triển lãm Quy hoạch Hà Nội” 2005.(114)
- [22]. Trần Thọ Hiền, Luận án Tiến sĩ “*Quản lý không gian KTCQ.. nội đô lịch sử Hà Nội*”, Đại học Kiến trúc Hà Nội 2017.(44,45,46,58,66)
- [23]. Đinh Thị Thùy Hiền, “*Hương ước Thăng Long Hà Nội trước năm 1945*” NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017. (75,98)
- [24]. Đặng Thái Hoàng, “*Dẫn luận về Kiến trúc cảnh quan*” NXB Mỹ thuật, 2018.(30,70)
- [25]. Tạ Quỳnh Hoa, Luận án Tiến sĩ “*Quy hoạch chi tiết đô thị có sự tham gia cộng đồng tại Việt Nam*”, Đại học Xây dựng 2015(32,34,66)
- [26]. Nguyễn Việt Huy, “Quản lý kiến trúc cảnh quan KPC Hà Nội và sự tham gia của cộng đồng”.TCKT 2018 (107)
- [27]. Nguyễn Thừa Hỷ, “*Thăng Long – Hà Nội trong mắt một người Hà Nội*”,NXBThông tin và Truyền thông 2018, (87)
- [28]. Nguyễn Thừa Hỷ, “Khu phố Tây ở Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX qua tư liệu địa chính”.NXB Hà Nội 2017.(117)
- [29]. Phạm Sĩ Liêm “*Tân kinh tế thể chế*” NXB tri thức 2018 (84)
- [30]. Phạm Thúy Loan, “Khu phố cổ Dadaocheng...,” KTVN 2015 (83)

- [31]. Lưu trữ Quốc gia (Trung tâm 1), “Quy hoạch đô thị và địa giới hành chính Hà Nội 1873-1954” (48,49)
- [32]. Hồ Chí Minh, “Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời về bảo tồn cổ tích” số 65, ngày 23/11/1945 (72)
- [33]. Nhóm tác giả, “*Từ điển Bách khoa Việt Nam*”. NXB Thế giới, 1993.(21)
- [34]. Đào Thị Như, “Sự tham gia cộng đồng ... bảo vệ di sản KT&DT Hà Nội” *Tạp chí Quy hoạch Đô thị*, 2018. (103,104)
- [35]. Nikken Seikkei, “Đề xuất dự thi giải pháp giao thông Hà Nội và QH phân khu ga Hà Nội và phụ cận” 2017.(121)
- [36]. Dự án hợp tác phát triển đô thị Hà Nội – Vùng Ile-de-France, “Xây dựng đô thị -Đổi chiều phương pháp công cụ lập và thực hiện quy hoạch đô thị ở Pháp và Việt Nam: Hà Nội – Vùng Ile-de-France; Vùng Rhoner- Alpes/ Luion/Tp Hồ Chí Minh”, PADDI, IMV- 2012 (161,162,163)
- [37]. Philippe Papin, “*Lịch sử Hà Nội*” NXB Mỹ Thuật, 2010.(35,98,101)
- [38]. Nguyễn Ngọc Quang, “Hiện trạng chính sách và hạ tầng cho giao thông phi cơ giới Hà Nội” Nghiên cứu của HealtBridge, 2017. (92)
- [39]. Quận Hoàn Kiếm “Báo cáo phòng Thống kê”, 2019, (85)
- [40]. Quận Hoàn Kiếm “Báo cáo phòng Quản lý đô thị”, 2016, (154)
- [41]. Quận ủy Hoàn Kiếm, “Về công tác quản lý bãi Giữa, bãi ven sông Hồng trên địa bàn quận Hoàn Kiếm”, 2018 (158, 160)
- [42]. Quốc Hội, “Luật Quy hoạch đô thị”,. 2015..(19,85)
- [43]. Quốc Hội, “Luật Di sản văn hóa”, 2009 (20,86)
- [44]. Quốc Hội, “Hiến pháp Nước CHXHCN Việt Nam” năm 2013 (22)
- [45]. Quốc hội, “Luật Xây dựng”, 2014, (85)
- [46]. Quốc Hội, “Luật đất đai” số 45/2013/QH13, 2013.(86)
- [47]. Quốc hội, “Luật thủ đô số 25/2015/QH13 và Quy chế quản lý khu phố cổ Hà Nội” (86)

- [48]. SO, Jin Kwang, “Chuyển đổi mô hình quản trị đô thị mới”. ĐH Gachon (Hàn Quốc); Bài giảng cho lãnh đạo Đô thị, UN HabitatVN(124)
- [49]. Sở Du lịch Hà Nội “Thống kê”, 2018 (39)
- [50]. Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội, “Hồ sơ Dự án bảo tồn khu phố cổ Hà Nội”, 1998 (146)
- [51]. Trần Hùng, Nguyễn Quốc Thông, Thăng Long-Hà Nội mười thế kỷ đô thị hóa. NXB Xây dựng 1995
- [52]. Nguyễn Quốc Thông, Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương Tây, NXB Xây dựng, 2000
- [53]. Lê Văn Lân, Kiến trúc Thăng Long-Hà Nội, NXB Hà Nội, 2019(83)
- [54]. Thành phố HCM, Hội thảo “Bảo tồn và phát triển di sản kiến trúc trong đô thị hiện đại”, ngày 10/6/2019.(40)
- [55]. Thành phố Hà Nội, “Quy chế quản lý Quy hoạch kiến trúc khu phố cổ” số 6398/QĐ-UBND, năm 2013 (60)
- [56]. Thành phố Hà Nội, “Điều lệ tạm thời về quản lý xây dựng, bảo tồn, tôn tạo Phố cổ Hà Nội” số 45/1999/QĐ-UB, năm 1999 (60)
- [57]. Thành ủy Hà Nội “*Hà Nội xây dựng và đấu tranh*” NXB Sự Thật 1995 (115)
- [58]. Trần Quốc Thái, Nguyễn Quang, Yap Kioe Sheng “Báo cáo quốc gia cho Hội nghị Liên hiệp quốc về nhà ở và phát triển bền vững” Habiatt III, NXB Công thương, 2016(157)
- [59]. Trần Hậu Yên Thế, “Nhận diện bản sắc văn hóa Kẻ chợ ... “, Mỹ thuật Nhiếp ảnh số 3(81), 2019, (153)
- [60]. Nguyễn Quốc Thông - Trần Hùng “*Thăng Long – Hà Nội, 10 thế kỷ đô thị hóa*”, NXB Xây Dựng, 1995 (87)
- [61]. Nguyễn Viết Tuân, “Phố đi bộ Phùng Hưng: tác phẩm thì không nên có xé, xóa, xoạc!”, *Tuổi Trẻ*, 2017 (129)
- [62]. Trung tâm giao lưu văn hóa phố cổ -50 Đào Duy Từ “Tư liệu “(29,35)

- [63]. Ủy ban VH -GD, Thanh thiếu niên và Nhi đồng Quốc hội “Đường sắt đô thị sẽ xâm phạm di tích hồ Hoàn Kiếm “. *VN Express*, 2018 (128)
- [64]. Đặng Huy Vận, “Phong Trào Yêu Nước Việt Nam Cuối Thế Kỳ XIX - Đầu Thế Kỳ XX” NXB Đại Học Quốc Gia TpHCM, 2019(101)
- [65]. Nguyễn Khắc Viện, “*Từ điển Xã hội học*” NXB Thế Giới, 1992.(21,31)

B. Tiếng Anh

- [66]. Athens Charter “Restoration of Historic Monuments “,1931 (72)
- [67]. Ben Welle, Qingnan Liu, Li Wei, Robin Claudia ... “Cities Safer by Design “. World Resources Institute.2015 (160)
- [68]. CIAM “International Congress of Modern Architecture “(1928-1956).(15)
- [69]. Charles Marville, « Paris avant et après Haussmann “,(F)Le Figaro 2009 (115)
- [70]. CityHall KL, Kuala Lumpur Structure Plan 2020.(115, 140,145)
- [71]. CondoLegal, “Assemblée des copropriétaires “(F), Condolégal.com 2018 (147)
- [72]. Douglass C. North, “New Institutional Economics “,Journal of Institutional and Theoretical Economics (JITE),1986(83)
- [73]. George E. Peterson “Unlocking Land Values to Finance Urban Infrastructure “, Wold Bank, PPIAF, 2008 (125,157)
- [74]. Hiroaki Suzuki, “.Eco2 Cities -Guide for Developing Ecologically Sustainable and Economically Viable Cities “, World Bank 2011(129,143)
- [75]. ICOMOS, “The Washington Charter: Charter on the Conservation of Historic Towns and Urban Areas “,1987(72)
- [76]. ICOMOS, “Burra Charter: for Places of Cultural Significance “,1999 (72)
- [77]. ICOMOS “Florence Charter: on Historic Gardens “, 1981(72)
- [78]. Jan Gehl “Life Between Buildings “Island Press,, 2011 (93)
- [79]. Jean – Paul Lacaze, “Méthodes d “urbanisme “. (F), Presses universitaires de France, 2010. (105)
- [80]. Jody Kretzmann and John McKnight, “Asset Based Community Development “Nurture Development 2018, (130)
- [81]. Jocblyne Dubois- Maury Claude Chaline, “Les risques urbains “(Các rủi ro của Đô thị), Paris A. Colin impr. 2004, (159)

- [82]. Jurgen Habermas, “Agreements and Arguments in Communicative Planning Theory “, <http://archiesta.blogspot.com/2012>, (80)
- [83]. M&Narayan, D Woolcock, Social capital; Implications for Development Theory, Research, and Policy.: The WB Research Observer, 2000, (82)
- [84]. Nobuharu Shuzuki, “The Frontiers of Urban Heriatage Consevation in Asuan Cities “GlobalCoperation Institute for Sustainable Cities (GCI) Yokohama City University,2017. (115)
- [85]. Ostrom, Elinor, “Handbook of New Institutional Economics “Ostrom, Elinor, Workshop NY.2005(83)
- [86]. P.Cremonini Ensaplv, Work shop AIAC. Hà Nội, 2015. (91,93)
- [87]. Peter Jacobs, “Contemporary Landscapes in the World “(68)
- [88]. Pierre Gourou, “Les Paysans du Delta Tonkinois. “(F)Etude de Géographie humaine. Paris, Les Editions d “Art et d “Histoire, 1936(97)
- [89]. Pietro Garau, “Global Public Space Toolkit “,UN Habitat, Sida, INU 2015(160)
- [90]. Ronald Coase, “The New Institutional Economics “, American Economic Association, 1998 (83)
- [91]. Samuel Paul, Community participation in development projects: the World Bank Washington DC, 1987. (79)
- [92]. Saori Kashihara, “Transformation mechanism of commercial streets in Hanoi “s Old Quarter “, Tokyo 1 University 2018.(84,104)
- [93]. Sanoff, H. “Community participation methods in design and planning “New York: Wiley, 2000. (128)
- [94]. Singapore “Designing Our City –2018 “(141)
- [95]. Tim Waterman, “The Fundamental of Landscape Architecture,
- [96]. AVA Publishing SA, 2009.(21)
- [97]. Thuc Vu Quoc, “L “économie communaliste du Vietnam “(F) Ed.Presse Universitaire, Hanoi, 1951.(97)

- [98]. UNESCO. "Convention concerning the Protection of the World Cultural and Natural Heritage ", 1972, (72)
- [99]. UN Habitat "The Ninth session of the World Urban Forum - WUF 9 "<https://consortiumforsustainableurbanization.org>,2018 (141)
- [100]. UN Habitat, Federal Ministry for Education and Research (German) "Rapid Planning Project: Sustainable Infrastructure, Environmental and Resource Management for Highly Dynamic Metropolises ".2019, (143)
- [101]. Venice Charter in 1964.(15)
- [102]. Venice Charter, Adopted by ICOMOS in 1965.(72)
- [103]. World Bank (1996), "The World Bank Participation Source Book. "(33)
- [104]. World Bank "Social Capital Assessment Tool (SCAT) ",1999, (83)

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I.

Giá trị KTCQ hiện đại của KPC Hà Nội

Sau khi chiếm Hà Nội (1883), người Pháp thay đổi căn bản cấu trúc KGĐT Hà Nội theo mô hình quy hoạch phương Tây. Khu phố cổ từ một cấu trúc khép kín chuyển sang phá bỏ các cổng phố tạo thành các mạng đường phố liên tục.

Những công trình đầu tiên ở Hà Nội do các sĩ quan công binh thiết kế và xây dựng. Hà Nội thực sự xây dựng bài bản theo quy hoạch hiện đại sau khi người Pháp thành lập sở Kiến trúc và Quy hoạch đô thị tại Hà Nội (1921) với những đóng góp quan trọng của Giám đốc đầu tiên, KTS. Ernest Hébrard. [22].[19]

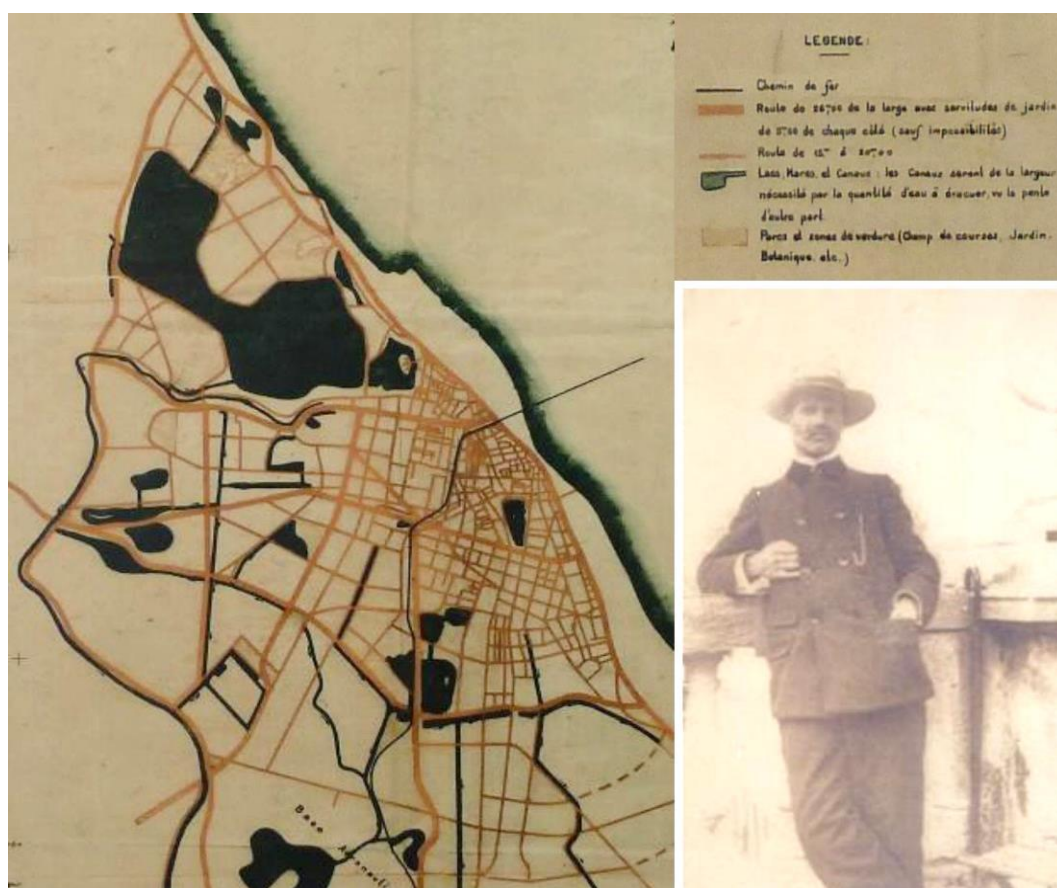
KTS E. Hébrard đã lập Quy hoạch chung Hà Nội (1925) dựa trên nguyên lý phân vùng chức năng – nguyên lý quy hoạch hiện đại, bấy giờ vừa mới được phổ biến, nhưng vẫn với tư tưởng thực dân. Đó là sự phân biệt khu phố Tây và khu phố bản xứ với các chỉ tiêu sử dụng đất khác nhau.

Về thiết kế KTCQ, E. Hébrard tuân theo nguyên tắc tạo hình của Pháp (Beaux-Arts) với các trục đại lộ có hàng cây hội tụ tại quảng trường có các công trình điểm nhấn, án ngữ,... đồng thời kết hợp với việc khai các yếu tố đặc trưng của cảnh quan tự nhiên của Hà Nội (sông, hồ, vườn cây, thảm thực vật, đồng ruộng ...) và khu phố cổ truyền thống bên sông Hồng được giữ lại, chỉnh trang và hiện đại hóa. Trong khi Hoàng thành – nơi biểu hiện quyền lực của Vương triều xưa của người Việt đã không được chú trọng.

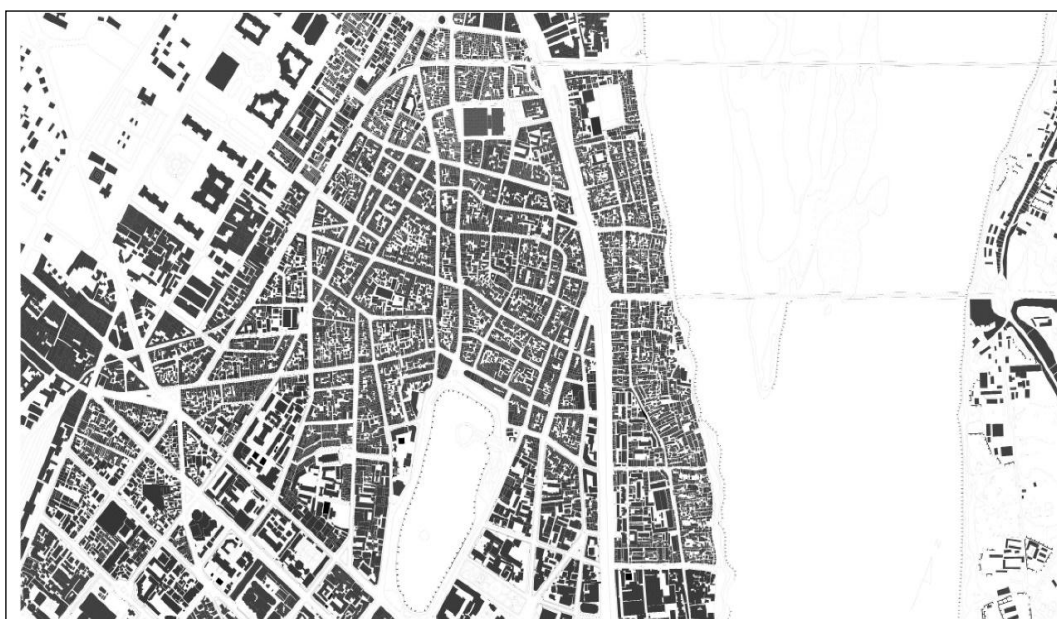
Hà Nội xây dựng theo quy hoạch trong nửa đầu thế kỷ XX đã để lại hình ảnh khác nhau giữa khu phố cổ truyền thống với phần còn lại của thành phố. Mạng lưới đường cùng cách thức xây dựng của hai khu phố khác nhau. Một bên

có hình thức trật tự quy củ, được thiết kế trước cả mạng đường dạng ô bàn cờ và các công trình với mật độ xây dựng thấp lại nhiều cây xanh.

Ngược lại, bên kia có hình dạng tự nhiên, không được thiết kế trước mà phát triển theo nhu cầu cả mạng đường và công trình với mật độ xây dựng cao và rất ít cây xanh. Nhận diện đặc điểm KTCQ của mỗi khu đều thông qua các thành phần cấu tạo chính. Đối với KTCQ khu phố cổ, đó là hình ảnh của “Tuyến”: là đường phố với các công trình kiến trúc hai bên; “Diện”: là không gian trống như quảng trường, sân, vườn hoa, đường phố,... và “Điểm”: là địa điểm có các công trình đặc biệt như đình, đền, chùa, chợ...



Hình 1. PL1: Sơ đồ quy hoạch tổng thể Hà Nội do KTS E Hébrard lập 1925. Và chân dung KTSErnest Hébrard [19]

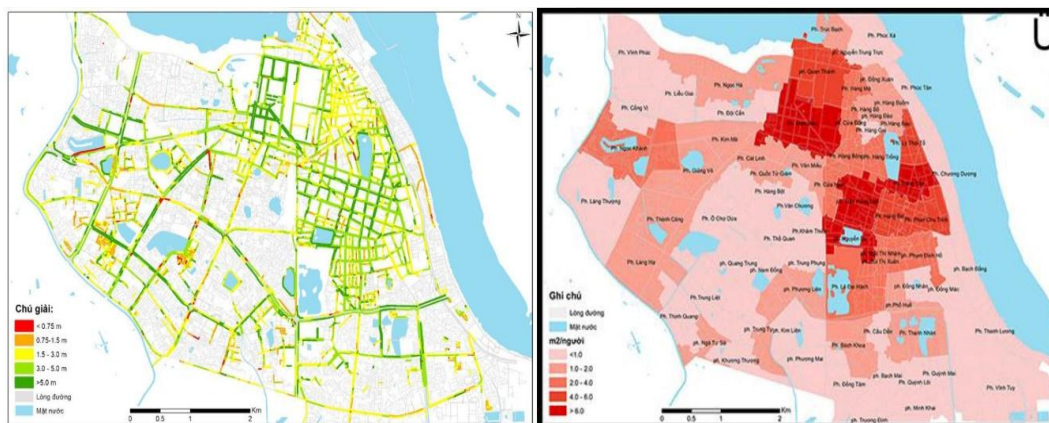


Hình 2.PL1: Khu phố cổ Hà Nội với các hình thái tuyến, diện, điểm.[86]

1.Tuyến (Tuyến phố)

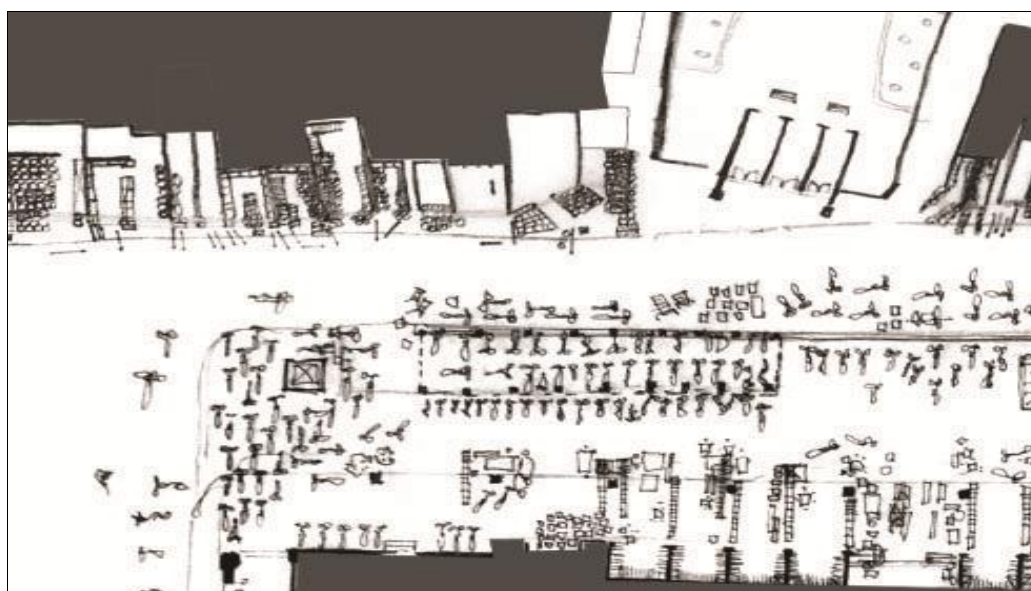
Phố và vỉa hè là những không gian công cộng chính yếu của KPC.[24] Cùng với những ngôi nhà hàng phố nối tiếp nhau – một thành tố quan trọng tạo nên đặc điểm KTCQ đường phố ở khu phố cổ Hà Nội. Hình thức mạng đường phố khu phố cổ cơ bản được xây dựng, chỉnh trang từ đầu thế kỷ XX: mở rộng đường, làm vỉa hè, trồng cây, chiếu sáng, phá bỏ các cổng ngăn các phường xưa. Những ngôi nhà mặt phố thay đổi hình thức kiến trúc trong 25 năm gần đây bởi những hoạt động kinh tế -văn hóa – xã hội mới do chính sách mở cửa, đổi mới nền kinh tế đất nước.

Mở rộng những hoạt động mới ngoài trời trong không gian tuyến phố và vỉa hè chịu tác động rất lớn của điều kiện tự nhiên. Vì thế cần có các giải pháp kiến trúc. Quy hoạch và sử dụng vật liệu thích hợp.



Hình 3.PL1: Hiện trạng bề rộng hè phố 4 quận nội thành. Tỷ lệ vỉa hè trong khu phố cổ vẫn cao hơn các khu vực khác trong thành phố[25].[38]

Trong quy hoạch và quản lý đô thị, đường, phố và vỉa hè được coi là không gian phục vụ giao thông. Trong khi cần hiệu rộng hơn như là một không gian công cộng. Cách tiếp cận đơn giản này đã tạo nên những bất cập trong thực tiễn sử dụng. Thêm nữa do quản lý yếu kém nên đường phố và vỉa hè ở KPC Hà Nội rơi vào tình trạng lộn xộn, tranh chấp và không có chỗ cho người đi bộ.



Hình 4.PL1: Mặt bằng sinh hoạt đoạn phố Hàng Khoai (từ đầu ngã tư Hàng Giầy – Hàng Khoai đến chùa Huyền Thiên).[32].[86]

2. *Diện* (là không gian trống như quảng trường, sân, vườn hoa)

Không gian trống hay nơi giao cắt ngã ba, ngã tư, những ngõ nhỏ nối thông với các con phố, ngoài chức năng giao thông còn là không gian công cộng quan trọng trong KPC Hà Nội – nơi tất cả mọi người gặp gỡ, giao tiếp và hoạt động kinh doanh. Trong không gian ấy, cuộc sống đô thị diễn ra đa dạng và nhiều chiều. Đó chính là nơi chốn, là “*Diện*” của không gian KTCQ KPC Hà Nội.

Chính mô hình hỗn hợp chức năng cùng phương thức xây dựng dân gian đã tạo nên sức sống mãnh liệt của khu phố cổ Hà Nội – một thành phố đặc thù do có khả năng bảo lưu, tồn giữ những giá trị truyền thống trong môi trường đổi thay liên tục. KPC Hà Nội vẫn là khu phố sôi động nhất lúc chiến tranh âm thầm hay vào thời bao cấp khi coi giao thương là điều cấm kỵ.



Hình 5.PL1: Mặt bằng sinh hoạt các khu phố quanh Chợ Đồng Xuân [32]. [86]

Cuộc sống trong các không gian trống tạo ra sức hút (tính hấp dẫn) của không gian đô thị. Tuy nhiên, tính hấp dẫn hay mức độ hoạt động trong không gian công cộng phụ thuộc nhiều vào yếu tố tâm lý và đặc biệt là vào khả năng tiếp cận giao thông thuận tiện và an toàn. Đây là vấn đề quan trọng trong tổ chức KTCQ, nhưng không dễ đối với trường hợp khu phố cổ Hà Nội bởi tính hỗn hợp chức năng trong các hoạt động của cư dân. Làm thế nào để giải quyết hài hòa

các hoạt động đồng thời trong các loại không gian: công cộng, bán công cộng và riêng tulà bài toán thường trực đối với công tác quy hoạch và quản lý đô thị. Đó là những câu hỏi: Không gian công cộng được bố trí như thế nào trong mối quan hệ với môi trường riêng tư và vùng biên giữa hai khu vực? Ranh giới linh động, co giãn dưới dạng những vùng chuyển tiếp không hoàn toàn riêng tư mà cũng không hoàn toàn là công cộng, có thể hoạt động như những mắt xích nối, làm dễ dàng hơn cả về mặt vật chất và về mặt tâm lí cho cư dân và cho các chuyển động qua lại giữa không gian riêng tư và không gian công cộng, giữa trong và ngoài.?,...[24]. [40]



Hình 6.PL1: Ngã tư Đào Duy Từ - Mã Mây và buổi tối phố đi bộ bên hồ Hoàn Kiếm, khu quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục – năm 2015



Hình 7.PL1: Ngã tư Hàng Giấy- Hàng Khoai đầu TK XX và đoạn phố từ ngã tư đến Chùa Huyền Thiên nhìn từ cửa sổ Chợ Đồng Xuân năm 2015.[20]

3. *Điểm*: (là địa điểm có các công trình đặc biệt như đình, đền, chùa, chợ...)

Điểm được xác định, trước hết là những địa điểm lịch sử: như các ngôi đình, đền, chùa, miếu... nơi lưu dấu cảnh quan lịch sử, sự kiện lịch sử, nơi sinh hoạt cộng đồng của cư dân khu phố cổ. Chính các địa điểm này tạo nên tính hấp dẫn cộng đồng và vẻ độc đáo của KTCQ, góp phần làm nên bản sắc KPCHà Nội.

Ví dụ như Chùa Quán Huyền Thiên (số 54 phố Hàng Khoai, phường Đồng Xuân). Năm 2015-2016 Chùa Quán được UBND quận Hoàn Kiếm và bà con tiểu thương chợ Đồng Xuân đóng góp hàng chục tỷ đồng để đầu tư, tôn tạo.

Chùa Quán Huyền Thiên được lập từ thời Lý (thế kỷ XI), là một trong “Thăng Long Tứ quán” của đạo Lão. Cuối thời Lê (thế kỷ XVII), đạo Lão suy tàn, Quán chuyển thành Chùa. Vốn là nơi thờ Huyền Thiên Thượng Đế, vị thần trấn phương Bắc được Việt hóa và coi như vị thần bảo vệ an lành cho cư dân. Có vị trí bên cạnh chợ Đồng Xuân, Chùa Quán là nơi tôn vinh thánh thần đã che chở cho cộng đồng doanh nhân tránh nạn cướp trộm, thuận lợi doanh thương, cũng là nơi đề cao sự thật thà, giữ chữ “Tín” trong doanh thương tạo nên vẻ đẹp văn hóa Kẻ Chợ.



Hình 8.PL1: Tranh vẽ của họa sĩ Nguyễn Thế Khang: khu vực quanh chợ Đồng Xuân TK XIX; Chùa Quán Huyền Thiên 1993 và Dự án tôn tạo 2015.[20]

Bức tranh tả Thăng Long (thế kỷXIX) cho thấy cảnh trên bến dưới thuyền của khu vực này. Chợ Đồng Xuân vốn là Chợ Cầu Đông nằm dưới chân cầu gạch bắc qua nhánh sông nhỏ nối Hồng Hà vào hào nước cống phía Đông của Thành Hà Nội.

Chợ Cầu Đông dịch ra hồ lớn được lấp đi để xây nhà máy dệt, sau chuyển thành chợ Đồng Xuân, đất chợ Cầu Đông cũ thì xây thành Chùa Cầu Đông nay ở 38 Hàng Đường. Chùa do bà con hàng phố, dân làng quanh đó hưng công xây dựng bồi bổ, sau những cuộc can qua loạn lạc: chùa Cầu Đông hay Chùa Quán Huyền Thiên bị đốt phá cũng được người dân hàng phố hăng tâm công quả xây chùa dựng tượng, đúc chuông. Thời kỳ bao cấp, nhiều người dân đến ở trong chùa Cầu Đông, cổng Tam quan Chùa Quán Huyền Thiên, các vị trụ trì bỏ vốn riêng và bà con góp vàng, góp tiền chuộc lại đất chùa. Sau này ban quản lý phố cổ kiên quyết di chuyển hết các hộ dân lấn chiếm và trả lại nguyên vẹn khuôn viên đất cho chùa. Đây là bài học thành công về sự tham gia cộng đồng trong bảo vệ tôn tạo KTCQ tại các địa điểm lịch sử trong khu phố cổ Hà Nội.

PHỤ LỤC II.1

Đặc điểm tổ chức cộng đồng KPC Hà Nội

Buôn có bạn bạn có phường

Giai đoạn 1886-1895. Lập ranh giới Hà Nội để quy hoạch khu phố Tây HN. Năm 1890, người Pháp cho phá nốt phần còn lại của Hoàng Thành, chỉ để lại cổng phía Bắc 1893. Việc phá thành lập hào và xây dựng khu phố Tây phía nam Hà Nội đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc quản lý quy hoạch xây dựng lên khu phố của người bản xứ - tức là khu phố cổ hiện nay.

Hà Nội đã được xây dựng một thành phố phương Tây trên nền móng của đô thị phương Đông đã suy tàn. Nhà cửa và kết cấu đường phố thay đổi căn bản và lần đầu tiên những cư dân Hà Nội tập hợp nhau lại để đối mặt với những chính sách quản lý đất đai/xây dựng mới do người Pháp thiết lập và vận hành. Hội đồng kỳ mục tại các làng quanh Thành cũ, các phường hội sản xuất, buôn bán.

Ngày 13/10/1902, Hội đồng Thành phố đã nghiên cứu: “Dự án quy hoạch chung cho khu bản xứ của Sở Đô Thị”.

Ngày 14/04/1914: Tất cả các công trình xây dựng phải xin phép. Có đến 60-70% nhà gạch được xây mới tại KPC trong thời kỳ này. Như vậy KTCQ khu phố cổ Hà Nội đã có biết đổi rất mạnh mẽ trong 30 năm cuối TK XIX đầu TK XX (1885-1914): hầu hết mạng lưới đường phố trong khu phố cổ đã hình thành, các hồ ao, hào nước đã san lấp, thành trì dỡ bỏ, các công trình lớn. Bóng dáng thành trì phong kiến phương Đông xen lẫn với làng xóm đã biến mất, thay thế vào đó là các đường phố nhỏ theo kiểu châu Âu dần hình thành. [2] Cộng đồng thị dân Hà Nội đã tận dụng tổ chức tự quản truyền thống (Hội đồng kỳ mục) với mục đích tối thượng là bảo vệ lợi ích của từng cá nhân trong cộng đồng. Đồng thời củng cố lợi ích bằng cách chủ động biến đổi KTCQ tại chính đường phố có tài sản nhà, đất của mình: Nhanh chóng xây nhà gạch theo hàng lối, tuân thủ hướng dẫn của Thành phố. Vai trò của Hội đồng kỳ mục được đề cao cùng với

sự tham gia cộng đồng trong việc tạo lập KTCQ khu phố cổ Hà Nội thông qua các công trình sinh hoạt cộng đồng chung trong khu phố, như: đường xá, chợ búa, đình chùa, trường học.

Từ làng lên phố: từ lý trưởng đến trưởng phố

Trước khi thành lập Sở Quy hoạch kiến trúc Đông Dương (1923) Hà Nội được quy hoạch bởi các kỹ sư công chính. Trong những năm 20 của thế kỷ XX, để phát triển đô thị, người Pháp quy định: “Chỉ xây dựng căn nhà kiểu Âu, cấm xây nhà kiểu bản xứ. Số người sử dụng mỗi phòng ngủ tối đa 1 người/ 25 m²....Đối với những nhà có sẵn từ trước, cần được sửa chữa cho phù hợp quy định mới “

Bên cạnh các giải pháp quy hoạch, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật đô thị đã được triển khai, người Pháp duy trì bộ máy quản trị cơ sở theo mô hình truyền thống. Bởi ưu thế của sự tham gia cộng đồng truyền thống bằng các thiết chế tự quản thông qua Hương ước. Đó là mô hình tự quản làng xã được cải tiến cho phù hợp với nhu cầu của thời đại mới. Trong tiến trình này, vai trò thủ lĩnh cộng đồng địa phương với tư cách tập thể là “Hội đồng kỳ mục” hay với tư cách cá nhân là Lý trưởng/ xã trưởng đã chuyển hóa thành “Trưởng phố”. Chính quyền Thành phố bỏ qua tầng lớp trung gian đi thẳng từ Hội đồng Thành phố tới trưởng phố. Các thiết chế tự quản như “Hội đồng kỳ mục” hay “Hội đồng tộc biểu” chỉ tồn tại lại các làng ngoại thành giáp ranh hoặc các trường hợp tham vấn.

Cộng đồng cư dân Hà Nội không quan tâm nhiều đến các cơ quan Thành phố nhưng họ đặc biệt quan tâm đến việc bầu phố trưởng, họ coi đây là dịp bênh vực hay phê phán – đó cũng là thể hiện cách nghĩ của cộng đồng thị dân: đặt ra một vấn đề nóng bỏng về sự phát triển xã hội dân sự mong muốn tham gia vào đời sống chính trị với những hình thức khác nhau và cất lên tiếng nói của mình.[37]

Người hàng phố

Cùng với làn sóng phát triển kinh tế mạnh mẽ và giao lưu văn hóa Đông, Tây được thúc đẩy, nhiều tổ chức cộng đồng có ảnh hưởng lớn tới các hoạt động xã hội, trong đó có công tác quản lý KTCQ khu phố cổ. Đó là các cộng đồng làng xóm cũ và mới, cộng đồng hàng phố, cộng đồng phường hội nghề nghiệp, cộng đồng trí thức, công chức, viên chức (Hội Khai trí tiến đức/Nghiệp đoàn báo chí...), cộng đồng nhân sĩ tiên bộ (phong trào Nghĩa thực, Hội Bình dân học vụ, hội Ái hữu, Tương tế, phong trào Ngôi nhà ánh sáng của các KTS trường Mỹ thuật Đông Dương), cộng đồng tôn giáo (phong trào chấn hưng Phật giáo, Hội thánh Tin lành, Hòa Hảo với những hoạt động từ thiện tăng cường vệ sinh trong các khu dân cư lao động nghèo). Cộng đồng tham gia mạnh mẽ vào các hoạt động xã hội, hình thành các thiết chế mới (xây trụ sở, mở nhà in, báo mới, mua đất, gây quỹ để xây dựng cơ sở kinh doanh hoạt động, hình thành các KTCQ mới...)[64]

Người Hà Nội mới

Sau chín năm Kháng chiến gian khổ (1946-1954), ngày 10/10/1954, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trở về tiếp quản Thủ đô.

Chính sách quản lý nhà đất thời ấy cũng mới: Mỗi hộ gia đình chỉ được sử dụng không quá một ngôi nhà gạch có diện tích nhỏ hơn 200m². Những gia đình có nhà đất diện tích lớn hơn được vận động hiến nhà, đất cho nhà nước hoặc hợp tác với nhà nước, để nhà nước quản lý, cho thuê. Người được thuê là cán bộ công nhân, lực lượng vũ trang, miền Nam tập kết, dân ngoài đô chạy lạt vào các nơi ở an toàn hơn trong phố...

Trong các dự án quy hoạch mới của thành phố, khu phố cổ không được đề cập. Trong thời gian này, cộng đồng dân cư Hà Nội tham gia xây dựng hàng loạt công trình lớn của Thủ đô: công viên Thống Nhất, đường Thanh Niên, hồ Thành

công, Thanh Nhân, sông Tô Lịch, kênh mương thủy lợi các xã ngoại thành, đắp đê Sông Hồng...

Không gian KTCQ khu phố cổ: Duy trì hiện trạng, biến đổi các cơ sở kinh doanh thương mại/một phần nhà ở tư nhân, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng thành các cơ sở sản xuất thủ công hay trụ sở các cơ quan hành chính địa phương, trường học, nhà trẻ, trạm y tế...

Quy định pháp lý và biện pháp quản lý: Tập trung, bao cấp. Bộ máy quản lý trực tiếp từ Thành phố đến các tổ dân phố, quận Hoàn Kiếm được gọi là khu Hoàn Kiếm, dưới khu là các tiểu khu có vai trò quản lý mờ nhạt. Các khu phố cũng chia nhỏ thành các tổ dân phố và có các “tổ trưởng dân phố” kiêm nhiệm.

Sự tham gia cộng đồng: do cộng đồng mới thực hiện là chính. Có một số hoạt động đơn lẻ, tự phát do cộng đồng truyền thống thực hiện việc duy trì tôn giáo, tín ngưỡng địa phương hay tham gia vào các công tác cứu trợ bão lụt.

Giai đoạn 2007-2018, Sau khi ban quản lý phố cổ trực thuộc UBND quận có sự thử nghiệm trở lại về tham gia cộng đồng trong quản lý, duy tu và khai thác KTCQ khu phố cổ, nhiều hoạt động bảo tồn được triển khai đồng bộ: hàng loạt các đình chùa được phục dựng, dự án chỉnh trang tuyến phố khá thành công. Tổ chức các tuyến phố du lịch, đi bộ thành công đã huy động người dân tham gia bảo tồn, chỉnh trang đường phố một cách tự giác cho thấy sự tham gia cộng đồng đã làm nên sức sống mới cho khu phố cổ.

Hiện tại, cộng đồng dân cư khu phố cổ đang biến đổi mạnh với sự xuất hiện của các cộng đồng dân cư mới do những biến động kinh tế xã hội, đặc biệt 20 năm trở lại đây. Khu phố cổ đã chuyển đổi mạnh sang dịch vụ thương mại hướng tới du lịch. Các cộng đồng cư dân mới có nguồn lực, có ảnh hưởng xã hội và các mối quan hệ mới là các tác nhân có ảnh hưởng trực tiếp, có tính quyết định đến quy hoạch và quản lý KTCQ- khu phố cổ Hà Nội.

PHỤ LỤC II.2**Kế hoạch khung phát triển quận Hoàn Kiếm giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045**

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, UBND Thành phố Hà Nội công bố Kế hoạch 63/KH-UBND về Triển khai công tác chuẩn bị lập “Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Nhiệm vụ lập quy hoạch thành phố Hà Nội nhằm sắp xếp, phân bố không gian các hoạt động kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh gắn với việc phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố để sử dụng hiệu quả các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển bền vững trong thời kỳ 2021 – 2030 và những năm tiếp theo. Quy hoạch thành phố Hà Nội được triển khai thực hiện theo phương pháp tích hợp, đa ngành, bảo đảm sự thống nhất và đồng bộ trong định hướng phát triển và liên kết giữa các ngành, lĩnh vực nhằm khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực cho phát triển kinh tế – xã hội của thành phố, phát huy được tối đa tiềm năng, lợi thế của ngành, lĩnh vực, các quận, huyện, thị xã nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Đồng thời, quy hoạch phải thể hiện các dự án cấp quốc gia đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia; các dự án cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định ở quy hoạch cấp vùng; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện. UBND thành phố giao Sở Kế hoạch & Đầu tư chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, triển khai lập quy hoạch thành phố theo đúng quy định; tham mưu cho UBND thành phố xem xét, trình các cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

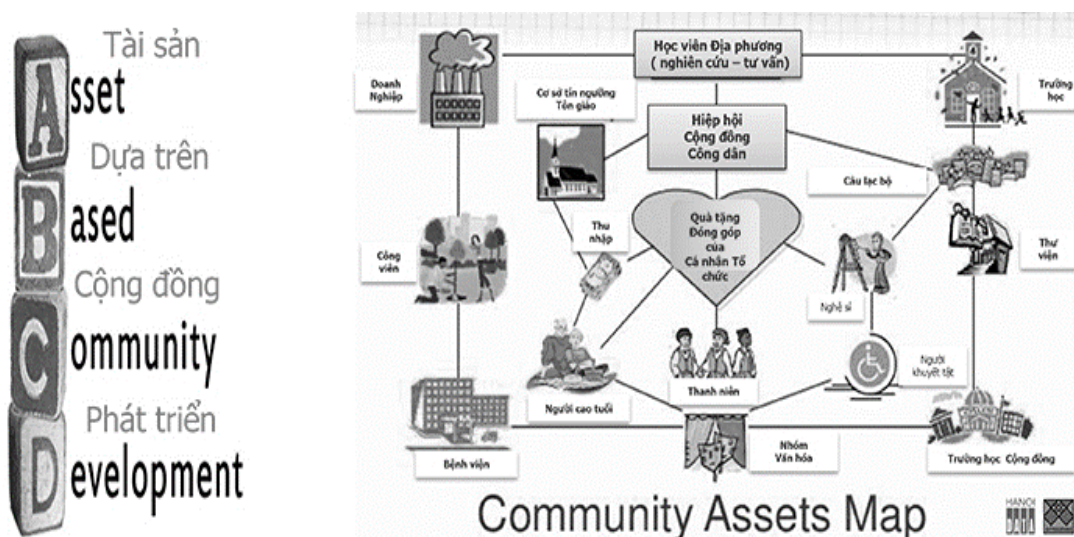
Bản Quy hoạch Thành phố Hà Nội được hình thành từ địa phương, lại nằm trong mối liên hệ các địa phương lân cận, tỉnh thành và trong tổng thể liên kết vùng, quốc gia. Không gian KTCQ –KPC Hà Nội là một phần không tách rời của quận Hoàn Kiếm, do vậy xây dựng Quy chế quản lý CQKT KPC là nội dung thành phần trong “Kế hoạch khung phát triển Hoàn Kiếm giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2045”.

PHỤ LỤC III.1

Vốn xã hội

Trong thực tiễn phát triển ở nước ta, vốn xã hội và vốn con người đang từng bước tham gia hiệu quả vào quá trình phát triển kinh tế-xã hội, nhất là trong môi trường năng động như của KPC Hà Nội. Trong đó doanh nghiệp xã hội hoạt động phi lợi nhuận là mô hình mới đang từng bước được hình thành. Trong KPC đã có một số đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường, khuyến khích đi bộ, xe đạp, tiết kiệm năng lượng hay tổ chức các hoạt động sinh hoạt cộng đồng phi lợi nhuận.

Những tổ chức cộng đồng mới này được hình thành và hoạt động theo mô hình có tên là Phát triển cộng đồng dựa trên tài sản – ABCD (Asset Based Community Development) – một loại mô hình hoạt động cộng đồng do Jody Kretzmann và John McKnight đề xuất [80]



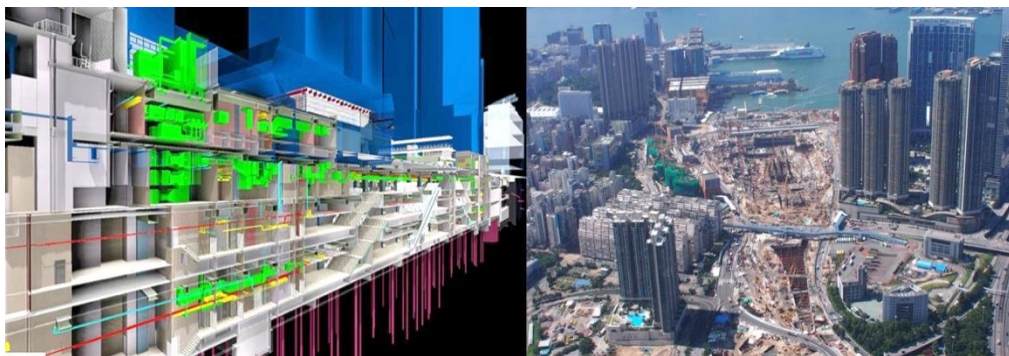
Hình 1. PL3: Mô hình phát triển cộng đồng dựa trên tài sản ABCD [80]

PHỤ LỤC III.2

Quản lý KTCQ trên nền tảng của công nghệ số

Tương tự như quản lý đô thị theo hướng thông minh, quản lý không gian KTCQ KPC Hà Nội cần những công cụ mới trên nền tảng của công nghệ số. Đó là:

- Hệ thống Giao thông thông minh – ITS (Intelligent Transport System);
- Hệ thống thông tin địa lý – GIS (Geografic Information System);
- Phát triển đô thị định hướng GT – TOD (Transit Oriented Development);
- Quản lý cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng – FM (Facility Management);
- Mô hình thông tin dự án xây dựng - BIM (Building Information Modeling).



Hình 2.PL3: Hồ sơ BIM mô tả dự án tổ tại WanChai (Hongkong) [36].



Hình 3.PL3:Tổ hợp ga Metro Bến Thành (TP.HCM). Hà Nội bao gồm Ga ngầm, trung tâm thương mại, bãi đỗ xe ngầm, và hệ thống xử lý, thoát nước [36].